

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # 54355 54355/GWL/CRU

Date: _____
Ngày: March 21, 1980

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : LE HUU THUC Sex: Phái M
2. Other Names
Họ, tên khác : N/A
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : September 12, 1939 SAIGON
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 88/3B Ben Me Moi, Khom 3 Thuong 2, Thai Ma Sadec, Tỉnh Dong Thap, Vietnam
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : TUONG Thi Nguyen
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Medical Doctor

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kê khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>NGUYEN THI TUYEN</u>	<u>Oct 12 1945</u>	<u>Bachgia</u>	<u>F</u>	<u>M</u>	<u>Wife</u>
2. <u>LE THI DUNG</u>	<u>May 17 1969</u>	<u>Q.1 SAIGON</u>	<u>F</u>	<u>S</u>	<u>Daughter</u>
3. <u>LE HUU LOC</u>	<u>Jan 20 1973</u>	<u>Sadec</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>Son</u>
4. <u>LE HUU THIEN</u>	<u>May 21 1976</u>	<u>Sadec</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>Son</u>
5. _____	_____	_____	_____	_____	_____
6. _____	_____	_____	_____	_____	_____
7. _____	_____	_____	_____	_____	_____
8. _____	_____	_____	_____	_____	_____
9. _____	_____	_____	_____	_____	_____
10. _____	_____	_____	_____	_____	_____
11. _____	_____	_____	_____	_____	_____
12. _____	_____	_____	_____	_____	_____

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thủ (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	:	TUONG Thi Nguyen
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	Sister
c. Address Địa-chỉ	:	
D. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ		1 - 15 - 1981
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ, tên	:	N/A
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father Cha	:	LEE HUO KIET
2. Mother Mẹ	:	NGUYEN THI Y
3. Spouse Vợ/Chồng:	:	NGUYEN THI TUYET
4. Former Spouse (if any) Vợ/Chồng trước (nếu có):	:	N/A
5. Children Con cái:	(1)	LE THI BING
	(2)	LE HUU LOC
	(3)	LE HUU THIEN
	(4)	
	(5)	
	(6)	
	(7)	
	(8)	
	(9)	
6. Siblings Anh chị em:	(1)	LE HUU KHUONG Brother
	(2)	LE THI THANH TUYET Sister
	(3)	LE THI TUYEN Sister
	(4)	
	(5)	
	(6)	
	(7)	
	(8)	
	(9)	

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : LE HUU PHUC

Position title
Chức-vụ : Medical Doctor

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : WILPHAP Team/ Sadec Hospital/ Sadec Sector
(Documents 1 and 2)

Length of Employment From: 1970 To: 1971
Thời-gian làm-việc Từ Đến

Name of American Supervisor WILLIAM R. HARDCASTLE
Tên họ giám-thị Mỹ:

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : Team pulled out of Vietnam

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên :

Position title
Chức-vụ :

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng :

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ Đến

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ:

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc :

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên :

Position title
Chức-vụ :

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng :

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ Đến

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ:

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc :

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: LE HUU PHUC

2. Dates: From: 1966 To: 1973
Ngày, tháng, năm Từ Đến

3. Last Rank / Cấp-bậc cuối-cùng : Captain Serial Number: 59/161150
Số thẻ nhân-viên:

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/số/Đơn-Vị Binh-Chúng : Sadec Sector Hospital/Medical Corps
(Document 3)

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : Major/MD Nguyen Van Tai

NOTE : About service from 1973 to 1975, please see I and J additional remarks and attached documents.

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc : Unit dissolved
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ : WILLIAM R. HARDCASTLE
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Viet-Nam : General Surgery
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: Date received:
Phân-thưởng hoặc giấy khen: N/A Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes ☐ No ☒.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Đứng sự có không? Có ☐ Không ☒.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: LE HUU PHUC
2. School and School Address : Public Health Department
Trường và địa-chỉ nhà trường : Taiwan, Republic of China
3. Dates: From May 31, 1974 To Jun 10, 1974
Ngày, tháng, năm Từ: Tối:
4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học : Family planning Program
5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : USAID (Documents 3 and 4)

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☒ No ☐.)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☒ Không ☐)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : LE HUU PHUC
2. Time in Reeducation: From: 1975 To: 1975
Thời gian học-tập Từ: Tối: In service re-education (01 month)
3. Still in Reeducation?* Yes No
Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

5/24/1975 - 9/3/1974 : assigned to the Ministry of the Public Health as Chief of Surgical Ward (Sadeo Hospital)
9/3/1974 - 4/30/1975: Director of Civil-Military Sadeo Sector Hospital (documents 5 and 6)
1975 - 1983 : three abortive attempts to escape Vietnam by boat until 1983 when I submitted official petition for exit visa (document 7)

Signature

Ký tên :

Date

Ngày:

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- 1- A photograph taken on 2/11/1971 with Major Hardcastle
- 2- Hand-written notes from Dr. Hardcastle
- 3- A photograph taken in front of Public Health Department, HUS
- 4- 03 photocopies of passport
- 5- 02 photocopies of orders/Dept of Public Health
- 6- A photocopy of "Certificate of presentation"
- 7- My wife's release certificate

IV.054355/GWL/CRU

March 15, 1988

FROM: IV.054355, Nguyen Thi Tuyet
88/3B Khom 3 Phuong 2, Ben Xe Moi
Thi Xa Sedec, Dong Thap - Vietnam

TO: ODP Office
American Embassy
Box 58
APO San Francisco 96346-0001

REF: ODP letter of January 12, 1988

QUESTIONNAIRE

Dear Sir,

This is in reply to your January 12 (1988) letter requesting verification that my spouse - Mr Le Huu Phuc - was closely associated with the US Government before April 1975.

Enclosed are his personal questionnaire and supporting documents as evidence of his pre-1975 close association with the US (MILPHAP) in Sedec sector, SVN.

I hope these documents will be accepted by your good office. Anything you can assist us will be highly appreciated.

Sincerely yours,

Tuyet

NGUYEN THI TUYET

Enclosures

*Questionnaire for my husband Lê-huu Phuc
and 7 Documents attached to
this questionnaire*

có giá trị đến
valable jusqu'à
valid until

13 JUL 1974

Sở Thông-hành này có giá trị tại các nước sau đây:
Ce passeport est délivré pour les pays ci-après:
This passport is valid for the following countries:

Republic of China. 1/ 6

I.V. 54355/GWL/CRM

Document 4

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA
RÉPUBLIQUE DU VIÊT-NAM
REPUBLIC OF VIET-NAM

THÔNG-HÀNH CÔNG-VỤ
PASSEPORT DE SERVICE
OFFICIAL PASSPORT

Số 18.067
No

Tên và họ
Nom et prénoms
Name

Mr. LÊ HỮU PHÚC

Ngày sinh
Date de naissance
Date of birth

September 12, 1939

Nơi sinh
Lieu de naissance
Place of birth

SA-ĐÉC

Thông hành công vụ này gồm có 48 trang.
Ce passeport de service contient 48 pages.
This official passport contains 48 pages.

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

THÔNG-HÀNH CÔNG-VỤ

TỔNG-TRƯỞNG NGOẠI-GIAO

Le Ministre des Affaires Étrangères
The Minister of Foreign Affairs

yêu cầu các Văn và Võ qũn có phận sự duy-trì trật-tự trên lãnh-thò
requiert les Officiers civils et militaires chargés de maintenir l'ordre
requires all civil and military authorities in charge of maintaining order

Việt-Nam và nhà chức trách được ủy-thác nhiệm vụ tương-tự trong
au Viet-Nam et prie les autorités investies de la même mission dans
in Viet-Nam and requests the authorities invested of the same duty in

các nước Đồng-Minh và Thân-Hữu đờ..... Ông
les pays Alliés ou Amis de laisser librement passer
Allied or Friend countries to let pass freely..... Mr.

LÊ HỮU PHÚC
Government Official

được tự do thông-hành và khi cần đến, giúp đỡ và bảo vệ đương-sự.
et de lui donner aide et protection en cas de besoin
and to afford assistance and protection to the above named person in
case of need.



Saigon { ngày 31
le MAY 1974
on

H.N. Tổng-Trưởng Ngoại-Giao,
Le Ministre des Affaires Étrangères
The Minister of Foreign Affairs

THE DIRECTOR OF CONSULAR AFFAIRS

BỎ-LAI-KỶ

Ảnh của đương-sỹ và của các con cùng đi theo.

Photographie du titulaire et, le cas échéant, photographies
des enfants qui l'accompagnent.

Photograph of bearer (and of children if any).



Chữ ký của đương-sỹ.

Signature du titulaire.

Signature of bearer.

CHIẾU-KHẨN
VISAS

- 10 -

ĐI
DEPARTURE
03 JUN 1974 KHẨN
VISAS
OFFICIAL
TAN SON NHUT AIRPORT SAIGON

Ministry of Foreign Affairs
BỘ NGOẠI-GIAO VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

GRATIS Chiếu khản số 16.82/74.
Visa No.

Đã ra khỏi Việt-Nam & trở lại
Good for leaving Viet-Nam and return
Trong thời hạn 17 ngày.
Within a period of Seventeen days.

Chiếu khản này có hiệu lực đến ngày 14 JUN 1974 ngày
This visa is valid for Seven days

Kê từ ngày 14 JUN 1974
From the date of issue
SAIGON, on MAY 3 1974

MINISTER OF FOREIGN AFFAIRS
Director of Consular Affairs

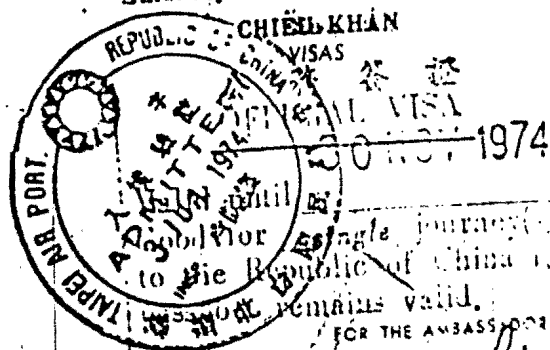
REPUBLIC OF VIETNAM
MINISTRY OF
FOREIGN AFFAIRS

ĐỒ-LAI-KỲ

- 11 -

CHIỀU-KHÂN
VISAS

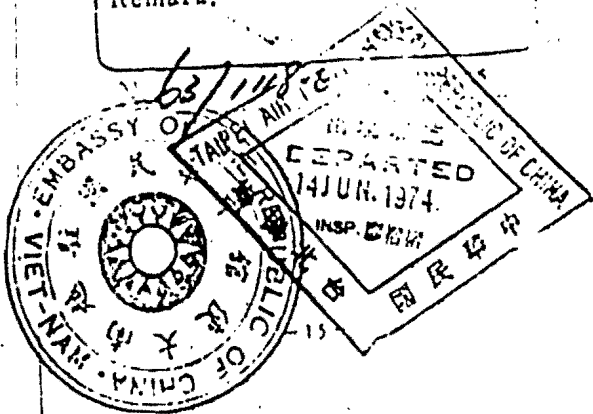
Embassy of The Republic of China



P. C. Chiang
PECHING CHIANG
FIRST DEPUTY

Date of Issue MAY 30 1974

Remark:



William B. Hardcastle
Tulane School of Medicine
517 Poydras Drive N.E.
Atlanta 5, Georgia

IV. 54355/GWL/CRU

Document 2

Hand-written notes from
Dr Hardcastle
on Reports of Operations

112. Nguyen Thi Lien
0.5
Qan anh Hoa

Pre-op
Present Cyst

Post-op - Ascariasis

28.4.71 AG are plus.

HS Hardcastle
HS Thine

6 by
Co Van
Co Xuyen
Lo Khong

Epithelial Squamous
Quintal Appendicitis

27	Nguyen v. Ut Canh Hoa City	Sr. Tan A - <u>blau</u>	9-9-70	Mon U Lth et an Thorpento	BS. Hand Cnple BS. Phuc	Ci Thuy Ci Cu O Tri Ci Hon Ci Thau	Exploratory laparotomy Cholecystolithotomy Duodenostomy Cholecystectomy
28	Nguyen Ba	Ed S de - ct?	10. 2. 70	-	-	J. Dai	Phen an can de Sa

49 Ng. từ lịch
LH
Ng. Ximig

Nystole corac 11.2.41
Lơ du

Spinal
à le d'orte
cous /

Bl. 10. needle
Bl. Phuc.

ô Đức
Ty.

Kyrtatwan G.
(Kyrtatwan h'nao)
ô le g'nao ? ? na n'nao

50 Ng. từ 6.11

Tru

11.2.41

H'g. d'orte

Bl. Phuc.

ô Đức

Rouletan G.

IV.54355/GWL/CRU

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
Độc lập - Dân Chủ - Hòa Bình - Trung Lập

GIẤY CHỨNG NHẬN TRÌNH DIỆN

32 /AN

Document 6

Họ, tên Lê Hữu Phước

Ngày, tháng, năm sinh 12-9-1939

Sinh quán Lưu Huỳnh Diêu Cầu, xã Tân Sỏi, huyện Tân Sỏi

Chỗ ở hiện tại 377 Phan Thanh Giản, xã Sỏi

Trước từng sự tại Ty y Sĩ Sỏi

Cấp bậc Bác Sĩ

Chức vụ Trưởng phòng y tế

Sở quân -

Thẻ căn cước số 12310255 cấp 12-11-1975

Đến trình diện ngày 01 tháng 5 năm 1975

Tại Sỏi

Sau trình diện về cư trú tại 377 Phan Thanh Giản

Có nộp các thứ sau đây :

01 thẻ căn cước, 01 thẻ căn cước quân nhân

(có biên nhận kèm theo)



2 tháng 6 năm 1975

Ủy Ban Quân Quản

TRUNG-TAM-NINH

Q. SỎI
Nguyễn Văn Hùng

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH CHO NGƯỜI GIỮ GIẤY CHỨNG NHẬN

- 1 - Phải tuân theo luật lệ quy định của Chính quyền Cách Mạng.
- 2 - Phải xuất trình giấy chứng nhận này với cán bộ Chính quyền ở Phường, Xã.
- 3 - Giấy này không thay thế cho giấy thông hành,
- 4 - Không được tày xé, sửa chữa, cho mượn giấy chứng nhận này. Nếu mất phải trình báo ngay với cơ quan an ninh nơi mất và với Chính quyền nơi cấp giấy chứng nhận.
- 5 - Khi Chính quyền Cách Mạng báo gọi thì phải đến đúng hẹn.





Please See Video

Document 1

- x Dr Hard Castle
- o Dr Lê huu Phúc

NY 54355/GWL/C22

Document 3



Please See Verso

Tên họ, an, họ, an
Số: 123456789
TET

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

IV. 54355/GNL/CRU

LỆNH THA

Document 7

Tôi Nguyễn Văn Lân
Chức vụ Phó phòng Công an huyện Cần Giuộc
Căn cứ quyết định miễn tử số 05 ngày 05 tháng 06 năm 1972
đối với bị can NGUYỄN THỊ TUYẾT, can tội vi phạm
Căn cứ vào pháp luật hiện hành ;

RA LỆNH THA

Họ và tên Nguyễn Thị Tuyết Bí danh
Sinh ngày 12 tháng 11 năm 1945
Sinh quán Sài Gòn, Quận 1
Trú quán 28/3 B. 7 Hẻm 100 X. 1
Nghề nghiệp Nồi Táo

Ông Giám thị trại tạm giam Cần Giuộc
thi hành khi nhận được lệnh này.

Lệnh này gửi đến Ông Viện trưởng V.K.S.N.D Cần Giuộc
để tường.

Cho 12/11/72
Lân

ngày 05 tháng 06 năm 1972

T.M. Phó phòng Công an
huyện Cần Giuộc

NƠI NHẬN

- Ông Viện trưởng V.K.S.N.D Cần Giuộc để biết
- để báo cáo
- Ông Giám thị trại tạm giam P.V.C.T. để thi hành
- để biết
- Đương sự khi về trình với: Ông Q. H. H. để biết
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Lân

- Chiếu Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 1-4-1967, tu chỉnh do Luật số 001/74 ngày 22-1-1974;
- Chiếu Sắc-Lệnh số 394-TT/SL ngày 1-9-1959 và các văn-kiện kế tiếp, nhất là Sắc-Lệnh số 130-TT/SL ngày 13-2-1974, ấn định thành phần Chính-Phủ;
- Chiếu Sắc-Lệnh số 35-YT ngày 19-9-1949, ấn định chức chương Độ-Trưởng Y-Tế; và S.L số 175-SL/YT ngày 23-7-74 v/v tổ chức Bộ Y-Tế
- Chiếu Sắc-Lệnh số 175-NV ngày 23-5-1955 và các văn-kiện kế tiếp, ấn định phụ-cấp chức-vụ, cung cấp bằng hiện vật và hiện kim cho các công-chức và nhân-viên công sở;
- Chiếu Nghị-Định số 354-YT/HC/NĐ ngày 3-5-1956 và các văn-kiện kế tiếp, xếp hạng các Bệnh-Viện;
- Chiếu Quyết-Định số 3221-BYT/IV/NN2/QĐ ngày 6-7-1970, cử Bác-Sĩ NGUYỄN-VAN-TRÍ giữ chức-vụ Trưởng-Ty Y-Tế kiêm Quản-Đốc Bệnh-Viện Sadeo;
- Chiếu tờ trình số 474-BYT/QTTB/CI ngày 20-8-1974 của Tổng Nha Y-Tế và phiếu gửi số 1048-BYT/QTTB/CI/1/1257 ngày 22-8-1974 của Sở Quản-Trị Bệnh-Viện;
- Chiếu nhu-cầu công-vụ,

QUYẾT - ĐỊNH :

ĐIỀU I - Nay cử :

- BS. NGUYỄN-VIỆT-TÙNG, Y-Sĩ Thiếu-Tá biệt phái ngoại ngạch, Y-Sĩ Điều-Trị, tổng sự tại Bệnh-Viện Phối-Hợp DQY Sadeo, giữ chức-vụ Trưởng-Ty Y-Tế Sadeo thay thế BS. NGUYỄN-VAN-TRÍ vừa dặc cử Nghị-Viên Hội-Đồng Tỉnh.
- BS. LÊ-HỮU-PHÚC, Y-Sĩ Điều-Trị khố-ước, tổng sự tại Bệnh-Viện Sadeo, giữ chức-vụ Giám-Đốc Bệnh-Viện này thay thế Bác-Sĩ NGUYỄN-VAN-TRÍ.

ĐIỀU II - Kể từ ngày thực sự đảm nhiệm chức-vụ kể trên, các đương-sự được hưởng khoản phụ-cấp chức-vụ ấn định theo thể lệ hiện hành, do Ngân-Sách Quốc-Gia (cơ-quan xử dụng) giải thọ.

ĐIỀU III - Phụ-Tá Tổng-Trưởng, Tổng Thư-Ký và Tổng Giám-Đốc Bộ Y-Tế Chiếu nhiệm-vụ thi hành Quyết-Định này.

NOI NHẬN : Phủ Tổng-Ủy Công-Vụ

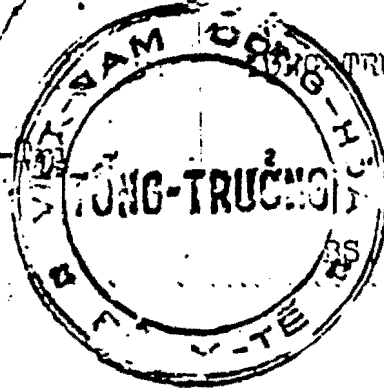
- Nha TGD Ngân-Sách/Ngoại-Viện
- Nha TGD Y-Tế - Nha Tổng Thư-Ký
- Thanh-Tra Đoàn YT - Nha YT Điều-Trị
- Nha Y-Tế C/c - Nha Tiếp-Vận
- Tòa Hành-Chánh Sadeo
- Ty Y-Tế Sadeo - Bệnh-Viện Sadeo

"Để tổng đạt"

- Sở Quản-Trị Bệnh-Viện
- Sở Ngân-Sách và Kế-Toán
- Sở Pháp-Chức - Phòng Thống-Kê
- Sở Nhân-Viên Chính Ngạch
- Phòng Kiểm-Tra Nhân-Lực

Hồ-sơ - Lưu

22/10/74/20.



VIỆT-NAM CONG-HOA
BỘ Y-TẾ
-oOo-

Saigon, ngày 24 tháng 5 năm 1973.
Số 3476 BYT/NVNN2/QĐ

TỔNG TRƯỞNG Y-TẾ,

Document 5

Chiếu Sắc-Lệnh số 394-TT/SL ngày 1/9/1969 và các văn-kiện kế tiếp ấn định thành phần Chánh-Phủ;

Chiếu Sắc-Lệnh số 35-YT ngày 19/9/1949 ấn định chức chương Bộ Trưởng Y-Tế;

Chiếu Nghị-Định số 331-QP/ND ngày 23/4/1973 của Bộ Quốc-Phòng biệt phái sang Bộ Y-Tế 30 Quân-Y-Sĩ;

Chiếu Lệnh Thuyên-Chuyển số 2494-TTM/TQT/BN/NK/3/K ngày 5/4/1973 của Bộ Tổng Tham-Mưu thuyên chuyển 30 Quân-Y-Sĩ sang Bộ Y-Tế;

Chiếu công-văn số 632-BYT/QTTB/YS/BP/C/733 ngày 16/5/1973 của Nha Tổng Giám-Đốc Y-Tế;

Chiếu nhu-cầu công-vụ,

QUYẾT-ĐỊNH :

Điều 1.- Nay cử các Quân-Y-Sĩ có tên dưới đây, biệt phái ngoại ngạch Bộ Y-Tế do Nghị-Định dẫn chiếu, đến giúp việc tại các nhiệm-sở kê sau :

Số TT	Họ và Tên Cấp bậc	Số quân	NHIỆM-SỞ		Chức-vụ
			CŨ	MỚI	
1	Trung-Tá TRINH-CAO-HẢI	49/333.145	TYV. Cộng-Hòa	Bảo-Sanh-Viện Tù-Dũ	Y-Sĩ điều trị
2	Trung-Tá HUỖNH-VAN-THẾ	53/129.931	-nt-	Sở Y-Vụ Bộ Y-Tế	
3	Thiếu-Tá NGUYỄN-VIỆT-TUNG	53/124.844	QYV Nguyễn-Văn Nhứt	BV. Phước-Lễ (Phước-Tuy)	-nt-
4	Thiếu-Tá NGUYỄN-ĐÌNH-PHÁC	54/300.211	Trưởng Bộ-Binh Thủ-Đức	Viện Quốc-Gia Y Tế Công-Cộng	
5	Thiếu-Tá PHAN-VAN-VỸ	56/106.850	QYV Long-Xuyên	TTYTTK Long-Xuyên	-nt-
6	Đại-Úy NGUYỄN-BOI-HOÀN	58/107.154	-nt-	-nt-	-nt-
7	Thiếu-Tá NGUYỄN-VĂN-NGHI	59/154.556	QYV Phan-Thanh Giản	TTYTTK Chèo-Thơ	-nt-
8	Thiếu-Tá TÔN-THẮT-KỲ	53/124.846	BV/TK Bạc-Liêu	Bệnh-Viện Vĩnh Lợi (Bạc-Liêu)	-nt-
9	Đại-Úy NGUYỄN-VĂN-HƯỞNG	56/182.304	-nt-	-nt-	-nt-
10	Đại-Úy NGÔ-THẾ-QUÍ	58/102.333	BV/TK Vĩnh-Bình	BV/PH Phúc-Vĩnh (Vĩnh-Bình)	-nt-
11	Đại-Úy HUỖNH-GIA-CHÍNH	55/104.593	BV/TK Ninh-Thuận	BV/PH Phan-Rang (Ninh-Thuận)	-nt-
12	Đại-Úy VÕ-VĂN-KỲ	57/182.343	BV/TK Vĩnh-Long	Bệnh-Viện Vĩnh Long	-nt-
13	Đại-Úy TRẦN-VĂN-GIA	53/125.260	Liên-Đoàn 74 Quân-Y	Ty Y-Tế Phòng Dinh	Thợ-Tá Trưởng Ty
14	Đại-Úy NGUYỄN-HUÂN-TRƯỜNG	55/104.312	Viện Bài-Lạc Ngô-Quyền	Bệnh-Viện Chợ-Quán	Y-Sĩ điều trị

Please See Verso

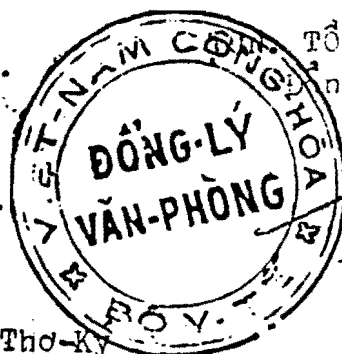
15	Đại-Ủy NGUYỄN-VAN-TRUYỀN	58/104.037	BV/TK Long-An	Bệnh-Viện Tân Y-Sĩ điều trị An (Long-An)	
16	Đại-Ủy PHẠM-THẾ-TRƯỜNG	59/153.754	BV/TK An-Xuyên	BV/PH Quân-Long (An-Xuyên)	-nt-
17	Đại-Ủy NGUYỄN-VAN-LÂM	69/129.321	QV Đoàn-Mạnh Hoạch	BV. Phan-Thiết (Bình-Thuận)	-nt-
18	Đại-Ủy BÙI-HOÀNH	49/140.018	-nt-	-nt-	-nt-
19	Đại-Ủy NGUYỄN-NGỌC-TRÂN	59/161.295	TT.2 Tuyền Mộ Nhập Ngũ	TTYTTK Nha-Trang	-nt-
20	Đại-Ủy NGUYỄN-VAN-ÁNH	58/111.928	Bệnh-Viện 3 Dã-Chiến	TTYTTK Mỹ-Tho	-nt-
21	Đại-Ủy LÊ-VAN-HỒNG	57/182.304	-nt-	-nt-	-nt-
✓ 22	Đại-Ủy LÊ-HỮU-PHÚC	59/161.150	BV/TK Sadec	Bệnh-Viện Sadec	-nt-
23	Đại-Ủy TRẦN-DƯƠNG-ĐÔN	58/103.039	BV/TK Vĩnh-Bình	BV/PH Phú-Vinh (Vĩnh-Bình)	-nt-
24	Đại-Ủy NGUYỄN-KHIÊM-ĐÔN	52/700.752	TTHL/Hải-Quân Cam-Ranh	BV Hàm-Tân (Bình-Tuy)	-nt-

Điều 2.- Kể từ ngày đoạn chi tại nhiệm-sở cũ, lương bổng của các đương-sự do ngân-sách Quốc-Gia Bộ Y-Tế (cơ-quan xử dụng) đài thọ.

Điều 3.- Đồng-Lý Văn-Phòng Bộ Y-Tế có nhiệm-vụ thi hành Quyết-Định này./.

Nơi nhận :

- Bộ Quốc-Phòng
- Bộ Tổng Tham-Mưu/Phòng TQT
- Cục Quân-Y
- Trung-Tâm Quân-Trị Trung-Uơng
- Nha Tổng Giám-Đốc Công-Vụ
- Nha TGD Ngân-Sách và Ngoại-Viện
- Nha Tổng Giám-Đốc Y-Tế
- Thanh-Tra-Đoàn
- Văn-Phòng Đồng-Lý
- Tòa Hành-Chánh Phước-Tuy, An-Giang, Phong-Dinh, Bạc-Liêu, Vĩnh-Bình, Ninh-Thuận, Vĩnh-Long, Long-An, An-Xuyên, Bình-Thuận, Khánh-Hòa, Bình-Tuấn, Sadec, Bình-Tuy.
- BSV Tù-Dũ, Sở Y-Vụ Bộ Y-Tế, BV Phước-Lê (Phước-Tuy), Viện QHT Công-Cộng, BV.Vĩnh-Lợi (Bạc-Liêu), BV. Phú-Vinh (Vĩnh-Bình), BV Phước-Rang (N-Thuận), BV. Vĩnh-Long, Ty Y-Tế Phong-Dinh, BV Chợ-Quận, BV. Tân-An (Long-An), BV. Quân-Long (An-Xuyên), BV. Phan-Thiết (B-Thuận), BV. Sadec, BV. Hàm-Tân (Bình-Tuy), TTYTTK : Long-Xuyên, Cần-Thơ, Nha-Trang, Mỹ-Tho "Đề phúc nghị đáo nhận nhiệm-sở"
- Sở Quân-Trị Bệnh-Viện
- Sở Nhân-Viên Chánh Ngạch
- Phòng Thống-Kê
- Hồ-sơ -Lưu
- Sở Ngân-Sách và Kế-Toán
- Sở Thap-Chế
- Phòng Kiểm-Tra Nhân-Lực



TỔNG-TRƯỞNG Y-TẾ CX.

Đồng-Lý Văn-Phòng

Đã. Trần-Văn-Nhiều

PNT/ttt-Ro-

October 9, 1987

Tuong T. Nguyen
1619 Nottingham Drive
Naples, Florida 33942

Susan Lively
R. P./Rep./SeA.
State Department
Washington, D.C. 20520

Dear Ms. Susan Lively:

My name is Tuong T. Nguyen. Through the families of Vietnamese Political Prisoners Association, I have called for your help to reunite my parents, brother and sister with me in the United States of America. I have been told that you have responded favorably. I take this opportunity to thank you.

Here are some of the reference numbers on my file:

A. Petitioner

NAME: Nguyen, Tuong T.
ADDRESS: 1619 Nottingham Drive
Naples, Florida 33942
DOB: 05-07-44 Kampot, Cambodia
SS# 572-63-8594
Citizenship # 13085412 issued on 8/6/87 at - USA/Southern District of Florida

P. I-130 for FATHER

Name: NGUYEN, Tu Van
DOB: 07-18-10 Vinh long, Vietnam
IV# 505908
Fee register receipt for I-130 MIA 272333 on 8/13/87

mother

Name: LY, Hoa Thi
DOB: 06-20-18 Rach gia, Vietnam
IV# 505908
Fee register receipt for I-130 MIA 272331 on 8/13/87

BROTHER

Name: NGUYEN, Phuoc H.
DOB: 05-31-49 Bac Lieu, Vietnam
IV# 223705
Fee register receipt for I-130 MIA 272332 on 8/13/87

SISTER

Name: NGUYEN, Tet T
DOB: 1-1-49 Rach gia, Vietnam
IV# 5438-
Fee register receipt for I-130 MIA 272334 on 8/13/87

It has been more than seven (7) years since I have been separated from my relatives. It has been more than twelve (12) years since my relatives have been living under the hardship of the Communist regime. I have been since longing for them to come and to be reunited with me in my new country.

They have desperately struggled to keep themselves alive; to have the opportunity to see and to live in the country of the freedom, particularly my parents who are up in years and their ~~life~~ life expectancy is numbered.

For our sake, I beg you for help. Please do your best to assist my relatives to get out of the Communist ban.

I don't have enough words to express the strong feelings of my gratitude. I hope you would acknowledge my deep indebtedment and my sincere appreciation.

Sincerely yours,

Nguyen Thi Thuy

TUONG NGUYEN



To :

Ms. KHUC MINH THO
7813 MARTHAS LANE
FALLS CHURCH, VA. 22043



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # 054355

VEWL.# _____

I-171 : ☐ Yes, ☐ No

EXIT VISA: ☐ Yes ☐ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE HUU PHUC
Last Middle First

Current Address 88/3 B Ben xe moi - K3 - P2 - Whitec. Dong Thap

Date of Birth Sept 12 - 1939 Place of Birth Sa-duc

Previous Occupation (before 1975) Captain & Medical Doctor
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 1975 To _____

3. SPONSOR'S NAME: TUONG : THI NGUYEN
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
<i>Nguyen - Thi - Tuyet</i>	<i>10-12-1945</i>	<i>wife</i>
<i>Le - Thi - Dung</i>	<i>5-17-1969</i>	<i>daughter</i>
<i>Le - Huu - Loc</i>	<i>1-20-1973</i>	<i>son</i>
<i>Le - Huu - Thien</i>	<i>5-21-1976</i>	<i>son</i>

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Aug 23 1988
Embassy of the United States of America

Bangkok, Thailand

August 8, 1988

Dear Ms. Mack:

This is in response to your inquiry of June 24, 1988 on behalf of your constituent, Ms. Tuong Thi Nguyen, concerning the U.S. Orderly Departure Program (ODP) applications of her parents and sister, now residing in Vietnam (our file numbers IV-505908 and IV-54355).

We have received your letter of June 24, 1988 on behalf of your constituent, Ms. Tuong Thi Nguyen, requesting special consideration in our processing of the Orderly Departure Program (ODP) applications of Ms. Nguyen's parents and sister in Vietnam (our file numbers IV-505908 and IV-54355) due to the impending death of her resident alien sister Trinh Kien Nguyen.

I regret to learn of the Nguyen family's tragedy.

In light of these developments, we are taking steps to expedite the ODP processing of your constituent's parents' case. The names of Ms. Nguyen's parents, Ly Thi Hoa and Nguyen Van Tu, were included on a recent interview proposal list submitted to ODP authorities, and the case was to be scheduled for interview at some point within the next several months. In view of these unfortunate circumstances we shall ask the Vietnamese authorities to make the parents available to us for interview during our next interview trip, scheduled to begin August 15, 1988. Should they be unable to attend given the short notice, their names have been added to the interview schedule for the week of September 19, 1988.

If they are approved at the time of interview, your constituent's parents will be required to undergo medical examinations in Ho Chi Minh City. Once the family is cleared medically, ODP will transmit the final approval to the United Nations High Commissioner for Refugees (UNHCR) Working Group in Vietnam, which will notify the Vietnamese authorities that the case is cleared for manifesting on a flight to Bangkok.

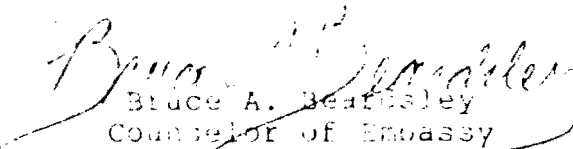
The Honorable
Connie Mack,
House of Representatives.

Movement from Vietnam remains entirely under the control of the Vietnamese, and it is impossible to predict the date of their potential departure. Should Ms. Nguyen's parents be approved and scheduled for departure, a local voluntary agency will contact her as soon as their travel arrangements are confirmed. Should we require additional documentation, or should the case not be approved due to unresolved discrepancies, ODP will contact your constituent directly.

Unfortunately, Ms. Nguyen's sister's family's names (IV-54355) were not among those proposed to the ODP for interview, and we regret that ODP has no provision to expedite processing of her case to allow her to accompany her parents. The necessarily exclusive nature of the Special Humanitarian List, limited to the closest family members, ordinarily precludes the inclusion of siblings. However, we are reviewing the case for possible issuance of a Letter of Introduction (LOI) on the basis of your constituent's brother-in-law's claimed close association with a U.S. medical team in Vietnam. (As Ms. Nguyen's visa petition is not yet current, the case is not yet eligible for an LOI under Family Reunification processing). If the claims are verified, the case will be referred to a consular officer for LOI approval and, if approved, an LOI will be issued for Thanh Hoa Lee and family and sent directly to your constituent to be forwarded to her relatives in Vietnam.

I hope this information will be helpful to you in responding to your constituent.

Sincerely,


Bruce A. Beathaley
Counselor of Embassy
for
Refugee and Migration Affairs

Nguyen Thi Tien.

(2)



Mrs Khue Minh Tho
7813 Martha Lane
Falls Church, VA. 22043

Nguyễn Văn Hùng



LS
Lê
Hội Phức

Ka
B_A

KHuc Minh Tho
7813 Martha Lane
Falls Church, VA 22043

August 29, 58

Kính Chi Thở,

Xin gửi đến Chi bản sao của thư
của US Embassy ở Bangkok.

Xin Chi cố gắng giúp đỡ cho Phức
và gia đình.

Thành thật cảm ơn Chi nhiều.

Kính,

Tuấn

IV.054355/GWL/CRU

March 15, 1988

FROM: IV.054355, Nguyen Thi Tuyet
88/3B Khom 3 Phuong 2, Ben Xe Moi
Thi Xa Sadeo, Dong Thap - Vietnam

TO: ODP Office
American Embassy
Box 58
APO San Francisco 96346-0001

REF: ODP letter of January 12, 1988

QUESTIONNAIRE

Dear Sir,

This is in reply to your January 12 (1988) letter requesting verification that my spouse - Mr Le Huu Phuc - was closely associated with the US Government before April 1975.

Enclosed are his personal questionnaire and supporting documents as evidence of his pre-1975 close association with the US (MILPHAP) in Sedec sector, SVN.

I hope these documents will be accepted by your good office. Anything you can assist us will be highly appreciated.

Sincerely yours,

Tuyet

NGUYEN THI TUYET

Enclosures

- Questionnaire for my husband Le Huu Phuc
and 7 Documents attached to
this Questionnaire.

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV # 54355 54355/GWL/CRU

Date: _____
Ngày: March 21, 1980

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabhurn Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : LE HUU PHUC Sex: Phái M
2. Other Names
Họ, tên khác : N/A
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : September 12, 1939 SADEC
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trụ : 88/3B Ben Xe Moi, Khom 3 Luang 2,
Thi Xe Sadeo, Tinh Dong Thap, Vietnam
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : THUOC Thi Nguyen
1619 Lottingham Drive, NAPLES FL 33942
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Medical Doctor

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(CHÚ-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đi
1. <u>NGUYEN THI THUYEN</u>	<u>Oct 12 1945</u>	<u>Bachgia</u>	<u>F</u>	<u>M</u>	<u>Wife</u>
2. <u>LE THI DUNG</u>	<u>May 17 1969</u>	<u>Q.1 SAIGON</u>	<u>F</u>	<u>S</u>	<u>Daughter</u>
3. <u>LE HUU LOC</u>	<u>Jan 20 1973</u>	<u>Sadeo</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>Son</u>
4. <u>LE HUU THIEN</u>	<u>May 21 1976</u>	<u>Sadeo</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>Son</u>
5. _____	_____	_____	_____	_____	_____
6. _____	_____	_____	_____	_____	_____
7. _____	_____	_____	_____	_____	_____
8. _____	_____	_____	_____	_____	_____
9. _____	_____	_____	_____	_____	_____
10. _____	_____	_____	_____	_____	_____
11. _____	_____	_____	_____	_____	_____
12. _____	_____	_____	_____	_____	_____

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giả-thủ (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name

Họ, Tên

:

TUONG Thi Nguyen

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

:

Sister

c. Address

Địa-chỉ

:

1619 Nottingham Drive

NAPLES, FL 33942

D. Date of Relatives Arrival
in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

:

1 - 15 - 1981

2. Closest Relative in Other Foreign Countries

Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên

:

N/A

N/A

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

:

c. Address

Địa-chỉ

:

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha

:

LE HUU KIET

2. Mother

Mẹ

:

NGUYEN THI Y

3. Spouse

Vợ/Chồng:

:

NGUYEN THI TUYET

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có):

N/A

5. Children

Con cái:

(1)

LE THI DUNG

(2)

LE HUU LOC

(3)

LE HUU THIEN

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings

Anh chị em:

(1)

LE HUU YNDONG

Brother

(2)

LE THI BACH TUYET

Sister

(3)

LE THI TUYEN

Sister

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : LE HUU PHUC

Position title
Chức-vụ : Medical Doctor

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : MILPHAP Team/ Sadec Hospital/ Sadec Sector
(Documents 1 and 2)

Length of Employment From: 1970 To: 1971
Thời-gian làm-việc Từ Tối

Name of American Supervisor WILLIAM R. HARDCASTLE
Tên họ giám-thị Mỹ: Tolane School of Medicine, 514 Pinetrees Drive
N.E., ATLANTA 5, GEORGIA

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : Team pulled out of Vietnam

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm việc Từ Tối

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời gian làm việc Từ Tối

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: LE HUU PHUC

2. Dates: From: 1966 To: 1973
Ngày, tháng, năm Từ Tối

3. Last Rank / Serial Number:
Cấp-bậc cuối-cùng : Captain Số thẻ nhân-viên: 50/161150

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đoàn-Vị Binh-Chung : Sadec Sector Hospital/Medical Corps
(Document 2)

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : Major/MD Nguyen Van Tri

NOTE : About service from 1973 to 1975, please see I and J and additional remarks and attached documents.

6. Reason for Separation : Unit dissolved
 Lý do nghỉ việc : Unit dissolved
7. Names of American Advisor(s):
 Họ tên cố-vấn Mỹ : WILLIAM R. HARDCASTLE
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
 Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
 tại Viet-Nam : General Surgery
9. U.S. Awards or Certificates
 Name of award: Date received:
 Phần-thưởng hoặc giấy khen: N/A Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes No .)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Đồng sự có không? Có Không .)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
 Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: LE HUU PHUC
2. School and School Address : Public Health Department
 Trường và địa-chỉ nhà trường : Taiwan, Republic of China
3. Dates: From May 31, 1974 To Jun 13, 1974
 Ngày, tháng, năm Từ: Tới:
4. Description of Courses :
 Mô-tả ngành học : Family planning Program
5. Who paid for training? :
 Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : USATD (Documents 3 and 4)

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes X No
 (CHU-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
 Họ tên người đi học-tập cải-tạo : LE HUU PHUC
2. Time in Reeducation: From: 1975 To: 1975
 Thời gian học-tập Từ: Tới:
In service re-education (01 month)
3. Still in Reeducation?* Yes No
 Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cức chú phụ-thuộc

5/24/1973 - 9/3/1974 : assigned to the Ministry of the Public Health as
 Chief of Surgical Ward (Sadec Hospital)
 9/3/1974 - 4/30/1975: Director of Civil-Military Sadec Sector Hospital
 (documents 5 and 6)
 1975 - 1983 : three abortive attempts to escape Vietnam by
 boat until 1983 when I submitted official
 petition for exit visa (Document 7)

Signature

Ký tên :

Date

Ngày:

March 21 1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- 1- A photograph taken on 2/11/1971 with Major Hardcastle
 2- Hand-written notes from Dr. Hardcastle
 3- A photograph taken in front of Public Health Department, AOS
 4- 03 photocopies of passport
 5- 02 photocopies of orders/Dept of Public Health
 6- A photocopy of "Certificate of presentation"
 7- My wife's release certificate

Document 1

IP 54355/GNL/CRU

Document 3



14200 100 10000

IV. 54 355 / GWL / CARU.

Document 2.

Handwritten Notes from
Dr Hardcastle
on Reports of Operations

William B. H and castle
Public School of Medicine
517 Pine Street Phila Pa.
Cell 51, Denzies IV.

[illegible]

Chữ ký của đương-sỹ.
Signature du titulaire.
Signature of bearer.



Ảnh của đương-sỹ và của các con cùng đi theo.
Photographie du titulaire et, le cas échéant, photographes
des enfants qui l'accompagnent.
Photograph of bearer (and of children if any).

có giá trị đến
valable jusqu'au
valid until

19 JUL 1974

Sở Thông-hành này có giá trị tại các nước sau đây:
Ce passeport est délivré pour les pays ci-après:
This passport is valid for the following countries:

Republic of China, 19

IV 54 355/CWL/CRU

Document 4

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

RÉPUBLIQUE DU VIÊT-NAM
REPUBLIC OF VIÊT-NAM

THÔNG-HÀNH CÔNG-VỤ

PASSEPORT DE SERVICE
OFFICIAL PASSPORT

Số 18.067
No

Tên và họ

Nom et prénoms

Name

Mr. LÊ HỮU PHÚC

Ngày sinh

Date de naissance

Date of birth

September 12, 1939

Nơi sinh

Lieu de naissance

Place of birth

SA-ĐÉC

Thông hành công vụ này gồm có 48 trang.
Ce passeport de service contient 48 pages.
This official passport contains 48 pages.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THÔNG-HÀNH CÔNG-VỤ

TỔNG-TRƯỞNG NGOẠI-GIAO

Le Ministre des Affaires Étrangères
The Minister of Foreign Affairs

yêu cầu các Văn và Võ quan có phận sự duy-trì trật-tự trên lãnh-thò
requiert les Officiers civils et militaires chargés de maintenir l'ordre
requires all civil and military authorities in charge of maintaining order

Việt-Nam và nhà chức trách được ủy-thác nhiệm vụ tương-tự trong
au Viet-Nam et prie les autorités investies de la même mission dans
in Viet-Nam and requests the authorities invested of the same duty in

các nước Đồng-Minh và Thân-Hữu đả Ông
les pays Alliés ou Amis de laisser librement passer Mr.
Allied or Friend countries to let pass freely

LÊ HỮU PHÚC
Government Official

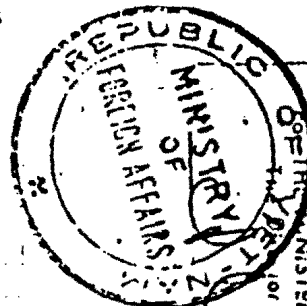
được tự do thông-hành và khi cần đến, giúp đỡ và bảo vệ đương-sự.
et de lui donner aide et protection en cas de besoin
and to afford assistance and protection to the above named person in
case of need.



Saigon ngày 31 MAY 1974

U.N. Tổng-Trưởng Ngoại-Giao,
Le Ministre des Affaires Étrangères
The Minister of Foreign Affairs
THE DIRECTOR OF CONSULAR AFFAIRS

BỎ-LAI-KỶ



BỎ-LAI-KỶ

GRATIS Chiếu khản số 16.82/74.
Viso No.
Đi ra khỏi Việt-Nam và trở lại
Good for leaving Viet-Nam and return
trong thời hạn 47 ngày.
Within a period of 47 days.
Chiếu khản số 16.82/74 ngày 31/5/74
This visa is valid for 47 days.
Kể từ ngày 1/6/74
From the date of issue 1/6/74
SAIGON, on MAY 31 1974
MINISTER OF FOREIGN AFFAIRS
Director of Consular Affairs

CHIEF-KHAN
VISAS

03 JUN 1974
OFFICIAL
TAN SON NHUT AIRPORT
Ministry of Foreign Affairs
BỘ NGOẠI-GIAO VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

CHIỀU-KHÂN
VISAS

EMBASSY OF THE REPUBLIC OF CHINA
CHIỀU-KHÂN
VISAS
TAPEN PORT
REPUBLIC OF CHINA
AIR MAIL VISA
JUN 3 1974
Valid until
to the Republic of China
Remains valid
FOR THE AMBASSADOR
P. C. Chiang
PE CHING CHIANG
FIRST SECRETARY
Date of Issue MAY 31 1974
Remark:
63/14878
DEPARTED
14 JUN 1974
INSPECTION
REPUBLIC OF CHINA
VIET-VIET-CHINA

VIET-NAM CONG-HOA

Saigon, ngày 24 tháng 5 năm 1973.

BO Y-TE

Số 3476 BYT/NVNN2/QĐ

-oOo-

TỔNG TRƯỞNG Y-TẾ,

Document 5

Chiếu Sắc-Lệnh số 394-TT/SL ngày 1/9/1969 và các văn-kiện kế tiếp ấn định thành phần Chánh-Phủ;

Chiếu Sắc-Lệnh số 35-YT ngày 19/9/1949 ấn định chức chương Bộ Trưởng Y-Tế;

Chiếu Nghị-Định số 331-QP/ND ngày 23/4/1973 của Bộ Quốc-Phòng biệt phái sang Bộ Y-Tế 30 Quân-Y Sĩ;

Chiếu Lệnh Thuyên-Chuyển số 2494-TTM/TQT/BN/NN/J/K ngày 5/4/1973 của Bộ Tổng Tham-Mưu thuyên chuyển 30 Quân-Y Sĩ sang Bộ Y-Tế;

Chiếu công-văn số 632-BYT/QTTB/YS/BP/C/733 ngày 16/5/1973 của Nha Tổng Giám-Đốc Y-Tế;

Chiếu nhu-cầu công-vụ,

QUYẾT-ĐỊNH :

Điều 1.- Nay cử các Quân-Y-Sĩ có tên dưới đây, biệt phái ngoại ngạch Bộ Y-Tế do Nghị-Định dẫn chiếu, đến giúp việc tại các nhiệm-sơ kê sau :

Số TT	Họ và Tên Cấp bậc	Số quân	NHIỆM-SƠ		Chức-vụ
			CŨ	MỚI	
1	Trung-Tá TRINH-CAO-HẢI	49/333.145	TYV. Cộng-Hòa	Bảo-Sanh-Viện Tứ-Dũ	Y-Sĩ điều trị
2	Trung-Tá HUYNH-VAN-THẾ	53/129.931	-nt-	Sở Y-Vụ Bộ Y-Tế	
3	Thiếu-Tá NGUYỄN-VIỆT-TUNG	53/124.844	QXV Nguyễn-Văn Nhứt	BV. Phước-Lễ (Phước-Tuy)	-nt-
4	Thiếu-Tá NGUYỄN-ĐÌNH-PHÁC	54/300.211	Trưởng Bộ-Binh Thủ-Đức	Viện Quốc-Gia Y Tế Công-Cộng	
5	Thiếu-Tá PHAN-VAN-VỸ	56/106.850	QXV Long-Xuyên	TTYTTK Long-Xuyên	-nt-
6	Đại-Úy NGUYỄN-BOI-HOÀN	58/107.154	-nt-	-nt-	-nt-
7	Thiếu-Tá NGUYỄN-VAN-NGHI	59/154.556	QXV Phan-Thanh Giản	TTYTTK Cầu-Thư	-nt-
8	Thiếu-Tá TÔN-THẮT-KỲ	53/124.946	BV/TK Bạc-Liêu	Bệnh-Viện Vĩnh Lợi (Bạc-Liêu)	-nt-
9	Đại-Úy NGUYỄN-VAN-HƯƠNG	56/182.304	-nt-	-nt-	-nt-
10	Đại-Úy NGÔ-THẾ-QUÍ	58/102.333	BV/TK Vĩnh-Bình	BV/PH Phú-Vinh (Vĩnh-Bình)	-nt-
11	Đại-Úy HUYNH-GIA-CHINH	55/104.593	BV/TK Ninh-Thuận	BV/PH Phan-Rang (Ninh-Thuận)	-nt-
12	Đại-Úy VÕ-VAN-KỲ	57/182.343	BV/TK Vĩnh-Long	Bệnh-Viện Vĩnh Long	-nt-
13	Đại-Úy TRẦN-VAN-GIA	53/125.260	Liên-Đoàn 74 Quân-Y	Ty Y-Tổ Thung Dinh	Thư-Tá Trưởng Ty
14	Đại-Úy NGUYỄN-HUÂN-TRƯỞNG	55/104.312	Viện Bài-Lạc Ngõ-Quyển	Bệnh-Viện Chợ-Quán	Y-Sĩ điều trị

Please See Verso

Tờ 2 Quyết-Định số _____ BYT/NVNN2/QĐ
ngày tháng năm 1973.

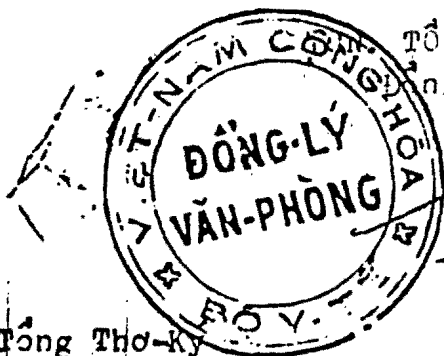
15	Đại-Úy NGUYỄN-VAN-TRUYỀN	58/104.037	BV/TK Long-An	Bệnh-Viện Tân An (Long-An)	Y-Sĩ điều tr
16	Đại-Úy PHẠM-THẾ-TRƯỜNG	59/153.754	BV/TK An-Xuyên	BV/PH Quân-Long (An-Xuyên)	-nt-
17	Đại-Úy NGUYỄN-VAN-LÂM	69/129.321	QYV Đoàn-Mạnh Hoạch	BV. Phan-Thiết (Bình-Thuận)	-nt-
18	Đại-Úy BÙI-HOÀNH	49/140.018	-nt-	-nt-	-nt-
19	Đại-Úy NGUYỄN-NGỌC-TRẦN	59/161.295	TT.2 Tuyển Mộ Nhập Ngũ	TTYTTK Nha-Trang	-nt-
20	Đại-Úy NGUYỄN-VAN-ẢNH	58/111.928	Bệnh-Viện 3 Dân-Chiến	TTYTTK Mỹ-Tho	-nt-
21	Đại-Úy LÊ-VAN-HỒNG	57/182.304	-nt-	-nt-	-nt-
✓ 22	Đại-Úy LÊ-HỮU-PHÚC	59/161.150	BV/TK Sadeq	Bệnh-Viện Sadeq	-nt-
23	Đại-Úy TRẦN-DƯƠNG-DÔN	58/103.039	BV/TK Vĩnh-Bình	BV/PH Phú-Vinh (Vĩnh-Bình)	-nt-
24	Đại-Úy NGUYỄN-KHIÊM-DÔN	52/700.752	TTHL/Hải-Quân Cam-Ranh	BV Hàm-Tân (Bình-Tuy)	-nt-

Điều 2. - Kể từ ngày đoạn chỉ tại nhiệm-sở cũ, lương bổng của các đương-sự do ngân-sách Quốc-Gia Bộ Y-Tế (cơ-quan xử dụng) đài thọ.

Điều 3. - Đồng-Lý Văn-Phòng Bộ Y-Tế có nhiệm-vụ thi hành Quyết-Định này./.

Nơi nhận :

- Bộ Quốc-Phòng
- Bộ Tổng Tham-Mưu/Phòng TQT
- Cục Quân-Y
- Trung-Tâm Quản-Trị Trung-Ương
- Nha Tổng Giám-Đốc Công-Vụ
- Nha TGD Ngân-Sách và Ngoại-Viện
- Nha Tổng Giám-Đốc Y-Tế
- Thanh-Tra-Đoàn
- Văn-Phòng Đồng-Lý
- Tòa Hành-Chánh Phước-Tuy, An-Giang, Phong-Dinh, Bạc-Liêu, Vĩnh-Bình, Ninh-Thuận, Vĩnh-Long, Long-An, An-Xuyên, Bình-Thuận, Khánh-Hòa, Bình-Tuấn, Đăk-Lăk, Bình-Tuy.
- BSV Tù-Dũ, Sở Y-Vụ Bộ Y-Tế, BV Phước-Lễ (Phước-Tuy), Viện QYT Công-Sợn, BV. Vĩnh-Lợi (Bạc-Liêu), BV. Phú-Vinh (Vĩnh-Bình), BV. Phan-Rang (N-Thuận), BV. Vĩnh-Long, Ty Y-Tế Phong-Dinh, BV Chợ-Quận, BV. Tân-An (Long-An), BV. Quân-Long (An-Xuyên), BV. Phan-Thiết (B-Thuận), BV. Sadeq, BV. Hàm-Tân (Bình-Tuy), TTYTTK : Long-Xuyên, Cần-Thơ, Nha-Trang, Mỹ-Tho "Đã phước ngày" được nhận nhiệm-sở"
- Sở Quản-Trị Bệnh-Viện
- Sở Nhân-Viên Chánh Ngạch
- Phòng Thống-Kê
- Hồ-sơ -Lưu
- Sở Ngân-Sách và Kế-Toán
- Sở Thập-Chế
- Phòng Kiểm-Trá Nhân-Lực



TỔNG-TRƯỞNG Y-TẾ CX.
Đồng-Lý Văn-Phòng

Đã. Trần-Văn-Chiêu

FNT/ttt-Ro-

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ Y-TẾ

---oOo---

Saigon, ngày 3 tháng 9 năm 1974

Số 4620 -BYT/IV/NN2/QĐ.

TỔNG-TRƯỞNG Y-TẾ,

Document 5

- Chiếu Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 1-4-1967, tu chỉnh do Luật số 001/74 ngày 22-1-1974;
- Chiếu Sắc-Lệnh số 394-TT/SL ngày 1-9-1959 và các văn-kiện kế tiếp, nhất là Sắc-Lệnh số 130-TT/SL ngày 18-2-1974, ấn định thành phần Chính-Phủ;
- Chiếu Sắc-Lệnh số 35-YT ngày 19-9-1949, ấn định chức chương Bộ-Trưởng Y-Tế; và S.L số 175-SL/YT ngày 23-7-74 v/v tổ chức Bộ Y-Tế
- Chiếu Sắc-Lệnh số 175-NV ngày 23-5-1955 và các văn-kiện kế tiếp, ấn định phụ-cấp chức-vụ, cung cấp bằng hiện vật và hiện kim cho các công-chức và nhân-viên công sở;
- Chiếu Nghị-Định số 354-YT/HC/NĐ ngày 3-5-1956 và các văn-kiện kế tiếp, xếp hạng các Bệnh-Viện;
- Chiếu Quyết-Định số 3221-BYT/IV/NN2/QĐ ngày 6-7-1970, cử Bác-Sĩ NGUYỄN-VĂN-TRÍ giữ chức-vụ Trưởng-Ty Y-Tế kiêm Quản-Đốc Bệnh-Viện Sadeo;
- Chiếu tờ trình số 474-BYT/QTTB/CI ngày 20-8-1974 của Tổng Nha Y-Tế và phiếu gửi số 1048-BYT/QTTB/CI/1/1257 ngày 22-8-1974 của Sở Quản-Trị Bệnh-Viện;
- Chiếu nhu-cầu công-vụ,

QUYẾT - ĐỊNH :

ĐIỀU I - Nay cử :

- BS. NGUYỄN-VIỆT-TÙNG, Y-Sĩ Thiếu-Tá biệt phái ngoại ngạch, Y-Sĩ Điều-Trị, tổng sự tại Bệnh-Viện Phối-Hợp DQY Sadeo, giữ chức-vụ Trưởng-Ty Y-Tế Sadeo thay thế BS. NGUYỄN-VĂN-TRÍ vừa các cử Nghị-Viên Hội-Đồng Tỉnh.

- BS. LÊ-HỮU-PHÚC, Y-Sĩ Điều-Trị khế-uớc, tổng sự tại Bệnh-Viện Sadeo, giữ chức-vụ Giám-Đốc Bệnh-Viện này thay thế Bác-Sĩ NGUYỄN-VĂN-TRÍ.

ĐIỀU II - Kể từ ngày thực sự đảm nhiệm chức-vụ kể trên, các chương-sự được hưởng khoản phụ-cấp chức-vụ ấn định theo thể lệ hiện hành, do Ngân-Sách Quốc-Gia (cơ-quan xử dụng) đài thọ.

ĐIỀU III - Phụ-Tá Tổng-Trưởng, Tổng Thư-Ký và Tổng Giám-Đốc Bộ Y-Tế Chiếu nhiệm-vụ thi hành Quyết-Định này.-

NOI NHẬN : Phủ Tổng-Ủy Công-Vụ

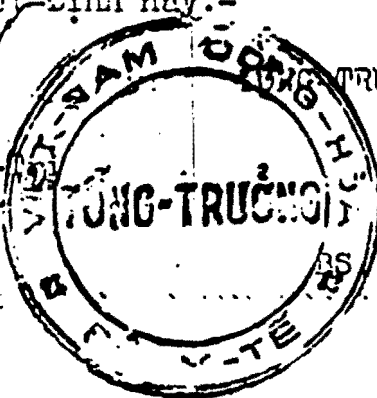
- Nha TGD Ngân-Sách/Ngoại-Viện
- Nha TGD Y-Tế - Nha Tổng Thư-Ký
- Thanh-Tra Đoàn YT - Nha YT Điện-
- Nha Y-Tổ C/c - Nha Tiếp-Vận
- Tòa Hành-Chánh Sadeo
- Ty Y-Tổ Sadeo - Bệnh-Viện Sadeo

"Để tổng đạt"

- Sở Quản-Trị Bệnh-Viện
- Sở Ngân-Sách và Kế-Toán
- Sở Pháp-Chế - Phòng Thống-Kê
- Sở Nhân-Viên Chính Ngạch
- Phòng Kiểm-Tra Nhân-Lực

Hồ-bộ - 1/1/1

20/10/74.



IV. 54 355/GWL/CRU

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
Độc Lập - Dân Chủ - Hòa Bình - Trung Lập

GIẤY CHỨNG NHẬN TRÌNH DIỆN

32 / AN

Document 6

Họ tên Lê Hữu Phước

Ngày, tháng, năm sinh 12-4-1939

Sinh quán Lưu Mỹ Xã, Cao Lãnh Tỉnh Sa Đéc

Chỗ ở hiện tại 377 Phan Thanh Giản Sa Đéc

Trước từng sự tại Ty y Sĩ Sa Đéc

Cấp bậc Đặc

Chức vụ Quản đốc bệnh viện

Sở quân -

Thẻ căn cước số 2310.75 cấp 12-11-69

Đến trình diện ngày 01 tháng 5 năm 1975

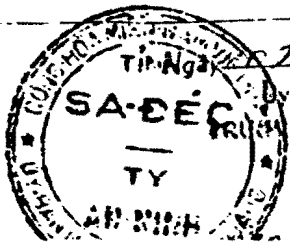
Tại Sa Đéc

Sau trình diện về cư trú tại 377 Phan Thanh Giản

Có nộp các thứ sau đây

01 Thẻ căn cước, 1 thẻ Quản đốc bệnh viện

(có biên nhận kèm theo)



Tin Ngã 2 tháng 6 năm 1975

Ủy Ban Quân Quản

TRUNG-TAM-NINH SA-ĐÉC



Phân công, chỉ đạo
Cấp dưới
(Số: 427)
--*--

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

IV 54355/GWL/CRU

LỆNH THA

Document 7

Tôi Nguyễn Văn Lân

Chức vụ Phó phòng Công an huyện Cần Giuộc

Căn cứ quyết định miễn tố số 05 ngày 05 tháng 06 năm 1977

đối với bị can Nguyễn Thị Tuyết cần tôi vào biết

Căn cứ vào pháp luật hiện hành ;

RA LỆNH THA

Họ và tên Nguyễn Thị Tuyết Bí danh

Sinh ngày 10 tháng 11 năm 1952

Sinh quán Sông gĩa, xã Tân Giang

Trú quán 22/3 B. q. Hòa Khánh thị xã X.Đ.

Nghề nghiệp Đội T.N.D.

Ông Giám thị trại tạm giam Cần Giuộc

thủ hành khi nhận được lệnh này.

Lệnh này gửi đến ông Viện trưởng V.K.S.N.D. Cần Giuộc

để tường.

Cho biết
lệnh này

, ngày 05 tháng 06 năm 1977

TM. Phó phòng C.A.

Nguyễn Văn Lân

NƠI NHẬN

— Ông Viện trưởng V.K.S.N.D. Cần Giuộc để biết

— để báo cáo

— Ông Giám thị trại tạm giam Cần Giuộc để thi hành

— để biết

— Dương sự biết về trình với chính quyền địa phương biết

— Lưu hồ sơ.

(Handwritten signature and stamp)

Naples, Apr 4, 198

Chị Thơ Kính,

Kính thăm Chị trước mặt giới.

Vừa nhận được của Phúc mẫu questionnaire liên quan với việc của quân nhân có liên hệ với Cơ quan Mỹ ở VN hiện tại, tôi mà Phúc vừa điền xong kèm theo giấy-lời Chứng minh.

Phúc nhờ chuyển đến Chị 2 mẫu để Chị gửi một và gửi một đến chương trình ODP. Phúc khẩn khoản xin Chị có gấm giúp đỡ cho Phúc vì đây là dịp duy nhất để Phúc được cứu xét và cấp giấy LOI. Trần nguyền việc đến tông nhờ Chị giúp đỡ và gửi gấm cho.

Thành kính cảm ơn Chị rất nhiều.

Tuông -

March 15, 1988

IV.054355/GWL/CRU

FROM: IV.054355, Nguyen Thi Tuyet
88/3B Khom 3 Phuong 2, Ben Xe Moi
Thi Xa Sadeo, Dong Thap - Vietnam

TO: ODP Office
American Embassy
Box 58
APO San Francisco 96346-0001

REF: ODP letter of January 12, 1988

QUESTIONNAIRE

Dear Sir,

This is in reply to your January 12 (1988) letter requesting verification that my spouse - Mr Le Huu Phuc - was closely associated with the US Government before April 1975.

Enclosed are his personal questionnaire and supporting documents as evidence of his pre-1975 close association with the US (MILPHAP) in Sedec sector, SVN.

I hope these documents will be accepted by your good office. Anything you can assist us will be highly appreciated.

Sincerely yours,

Tuyet

NGUYEN THI TUYET

Enclosures

- Questionnaire for my husband Le Huu Phuc
and 7 Documents attached to
this Questionnaire.

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # 54355 54355/GWL/CRU

Date: _____
Ngày: March 21, 1980

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabhurn Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : LE HUU PHUC Sex: Phái M
2. Other Names
Họ, tên khác : N/A
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : September 12, 1939 SADEC
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 88/3B Ben Xe Moi, Khom 3 Luong 2,
Thi Xa Sadee, Tinh Dong Thap, Vietnam
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : TRUONG THI NGUYEN
1619 Lottingham Drive, NAPLES FL. 33942
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Medical Doctor

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đi
1. <u>NGUYEN THI THUYEN</u>	<u>Oct 12 1945</u>	<u>Bachgia</u>	<u>F</u>	<u>M</u>	<u>Wife</u>
2. <u>LE THI DUNG</u>	<u>May 17 1969</u>	<u>Q.1 SAIGON</u>	<u>F</u>	<u>S</u>	<u>Daughter</u>
3. <u>LE HUU LOC</u>	<u>Jan 20 1973</u>	<u>Sadee</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>Son</u>
4. <u>LE HUU THIEN</u>	<u>May 21 1976</u>	<u>Sadee</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>Son</u>
5. _____	_____	_____	_____	_____	_____
6. _____	_____	_____	_____	_____	_____
7. _____	_____	_____	_____	_____	_____
8. _____	_____	_____	_____	_____	_____
9. _____	_____	_____	_____	_____	_____
10. _____	_____	_____	_____	_____	_____
11. _____	_____	_____	_____	_____	_____
12. _____	_____	_____	_____	_____	_____

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thủ (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngữ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

:

TUONG Thi Nguyen

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

:

Sister

c. Address
Địa-chỉ

:

1619 Nottingham Drive

NAPLES, FL 33942

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ

:

1 - 15 - 1981

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

:

N/A

N/A

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

:

c. Address
Địa-chỉ

:

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha

:

LE HUO KIET

2. Mother
Mẹ

:

NGUYEN THI Y

3. Spouse
Vợ/Chồng:

:

NGUYEN THI TUYET

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có):

N/A

5. Children
Con cái:

(1)

LE THI DUNG

(2)

LE HUU LOC

(3)

LE HUU THIEN

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings
Anh chị em:

(1)

LE HUU KHOANG

Brother

(2)

LE THI BACH TUYET

Sister

(3)

LE THI TUYEN

Sister

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : LE HUU PHUC

Position title
Chức-vụ : Medical Doctor

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : MILPHAP Team/ Sadec Hospital/ Sadec Sector
(Documents 1 and 2)

Length of Employment
Thời-gian làm-việc From: 1970 To: 1971
Từ Tối

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: WILLIAM R. HARDCASTLE
Tolane School of Medicine, 514 Pinetrees Drive
N.E., ATLANTA 5, GEORGIA

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : Team pulled out of Vietnam

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment
Thời-gian làm việc From: _____ To: _____
Từ _____ Tối _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment
Thời gian làm việc From: _____ To: _____
Từ _____ Tối _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: LE HUU PHUC

2. Dates:
Ngày, tháng, năm From: 1966 To: 1973
Từ Tối

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Captain Serial Number: 59/161150
Số thẻ nhân-viên:

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung : Sadec Sector Hospital/Medical Corps
(Document 5)

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : Major/MD Nguyen Van Tri

NOTE : About service from 1973 to 1975, please see J and J additional remarks and attached documents.

6. Reason for Separation : Unit dissolved
Lý do nghỉ việc :
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ : WILLIAM R. HARDCASTLE
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Viet-Nam : General Surgery
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: Date received:
Phân-thưởng hoặc giấy khen: N/A Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes ☐ No ☒.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đừng sợ có không? Có ☐ Không ☒.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: LE HUU PHUOC
2. School and School Address : Public Health Department
Trường và địa-chỉ nhà trường : Taiwan, Republic of China
3. Dates: From May 31, 1974 To Jun 11, 1974
Ngày, tháng, năm Từ: Tối:
4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học : Family planning Program
5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : USAID (Documents 3 and 4)

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☒ No ☐
(CHU-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☒

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : LE HUU PHUOC
2. Time in Reeducation: From: 1975 To: 1975
Thời gian học-tập Từ: Tối: In service re-education (01 month)
3. Still in Reeducation?* Yes No
Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cúcc chú phụ-thuộc

5/24/1973 - 9/3/1974 : assigned to the Ministry of the Public Health as
Chief of Surgical Ward (Sadec Hospital)
9/3/1974 - 4/30/1975 : Director of Civil-Military Sadec Sector Hospital
(documents 5 and 6)
1975 - 1983 : three abortive attempts to escape Vietnam by
boat until 1983 when I submitted official
petition for exit visa (document 7)

Signature

Ký tên :

Date

Ngày:

March 21, 1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- 1- A photograph taken on 2/11/1971 with Major Hardcastle
- 2- Hand-written notes from Dr. Hardcastle
- 3- A photograph taken in front of Public Health Department, AGC
- 4- 03 photocopies of passport
- 5- 02 photocopies of orders/Dept of Public Health
- 6- A photocopy of "Certificate of presentation"
- 7- My wife's release certificate

ODP/B

6/84

2-23-76 2

IP 54355/GWL/CRU

Document 3



Document 3

14200 100 1000

Document 2...

Handwritten Notes from
Dr Hardcastle
on Reports of Operations

William B. D and castle
Tulane School of Medicine
511 Poydras Drive N.E.
Caldwell St, New York IV.

IV. 54 355 / GWL / CRU.

[illegible]

Chữ ký của đương-sỹ.
Signature du titulaire.
Signature of bearer.



Ảnh của đương-sỹ và của các con cùng đi theo.
Photographie du titulaire et, le cas échéant, photographes
des enfants qui l'accompagnent.
Photograph of bearer (and of children if any).

có giá trị đến
valable jusqu'au
valid until

13 JUL 1974

Sở Thông-hành này có giá trị tại các nước sau đây:
Ce passeport est délivré pour les pays ci-après:
This passport is valid for the following countries:

Republic of China. 1. 6.

IV 54 355/CWL/CRU

Document 4

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

RÉPUBLIQUE DU VIÊT-NAM
REPUBLIC OF VIÊT-NAM

THÔNG-HÀNH CÔNG-VỤ

PASSEPORT DE SERVICE
OFFICIAL PASSPORT

Số 18.067
No

Tên và họ

Nom et prénoms

Name

Ngày sinh

Date de naissance

Date of birth

Nơi sinh

Lieu de naissance

Place of birth

Mr. LÊ HỮU PHÚC

September 12, 1939

SAĐEC

Thông hành công vụ này gồm có 48 trang.
Ce passeport de service contient 48 pages.
This official passport contains 48 pages.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THÔNG-HÀNH CÔNG-VU

TỔNG-TRƯỞNG NGOẠI-GIAO

Le Ministre des Affaires Étrangères
The Minister of Foreign Affairs

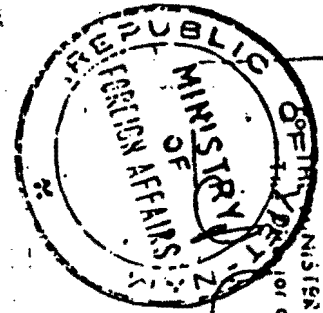
yêu cầu các Văn và Võ quan có phận sự duy-trì trật-tự trên lãnh-thò
requert les Officiers civils et militaires chargés de maintenir l'ordre
requires all civil and military authorities in charge of maintaining order
Việt-Nam và nhà chức trách được ủy-thác nhiệm vụ tương-tự trong
ou Viet-Nam et prie les autorités investies de la même mission dans
in Viet-Nam and requests the authorities invested of the same duty in
các nước Đồng-Minh và Thân-Hữu đở Ông
les pays Alliés ou Amis de laisser librement passer Mr.
Allied or Friend countries to let pass freely

LÊ HỮU PHÚC
Government Official

được tự do thông-hành và khi cần đến, giúp đỡ và bảo vệ đương-sự.
et de lui donner aide et protection en cas de besoin
and to afford assistance and protection to the above named person in
case of need.

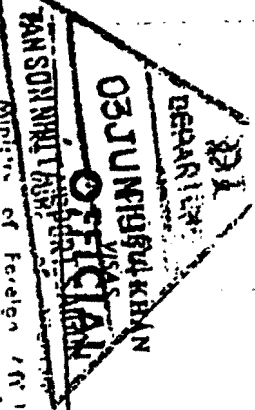


Saigon ngày 31 MAY 1974
le on
T.Ư. Tổng-Trưởng Ngoại-Giao,
Le Ministre des Affaires Étrangères
The Minister of Foreign Affairs
THE DIRECTOR OF CONSULAR AFFAIRS
BỘ-LAI-KỲ



BỘ-LAI-KỲ

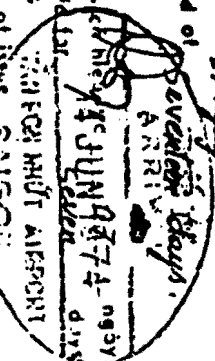
CHIẾU-KHẨN
VISAS



GRATIS Chiếu khố số 1682/74
Viso No.

Đi ra khỏi Việt-Nam và trở lại
Good for leaving Viet-Nam and return
Trong thời hạn 47 ngày
Within a period of 47 days

Chịu trách nhiệm
This visa is valid for
Kể từ ngày 15/5/74
From the date of 15 of May 1974
SAIGON, VN
MINISTER OF FOREIGN AFFAIRS
Director of Consular Affairs



CHIỀU-KHÂN
VISAS

中華民國駐外館處
Embassy of The Republic of China

CHIỀU-KHÂN
VISAS

REPUBLIC OF CHINA
TAPEN AIR PORT
GENERAL VISA
JUN 3 1974

Valid until
Single Journey
to the Republic of China
Remains valid
FOR THE AMBASSY

P. C. Chiang
P. CHING CHIANG
FIRST SECRETARY

Date of Issue MAY 2 1974
Remark:

62/1118
DEPARTED
14 JUN 1974
INSPECTION
REPUBLIC OF CHINA

EMBASSY OF THE REPUBLIC OF CHINA
TAPEN AIR PORT
REPUBLIC OF CHINA

VIỆT-NAM CONG-HOA

Saigon, ngày 24 tháng 5 năm 1973.

BỘ Y-TE

Số 3476 BYT/NVNN2/QĐ

-000-

TỔNG TRƯỞNG Y-TẾ,

Document 5

Chiếu Sắc-Lệnh số 394-TT/SL ngày 1/9/1969 và các văn-kiến kế tiếp ấn định thành phần Chánh-Phủ;

Chiếu Sắc-Lệnh số 35-YT ngày 19/9/1949 ấn định chức chương Bộ Trưởng Y-Tế;

Chiếu Nghị-Định số 331, QP/ND ngày 23/4/1973 của Bộ Quốc-Phòng biệt phái sang Bộ Y-Tế 30 Quân-Y Sĩ;

Chiếu Lệnh Thuyên-Chuyển số 2494-TTN/TQT/BN/NN/3/K ngày 5/4/1973 của Bộ Tổng Tham-Mưu thuyên chuyển 30 Quân-Y-Sĩ sang Bộ Y-Tế;

Chiếu công-văn số 632-BYT/QTTB/YS/BP/C/733 ngày 16/5/1973 của Nha Tổng Giám-Đốc Y-Tế;

Chiếu nhu-cầu công-vụ,

QUYẾT-ĐỊNH :

Điều 1.- Nay cử các Quân-Y-Sĩ có tên dưới đây, biệt phái ngoại ngạch Bộ Y-Tế do Nghị-Định dẫn chiếu, đến giúp việc tại các nhiệm-sơ kê sau :

Số TT	Họ và Tên Cấp bậc	Số quân	NHIỆM-SƠ		Chức-vụ
			CỦ	MỚI	
1	Trung-Tá TRINH-CAO-HÀI	49/333.145	TYV. Cộng-Hòa	Bảo-Sanh-Viện Tử-Dũ	Y-Sĩ điều trị
2	Trung-Tá HUỖNH-VAN-THẾ	53/129.931	-nt-	Sở Y-Vụ Bộ Y-Tế	
3	Thiếu-Tá NGUYỄN-VIỆT-TUNG	53/124.844	QYV Nguyễn-Văn Nhứt	BV. Phước-Lễ (Phước-Tuy)	-nt-
4	Thiếu-Tá NGUYỄN-ĐÌNH-PHÁC	54/300.211	Trưởng Bộ-Binh Thủ-Dức	Viện Quốc-Gia Y Tế Công-Cộng	
5	Thiếu-Tá PHAN-VAN-VỸ	56/106.850	QYV Long-Xuyên	TTYTTK Long-Xuyên	-nt-
6	Đại-Úy NGUYỄN-BỘI-HOÀN	58/107.154	-nt-	-nt-	-nt-
7	Thiếu-Tá NGUYỄN-VĂN-NGHI	59/154.556	QYV Phan-Thanh Giản	TTYTTK Chợ-Thợ	-nt-
8	Thiếu-Tá TÔN-THẤT-KỲ	53/124.846	BV/TK Bạc-Liêu	Bệnh-Viện Vĩnh Lợi (Bạc-Liêu)	-nt-
9	Đại-Úy NGUYỄN-VĂN-HƯƠNG	56/182.304	-nt-	-nt-	-nt-
10	Đại-Úy NGÔ-THẾ-QUÍ	58/102.333	BV/TK Vĩnh-Bình	BV/PH Phó-Vĩnh (Vĩnh-Bình)	-nt-
11	Đại-Úy HUỖNH-GIA-CHÍNH	55/104.593	BV/TK Ninh-Thuận	BV/PH Phan-Rang (Ninh-Thuận)	-nt-
12	Đại-Úy VÕ-VAN-KỶ	57/182.343	BV/TK Vĩnh-Long	Bệnh-Viện Vĩnh Long	-nt-
13	Đại-Úy TRẦN-VĂN-GIA	53/125.260	Liên-Đoàn 74 Quân-Y	Ty Y-Tế Thông Định	Thư-Tổ Trưởng Ty
14	Đại-Úy NGUYỄN-HUÂN-TRƯỞNG	55/104.312	Viện Bài-Lạc Ngõ-Quyển	Bệnh-Viện Chợ-Quán	Y-Sĩ điều trị

Please See Verso

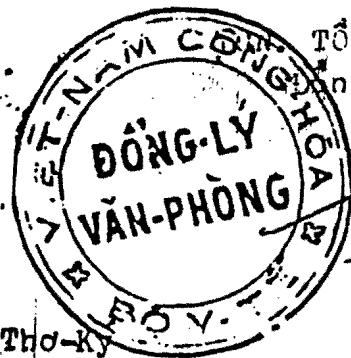
15	Đại-Ủy NGUYỄN-VAN-TRUYỀN	58/104.037	BV/TK Long-An	Bệnh-Viện Tân Y-Sĩ điều tr An (Long-An)	
16	Đại-Ủy PHẠM-THẾ-TRƯỜNG	59/153.754	BV/TK An- Xuyên	BV/PH Quân- Long (An-Xuyên)	-nt-
17	Đại-Ủy NGUYỄN-VAN-LÂM	69/129.321	QXV Đoàn-Mạnh Hoạch	BV. Phan-Thiết (Bình-Thuận)	-nt-
18	Đại-Ủy BÙI-HOÀNH	49/140.018	-nt-	-nt-	-nt-
19	Đại-Ủy NGUYỄN-NGỌC-TRẦN	59/161.295	TT.2 Tuyên Mộ Nhập Ngũ	TTYTTK Nha- Trang	-nt-
20	Đại-Ủy NGUYỄN-VAN-ẢNH	58/111.928	Bệnh-Viện 3 Đã-Chiến	TTYTTK Mỹ- Tho	-nt-
21	Đại-Ủy LÊ-VAN-HỒNG	57/182.304	-nt-	-nt-	-nt-
✓ 22	Đại-Ủy LÊ-HỮU-PHÚC	59/161.150	BV/TK Sadeo	Bệnh-Viện Sadeo	-nt-
23	Đại-Ủy TRẦN-DƯƠNG-ĐÔN	58/103.039	BV/TK Vĩnh- Bình	BV/PH Phú-Vinh (Vĩnh-Bình)	-nt-
24	Đại-Ủy NGUYỄN-KHIÊM-ĐÔN	52/700.752	TTHL/Hải-Quân Cam-Ranh	BV Hàm-Tân (Bình-Tuy)	-nt-

Điều 2. - Kể từ ngày đoạn chỉ tại nhiệm-sở cũ, lương bổng của các đương-sự do ngân-sách Quốc-Gia Bộ Y-Tế (cơ-quan xử dụng) đài thọ.

Điều 3. - Đồng-Lý Văn-Phòng Bộ Y-Tế có nhiệm-vụ thi hành Quyết-Định này.//

Nơi nhận :

- Bộ Quốc-Phòng
- Bộ Tổng Tham-Mưu/Phòng TQT
- Cục Quân-Y
- Trung-Tâm Quản-Trị Trung-Uơng
- Nha Tổng Giám-Đốc Công-Vụ
- Nha TGD Ngân-Sách và Ngoại-Viện
- Nha Tổng Giám-Đốc Y-Tế
- Thanh-Tra-Đoàn
- Văn-Phòng Đồng-Lý
- Tòa Hành-Chánh Phước-Tuy, An-Giang, Phong-Dinh, Bạc-Liêu, Vĩnh-Bình, Ninh-Thuận, Vĩnh-Long, Long-An, An-Xuyên, Bình-Thuận, Khánh-Hòa, Định-Tướng, Badoo, Bình-Tuy.
- BSV Từ-Dũ, Sở Y-vụ Bộ Y-Tế, BV Phước-Li (Phước-Tuy), Viện QYT Công-Cộng, BV. Vĩnh-Lợi (Bạc-Liêu), BV. Phú-Vinh (Vĩnh-Bình), BV. Phan-Rang (N-Thuận), BV. Vĩnh-Long, Ty Y-Tế Phong-Dinh, BV Chợ-Quận, BV. Tân-An (Long-An), BV. Quân-Long (An-Xuyên), BV. Phan-Thiết (B-Thuận), BV. Sadeo, BV. Hàm-Tân (Bình-Tuy), TTYTTK : Long-Xuyên, Cần-Thơ, Nha-Trang, Mỹ-Tho "Đã được ngày chấp nhận nhiệm-sở"
- Sở Quản-Trị Bệnh-Viện
- Sở Nhân-Viên Chánh Ngạch
- Phòng Thống-Kê
- Hồ-sơ -Lưu
- Sở Ngân-Sách và Kế-Toán
- Sở Thập-Chế
- Phòng Kiểm-Trá Nhân-Lực



TỔNG-TRƯỞNG Y-TẾ CH.
Đồng-Lý Văn-Phòng

Đs. Trần-Văn-Chiêu

PNT/ttt-Ro-

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ Y-TẾ

Saigon, ngày 3 tháng 9 năm 1974

--oOo--

Số 4620 -BYT/IV/NN2/QĐ.

TỔNG-TRƯỞNG Y-TẾ,

Document 5

- Chiếu Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 1-4-1967, tu chỉnh do Luật số 001/74 ngày 22-1-1974;
- Chiếu Sắc-Lệnh số 394-TT/SL ngày 1-9-1969 và các văn-kiện kế tiếp, nhất là Sắc-Lệnh số 130-TT/SL ngày 18-2-1974, ấn định thành phần Chính-Phủ;
- Chiếu Sắc-Lệnh số 35-YT ngày 19-9-1949, ấn định chức chương Bộ-Trưởng Y-Tế; và S.L số 175-SL/YT ngày 23-7-74 v/v tổ chức Bộ Y-Tế
- Chiếu Sắc-Lệnh số 175-NV ngày 23-5-1955 và các văn-kiện kế tiếp, ấn định phụ-cấp chức-vụ, cung cấp bằng hiện vật và hiện kim cho các công-chức và nhân-viên công sở;
- Chiếu Nghị-Định số 354-YT/HC/NĐ ngày 3-5-1956 và các văn-kiện kế tiếp, xếp hạng các Bệnh-Viện;
- Chiếu Quyết-Định số 3221-BYT/IV/NN2/QĐ ngày 6-7-1970, cử Bác-Sĩ NGUYỄN-VAN-TRÍ giữ chức-vụ Trưởng-Ty Y-Tế kiêm Quản-Đốc Bệnh-Viện Sadeo;
- Chiếu tờ trình số 474-BYT/QTTB/Cl ngày 20-8-1974 của Tổng Nha Y-Tế và phiếu gửi số 1048-BYT/QTTB/Cl/1/1257 ngày 22-8-1974 của Sở Quản-Trị Bệnh-Viện;
- Chiếu nhu-cầu công-vụ,

QUYẾT - ĐỊNH :

ĐIỀU I - Nay cử :

- BS. NGUYỄN-VIẾT-TÙNG, Y-Sĩ Thiếu-Tá biệt phái ngoại ngạch, Y-Sĩ Điều-Trị, tổng sự tại Bệnh-Viện Phối-Hợp DQY Sadeo, giữ chức-vụ Trưởng-Ty Y-Tế Sadeo thay thế BS. NGUYỄN-VAN-TRÍ và các cử Nghị-Viên Hội-Đồng Tỉnh.

- BS. LÊ-HỮU-PHÚC, Y-Sĩ Điều-Trị Khế-uớc, tổng sự tại Bệnh-Viện Sadeo, giữ chức-vụ Giám-Đốc Bệnh-Viện này thay thế Bác-Sĩ NGUYỄN-VAN-TRÍ.

ĐIỀU II - Kể từ ngày thực sự đảm nhiệm chức-vụ kể trên, các đương-sự được hưởng khoản phụ-cấp chức-vụ ấn định theo thể lệ hiện hành, do Ngân-Sách Quốc-Gia (cơ-quan xử dụng) đài thọ.

ĐIỀU III - Phụ-Tá Tổng-Trưởng, Tổng Thư-Ký và Tổng Giám-Đốc Bộ Y-Tế Chiếu nhiệm-vụ thi hành Quyết-Định này.-

NOI NHẬN : Phủ Tổng-Ủy Công-Vụ

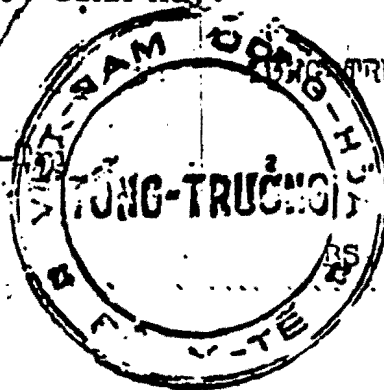
- Nha TGD Ngân-Sách/Ngoại-Viện
- Nha TGD Y-Tế - Nha Tổng Thư-Ký
- Thanh-Tra Đoàn YT - Nha YT Điều-Trị
- Nha Y-Tổ C/c - Nha Tiếp-Vận
- Tòa Hành-Chánh Sadeo
- Ty Y-Tổ Sadeo - Bệnh-Viện Sadeo

"Để tổng đạt"

- Sở Quản-Trị Bệnh-Viện
- Sở Ngân-Sách và Kế-Toán
- Sở Pháp-Chức - Phòng Thống-Kê
- Sở Nhân-Viên Chính Ngạch
- Phòng Kiểm-Tra Nhân-Lực

Hồ-bộ - Lưu

22/10/74/20.



IV. 54 355 / GWL / CRU

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
Độc Lập - Dân Chủ - Hòa Bình - Trung Lập

GIẤY CHỨNG NHẬN TRÌNH DIỆN

32 / AN

Document 6

Họ, tên Lê Hữu Phước

Ngày, tháng, năm sinh 12-4-1939

Sinh quán làng Mỹ Đức Cao Lãnh tỉnh Sa Đéc

Chỗ ở hiện tại 377 phườn thành phố Sa Đéc

Trước từng sự tại Ty y tế Sa Đéc

Cấp bậc Bác Sĩ

Chức vụ Chức vụ Giám đốc Bệnh viện
Sở quân -

Thẻ căn cước số 1271275 cấp 12-11-69 tại Sa Đéc

Đến trình diện ngày 01 tháng 5 năm 1975

Tại Sa Đéc

Sau trình diện về cư trú tại 377 phườn thành phố Sa Đéc

Có nộp các thứ sau đây:

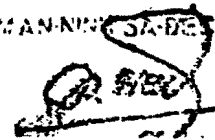
01 thẻ căn cước, 1 thẻ cấp quân nhân

(có biên nhận kèm theo)



02 tháng 6 năm 1975

Ủy Ban Quân Quản



IV 54355/GWL/CRU

LÊNH THA

Document 7

Tên: Nguyễn Văn Tuấn

Chức vụ

Căn cứ quyết định miễn tố số 05 ngày 05 tháng 06 năm 1992.

đối với bị can đó, thì quyết: can tội vi phạm biển!

Căn cứ vào pháp luật hiện hành ;

RA. LÊNII THIA

Họ và tên Nguyễn Thị Tuyết Bí danh

Sinh ngày 19 tháng 11 năm 1955

Sinh quán Số 1, K. 1, H. Giang

Trú quán 22/3 B q Hoa Kham Thi Kha X, Mel

Nghề nghiệp 131. T.Đ.Đ.

Ông Giám thị trại tạm giam

thị hành khi nhận được lệnh này.)

Lệnh này gửi đến Eng Viện trưởng V.K.S.N.D

dè тұңғ.

ngày 25 tháng 4 năm 1950

TM. 105, 105, 105, 105

longer and longer

NƠI NHẬN

-- Ông Vụ trưởng V.K.S.N.D. Đ. Văn Tấn đề biết

dề báo cáo

... Ông Giám đốc trực tiếp giám sát Đ. Văn T. để thi hành

để biết

- Đường sự nghiệp và trình với: Tên họ Q. H. và các bạn biết.

2. Lưu hồ sơ.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # 0574355
VEWL.# _____
I-171 : ☒ Yes, ☐ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM _____
Last Middle First

Current Address _____

Date of Birth _____ Place of Birth _____

Previous Occupation (before 1975) _____
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From _____ To _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Naples, 1-19-58

Kính chị Thơ,

Kính gửi đến chị hồ sơ của Phúc.

Xin chị có thể giúp đỡ cho Phúc và gia đình bằng mọi cách được giấy LOI, vì hiện nay bên VN, chính quyền có chủ trương đòi chủ xét việc cấp giấy xuất cảnh cho những ai đã có giấy LOI.

Tạm cứ gia đình xin phúc thư và nhờ lòng quan tâm giúp đỡ của chị.

Xin chị có thể giúp giùm.

Xin cảm ơn chị nhiều.

Kính

Tung

TB:

Đã có gửi Đ. Đ. B. F. Mac Closkey thơ cảm ơn.

Jan 18th, 1987.

Request for Assistance.

TUONG THI NGUYEN

KHUC MINH THO

President of Families of Vietnamese Political Prisoners Association

P.O Box 5435

Arlington VA 22205-0635.

Dear Mrs Tho,

My name is TUONG THI NGUYEN. I have been sponsoring my sister NGUYEN THI TUYET, her husband LE HUU PHUC and their children LE THI DUNG, LE HUU LOC, LE HUU THIEN (EV # 054355) for family reunion through ODP.

I am calling your assistance in interviewing with the ODP in issuing a letter of introduction (LOI) ^{for} my relatives on the basis that they have been and still are the object of persecution by the Vietnamese Communist government for the reason that my brother in law LE HUU PHUC was

- a former physician captain in the Vietnamese army.
- a Medical director of the Sadec Hospital
- a trainee in the US sponsored program abroad in Taiwan.
- a close collaborator with the US team medical advisors, particularly with William K. Hardcastle US medical advisor at the 14th Strategic Zone in Viet Nam.

As result of the persecution by the Communist
my brother in law has been in jail once and
his daughter LE THI DUNG has been denied the right
to enroll into Medical College. The whole family
is under close surveillance.

I am concerned about the safety of my relatives
in Vietnam. I would like to ask for your help
to ease the process of their departure.

I am very grateful for your assistance.

Sincerely yours

Nguyen Thi Tung

VIỆT-NAM CÔNG-HOÀ

BỘ Y-TẾ

-oOo-

Saigon, ngày 24 tháng 5 năm 1973.

Số 3476 BYT/NVNN2/QĐ

TỔNG TRƯỞNG Y-TẾ,

Chiếu Sắc-Lệnh số 394-TT/SL ngày 1/9/1969 và các văn-kiện kế tiếp, ấn định thành phần Chánh-Phủ;

Chiếu Sắc-Lệnh số 35-YT ngày 19/9/1949 ấn định chức chương Bộ Trưởng Y-Tế;

Chiếu Nghị-Dinh số 331-QP/ND ngày 23/4/1973 của Bộ Quốc-Phòng biệt phái sang Bộ Y-Tế 30 Quân-Y-Sĩ;

Chiếu Lệnh Truyền-Chuyển số 2494-TTM/TQT/BN/MN/B/K ngày 5/4/1973 của Bộ Tổng Tham-Mưu truyền chuyển 30 Quân-Y-Sĩ sang Bộ Y-Tế;

Chiếu công-văn số 632-BYT/QTTB/YS/BP/C/733 ngày 16/5/1973 của Thủ-Tướng Giám-Đốc Y-Tế;

Chiếu nhu-cầu công-vụ,

QUYẾT-DINH :

Điều 1. - Nay cử các Quân-Y-Sĩ có tên dưới đây, biệt phái ngoại ngạch Bộ Y-Tế do Nghị-Dinh dẫn chiếu, đến giúp việc tại các nhiệm-sở kê sau :

STT	Họ và Tên Cấp bậc	Số quân	NHIỆM-SỞ		Chức-vụ
			CŨ	MỚI	
1	Trung-Tá TRINH-CAO-HAI	49/333.145	TYT. Cộng-Hoà	Bảo-Sanh-Viện Tứ-Dũ	Y-Sĩ điều tr
	Trung-Tá HUYNH-VAN-THÉ	53/129.931	-nt-	Sở Y-Vụ Bộ Y-Tế	
3	Thiếu-Tá NGUYỄN-VIỆT-TUNG	53/124.644	QYV Nguyễn-Văn Nhứt	BV. Phước-Lễ (Phước-Tuy)	-nt-
4	Thiếu-Tá NGUYỄN-DÌNH-PHÁC	54/300.211	Trưởng Bộ-Binh Thủ-Đức	Viện Quốc-Gia Y Tổ Công-Cộng	
5	Thiếu-Tá PHAM-VAN-VỸ	56/106.850	QYV Long-Xuyên	TTYTTK Long- Xuyên	-nt-
6	Đại-Úy NGUYỄN-BỘI-HOÀN	58/107.154	-nt-	-nt-	-nt-
7	Thiếu-Tá NGUYỄN-VĂN-NGHI	59/154.556	QYV Phan-Thanh Giên	TTYTTK Cần-Thơ	-nt-
8	Thiếu-Tá TÔN-THẤT-KỲ	53/124.846	BV/TK Bạc-Liêu	Bệnh-Viện Vĩnh- Lợi (Bạc-Liêu)	-nt-
9	Đại-Úy NGUYỄN-VĂN-HƯỞNG	56/182.304	-nt-	-nt-	-nt-
10	Đại-Úy NGÔ-THẾ-QUÍ	58/102.333	BV/TK Vĩnh-Bình	BV/PH Phú-Vinh (Vĩnh-Bình)	-nt-
11	Đại-Úy HUYNH-GIA-CHINH	55/104.593	BV/TK Ninh-Thuận	BV/PH Phan-Rang (Ninh-Thuận)	-nt-
12	Đại-Úy VŨ-VĂN-KỲ	57/182.343	BV/TK Vĩnh-Long	Bệnh-Viện Vĩnh-Long	-nt-
13	Đại-Úy TRẦN-VĂN-GIA	53/125.260	Liên-Đoàn 74 Quân-Y	Ty Y-Tổ Thông Dinh	Phụ-Tá Trưởng Ty
14	Đại-Úy NGUYỄN-HUÂN-TRƯỜNG	55/104.312	Viện Bài-Lao Ngô-Quyên	Bệnh-Viện Chợ-Quán	Y-Sĩ điều tr

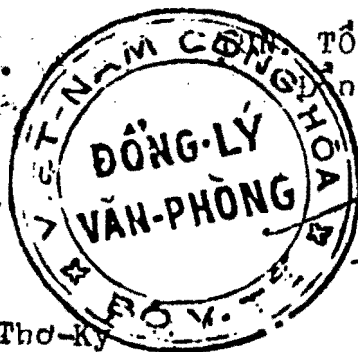
15	Đại-Ủy NGUYỄN-VAN-TRUYỀN	58/104.037	BV/TK Long-An	Bệnh-Viện Tân Y-Sĩ điều trị An (Long-An)	
16	Đại-Ủy PHẠM-THẾ-TRƯỜNG	59/153.754	BV/TK An-Xuyên	BV/PH Quán-Long (An-Xuyên)	-nt-
17	Đại-Ủy NGUYỄN-VAN-LÂM	69/129.321	QVĐ Đoàn-Mạnh Hạc	BV. Phan-Thiết (Bình-Thuận)	-nt-
18	Đại-Ủy BỒI-HOÀNH	49/140.018	-nt-	-nt-	-nt-
19	Đại-Ủy NGUYỄN-NGỌC-TRẦN	59/161.295	TT.2 Tuyển Mộ Nhập Ngũ	TTYTTK Nha-Trang	-nt-
20	Đại-Ủy NGUYỄN-VAN-ANH	58/111.928	Bệnh-Viện 3 Dã-Chiến	TTYTTK Mỹ-Tho	-nt-
21	Đại-Ủy LÊ-VAN-HỒNG	57/182.304	-nt-	-nt-	-nt-
22	Đại-Ủy LÊ-HỮU-PHÚC	59/161.150	BV/TK Sadec	Bệnh-Viện Sadec	-nt-
23	Đại-Ủy TRẦN-DƯƠNG-DŨN	58/103.039	BV/TK Vĩnh-Bình	BV/PH Phú-Vinh (Vĩnh-Bình)	-nt-
24	Đại-Ủy NGUYỄN-KHIÊM-DŨN	52/700.752	TTHL/Hải-Quân Cam-Ranh	BV Hàm-Tân (Bình-Tuy)	-nt-

Điều 2. - Kể từ ngày đoạn chỉ tại nhiệm-sở cũ, lương bổng của ông đương-sự do ngân-sách Quốc-Gia Bộ Y-Tổ (cơ-quan xử dụng) đài thọ.

Điều 3. - Đồng-Lý Văn-Phòng Bộ Y-Tổ có nhiệm-vụ thi hành Quyết-Định này.//

Nơi nhận :

- Bộ Quốc-Phòng
- Bộ Tổng Tham-Mưu/Phòng TQT
- Cục Quân-Y
- Trung-Tâm Quản-Trị Trung-Uơng
- Nha Tổng Giám-Đốc Công-Vụ
- Nha Tổng Ngân-Sách và Ngoại-Viện
- Nha Tổng Giám-Đốc Y-Tế
- Thanh-Trạm Đoàn
- Văn-Thòng Tổng-Lý
- Tòa Hành-Chánh Phước-Tuy, An-Giang, Phong-Dinh, Bạc-Liêu, Vĩnh-Bình, Bình-Thuận, Vĩnh-Long, Long-An, An-Xuyên, Bình-Thuận, Khánh-Hòa, Định-Tường, Đăc, Bình-Tuy.
- BSV Tử-Dũ, Sở Y-Vụ Bộ Y-Tổ, BV Phước-Lễ (Phước-Tuy), Viện QGYT Công-Cộng, BV. Vĩnh-Lợi (Bạc-Liêu), BV. Phú-Vinh (Vĩnh-Bình), BV Phan-Rang (N-Thuận), BV. Vĩnh-Long, Ty Y-Tổ Phong-Dinh, BV Chợ-Quận, BV. Tân-An (Long-An), BV. Quán-Lang (An-Xuyên), BV. Phan-Thiết (B-Thuận), BV. Sadec, BV. Hàm-Tân (Bình-Tuy), TTYTTK : Long-Xuyên, Cần-Thơ, Nha-Trang, Mỹ-Tho "Đề chúc ngày nhận nhiệm-sở"
- Sở Quản-Trị Bệnh-Viện
- Sở Nhân-Viên Chánh Ngạch
- Phòng Thống-Kê
- Sở-Sơ-Lưu
- Sở Ngân-Sách và Kế-Toán
- Sở Thấp-Chế
- Phòng Kiểm-Tra Nhân-Lực



TỔNG-TRƯỞNG Y-TẾ CX.
Đồng-Lý Văn-Phòng

Ds. Trần-Văn-Nhiều

FNT/ttt-Ro-

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ Y-TẾ

---000---

Saigon, ngày 3 tháng 9 năm 1974

Số 4620 -BYT/NV/NN2/QĐ.

TỔNG-TRƯỞNG Y-TẾ,

- Chiếu Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 1-4-1967, tu chính do Luật số 001/74 ngày 22-1-1974;
- Chiếu Sắc-Lệnh số 394-TT/SL ngày 1-9-1969 và các văn-kiện kế tiếp, nhất là Sắc-Lệnh số 130-TT/SL ngày 18-2-1974, ấn định thành phần Chính-Phủ
- Chiếu Sắc-Lệnh số 35-YT ngày 19-9-1949, ấn định chức chương Bộ-Trưởng Y-Tế; và S.L số 175-SL/YT ngày 23-7-74 v/v tổ chức Bộ Y-Tế
- Chiếu Sắc-Lệnh số 175-NV ngày 23-5-1955 và các văn-kiện kế tiếp, ấn định phụ-cấp chức-vụ, cung cấp bằng hiện vật và hiện kim cho các công-chức và nhân-viên công sở;
- Chiếu Nghị-Định số 354-YT/HC/NĐ ngày 3-5-1956 và các văn-kiện kế tiếp, xếp hạng các Bệnh-Viện;
- Chiếu Quyết-Định số 3221-BYT/NV/NN2/QĐ ngày 6-7-1970, cử Bác-Sĩ NGUYỄN-VAN-TRÍ giữ chức-vụ Trưởng-Ty Y-Tế kiêm Quản-Đốc Bệnh-Viện Sadeo;
- Chiếu tờ trình số 474-BYT/QTTB/CI ngày 20-8-1974 của Tổng Nha Y-Tế và phiếu gửi số 1046-BYT/QTTB/CI/1/1257 ngày 22-8-1974 của Sở Quản-Trị Bệnh-Viện;
- Chiếu nhu-cầu công-vụ,

QUYẾT - ĐỊNH :ĐIỀU I - Nay cử :

- BS. NGUYỄN-VIẾT-TÙNG, Y-Sĩ Thiếu-Tá biệt phái ngoại ngạch, Y-Sĩ Điều-Trị, tổng sự tại Bệnh-Viện Phối-Hợp DQY Sadeo, giữ chức-vụ Trưởng-Ty Y-Tế Sadeo thay thế BS. NGUYỄN-VAN-TRÍ vừa đặc cử Nghị-Viên Hội-Đồng Tỉnh.

- BS. LÊ-HUU-PHÚC, Y-Sĩ Điều-Trị khố-ước, tổng sự tại Bệnh-Viện Sadeo, giữ chức-vụ Giám-Đốc Bệnh-Viện này thay thế Bác-Sĩ NGUYỄN-VAN-TRÍ.

ĐIỀU II - Kể từ ngày thực sự đảm nhiệm chức-vụ kể trên, các đương-sự được hưởng khoản phụ-cấp/ chức-vụ ấn định theo thể lệ hiện hành, do Ngân-Sách Quốc-Gia (cơ-quan xử dụng) đài thọ.

ĐIỀU III - Phụ-Tá Tổng-Trưởng, Tổng Thư-Ký và Tổng Giám-Đốc Bộ Y-Tế Chiếu nhiệm-vụ thi hành Quyết-Định này.

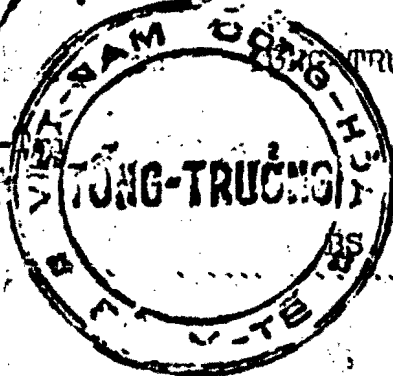
HƠI NHẬN : Phủ Tổng-Ủy Công-Vụ

- Nha TGD Ngân-Sách/Ngoại-Viện
- Nha TGD Y-Tế - Nha Tổng Thư-Ký
- Thanh-Tra Đoàn YT - Nha YT Điều-Trị
- Nha Y-Tế C/c - Nha Tiếp-Vận
- Tòa Hành-Chánh Sadeo
- Ty Y-Tế Sadeo - Bệnh-Viện Sadeo

"Đã tổng đạt"

- Sở Quản-Trị Bệnh-Viện
- Sở Ngân-Sách và Kế-Toán
- Sở Pháp-Chức - Phòng Thống-Kê
- Sở Nhân-Viên Chính Ngạch
- Phòng Kiểm-Tra Nhân-Lực

- Hà-Nội - In
- Sài-Gòn - In



中華民國駐外館處
Embassy of The Republic of China

CHIỀU-KHÂN
VISAS

公務簽證
OFFICIAL VISA

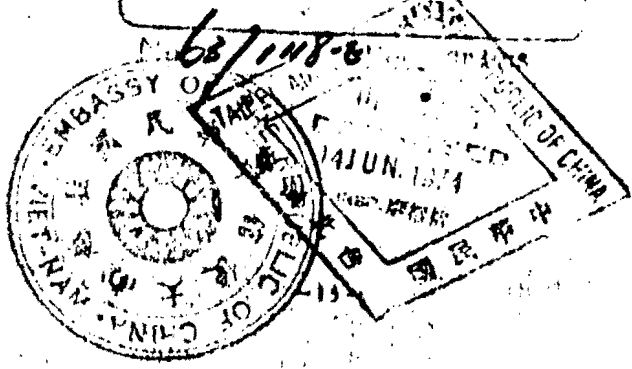
1974

Valid until
for single journey
to the Republic of China
Remains valid
FOR THE AMBASSY

P.C. Chiang
CHUNG CHIAO
FIRST SECRETARY

Date of Issue MAY 31 1974

Remark:



Ảnh của đương sự và của các con cùng đi theo
Photographie de titulaire et de ses enfants photographiés
Photograph of bearer (and of children if any)



Chữ ký của đương sự.
Signature du titulaire.
Signature of bearer

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
REPUBLIQUE DU VIÊT NAM
REPUBLIC OF VIET-NAM

THÔNG-HÀNH CÔNG-VU
PASSEPORT DE SERVICE
OFFICIAL PASSPORT

Số 18.067
No

Tên và họ
Nom et prénoms
Name Mr. LÊ HỮU PHÚC

Ngày sinh
Date de naissance
Date of birth September 12, 1939

Nơi sinh
Lieu de naissance
Place of birth SA-ĐÉC

Thông hành công vụ này gồm có 48 trang
Le passeport de service contient 48 pages.
This official passport contains 48 pages.

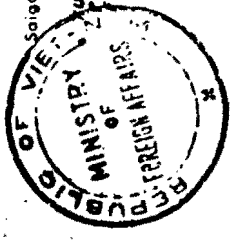
Luật
tiếp
h-Phu
ộ-
op,
ong-
ka

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THÔNG-HÀNH CÔNG-VU
TỔNG-TRƯỞNG NGOẠI-GIAO
The Minister of Foreign Affairs
yêu cầu các Văn và Văn quán có phần về duy trì trật tự trên lãnh thổ
requires the Offices of Consular Affairs to maintain order on their territory
Việt-Nam và nhà chức trách được ủy thác nhiệm vụ tương tự trong
at Viet-Nam and the authorities are entrusted with similar duties in
các nước Đồng-Minh và Thân-Hữu đã Ông
the Allies of Viet-Nam and the Friends of Viet-Nam have already
Allied or Friend countries to let pass freely Mr.

LÊ HỮU PHÚC
Government Official

được tự do thông hành và khi cần đến, giúp đỡ và bảo vệ đương sự
to be free to travel and to afford assistance and protection in the event of need

ngày 31 1974



CHỈU-KHẨN
VISAS

03 JUN 1974
OFFICIAL
MINISTRY OF FOREIGN AFFAIRS
BỘ NGOẠI-GIAO VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
GRATIS Chiếu khân số 1682/74
Visa No.
Đã ra khỏi Việt-Nam và trở lại
Good for leaving Viet-Nam and return
Trong thời hạn 27 ngày
Within a period of 27 days
Chiếu khân này có hiệu lực từ ngày 14 JUN 1974
This visa is valid from 14 JUN 1974
Kê tại ng... SAI-GON, on MAY 31 1974
MINISTER OF FOREIGN AFFAIRS
The Director of Consular Affairs
BỘ-LAI-KY

ra đi đến... 13 JUL 1974

có... đưa trẻ cùng đi...
accompanying... others
accompanied by... children

Thị trường này có giá trị tại các nước sau đây:
This passport is valid for the following countries:
Republic of China, P. R.

Tên và họ Names of persons Names	Tuổi Age Age

Luật
tiếp
h-Phu
ợ-
óp,
ông-
Ká
i-
p;
r1

VIỆT NAM CỘNG HÒA
THÔNG-HÀNH CÔNG-VU

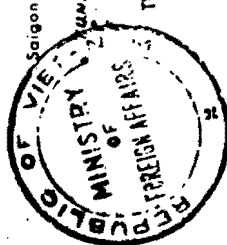
TỔNG-TRƯỞNG NGOẠI-GIAO

Yêu cầu các Văn và Vũ quan có phần sự duy trì trật tự trên lãnh thổ
requiert les Officiers civils et militaires de maintenir l'ordre sur le territoire
requires all civil and military authorities to charge of maintaining order
Việt-Nam và nhờ chức trách được ủy thác nhiệm vụ Nắm giữ trong
ou Viet-Nam et de leur confier les fonctions de maintenir la tranquillité sur son
in Viet-Nam and assigns the authorities invested with the same duty to
các nước Đồng-Minh và Thân-Hữu để
les pays Allies ou Amis de l'Asie. S'ensuivra
Allied or Friend countries to let pass freely Mr.

LÊ HỮU PHÚC
Government official

được tự do ngang hành và khi cần đến, giúp đỡ và bảo vệ đường sự
et de lui donner aide et protection en cas de besoin
and to afford assistance and protection to the evacuees in any case of need.

ngày
MAY 31 1974



BỘ-LAI-KY

CHIẾU-KHẨN
VISA

DEPARTMENT OF FOREIGN AFFAIRS
03 JUN 1974
OFFICIAL
MINISTRY OF FOREIGN AFFAIRS
BỘ NGOẠI-GIAO VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
GRATIS Chiếu khản số 1682/74
Vân Nô.
Đã ra khỏi Việt-Nam và trở lại
Good for leaving Viet-Nam and return
trong thời hạn 17 ngày
Within a period of seventeen days.
Chiếu khản này chỉ dùng để ra khỏi Việt-Nam
This visa is valid for leaving Viet-Nam only
Kể từ ngày 15 JUN 1974
From the date of issue 15 JUN 1974
SAIGON, on MAY 31 1974
THE MINISTER OF FOREIGN AFFAIRS
The Director of Consular Affairs
BỘ-LAI-KY

to go to the
country of origin
and return

19 JUL 1974

có đưa trẻ cùng đi
accompanying children
accompanied by children

Tên và họ Names of persons Nomes	Tuổi Age Age

Chỉ thị hành động và giải trí tại các nước sau đây:
Instructions for action and recreation in the following countries:
Republic of China, P. R.

VIỆT NAM CỘNG HÒA

THÔNG HÀNH CÔNG VỤ

TỔNG-TRƯỞNG NGOẠI-GIAO

Yêu cầu các Văn và Vũ quan có phần sẽ duy trì một tư trên lãnh thổ
 require the Civil and Military Authorities in charge of the territory to
 Vietnam and the authorities in charge of the territory to
 in Viet Nam and require the authorities in charge of the territory to
 các nước Đồng Minh và Thân Hữu đã
 Allied of friend countries to let pass freely

LÊ HỮU PHÚC

Government Official

được ủy quyền hành và khi cần đến, giúp đỡ và bảo vệ đương sự
 and to afford assistance and protection to the case of need

ngày 31 1974



THE DIRECTOR OF CONSULAR AFFAIRS

ĐỒ-LAI-KY

CHIỀU-KHẨN 1954

DEPARTMENT OF FOREIGN AFFAIRS
 03 JUN 1974
 OFFICIAL
 MINISTER OF FOREIGN AFFAIRS
 BỘ NGOẠI-GIAO VIỆT NAM CỘNG-HÒA
 GRATIS Chiều khôn số 1682/74
 Viên M.
 Đã ra khỏi Việt-Nam và trở lại
 Good for leaving Viet-Nam and return
 trong thời hạn 47 ngày
 Within a period of 47 days
 Chiều khôn số 1682/74 ngày 31 JUN 1974
 This visa is valid for 47 days
 Kê từ ngày 31 JUN 1974
 From the date of issue 31 JUN 1974
 SAI-GON, VIET-NAM
 MINISTER OF FOREIGN AFFAIRS
 Director of Consular Affairs
 ĐỒ-LAI-KY

19 JUL 1974

có đưa trẻ cùng đi
 accompanied by children

Tên và họ Names of persons Names	Tuổi Age Age

Đang đi sang các nước sau đây:
 Going to the following countries:
 Republic of China, P. R.

October 9, 1987

Tuong T. Nguyen

Susan Lively
R. P./Rep./Sen.
State Department
Washington, D.C. 20520

Dear Ms. Susan Lively:

My name is Tuong T. Nguyen. Through the families of Vietnamese Political Prisoners Association, I have called for your help to reunite my parents, brother and sister with me in the United States of America. I have been told that you have responded favorably. I take this opportunity to thank you.

Here are some of the reference numbers on my file:

A. Petitioner

NAME: Nguyen, Tuong T.
ADDRESS: 1619 Nottingham Drive
Naples, Florida 33942
DOB: 05-07-44 Kampot, Cambodia
SS# 572-63-8594
Citizenship # 13085412 issued on 8/6/87 at - USA/Southern District of Florida

P. I-130 for FATHER

Name: NGUYEN, Tu Van
DOB: 07-18-10 Vinh long, Vietnam
IV# 505908
Fee register receipt for I-130 MIA 272333 on 8/13/87

mother

Name: LY, Hoa Thi
DOB: 06-20-18 Rach gia, Vietnam
IV# 505908
Fee register receipt for I-130 MIA 272331 on 8/13/87

BROTHER

Name: NGUYEN, Phuoc H.
DOB: 05-31-49 Bac Lieu, Vietnam
IV# 223705
Fee register receipt for I-130 MIA 272332 on 8/13/87

SISTER

Name: NGUYEN, Tet T
DOB: 11-11-49 Rach gia, Vietnam
IV# 5438
Fee register receipt for I-130 MIA 272334 on 8/13/87

It has been more than seven (7) years since I have been separated from my relatives. It has been more than twelve (12) years since my relatives have been living under the hardship of the Communist regime. I have been since longing for them to come and to be reunited with me in my new country.

They have desperately struggled to keep themselves alive; to have the opportunity to see and to live in the country of the freedom, particularly my parents who are up in years and their ~~life~~ expectancy is numbered.

For our sake, I beg you for help. Please do your best to assist my relatives to get out of the Communist ban.

I don't have enough words to express the strong feelings of my gratitude. I hope you would acknowledge my deep indebtedment and my sincere appreciation.

Sincerely yours,

Nguyen Thi Emay

ImmoKalee ngày 21-10-85

Kính Ch.

Thành thật cảm ơn Ch. nhiều về sự giúp đỡ quý báu của Ch.

Chúng tôi xin trình về diễn tiến của việc lập hồ sơ bảo lãnh cho gia đình của Phúc.

ngày 6/16/82 như tôi là Nguyễn Thị Tuyết với tư cách là chị nộp đơn xin bảo lãnh cho người em là Nguyễn Thị Tuyết cũng chồng là Lê Hữu Phúc và 3 con được đến Mỹ để đoàn tụ.

Địa chỉ (tên đơn) : 3239 Glenhurst Ave
Los Angeles, CA. 90039

- mới

- Mẫu I-qu số : A25-116-548

- Danh sách thân nhân xin bảo lãnh :

- Em 1. NGUYỄN THỊ TUYẾT, sinh 10-12-45, Asset gia, địa chỉ 88/3B đường Bến Xe Mới - Ấp Hòa Khánh, Thôn K. Satec, Nam Việt X.

- Em 2. LÊ HUU PHUOC, sinh 9-12-39 tại Satec - cũng địa chỉ

- Cháu 3. LÊ THỊ DUNG, sinh 5-17-69 tại Saigon

- Cháu 4. LÊ HUU LOC, sinh 1/20/73 tại Satec

- Cháu 5. LÊ HUU THIEN, sinh 5/21/76 tại Satec

- Chúng tôi nhận được thư phúc đáp của tòa đại sứ Mỹ và được cho số IV cho hồ sơ của Tuyết và Phúc là IV 054-355. Vì chúng tôi đã nộp bộ hồ sơ với nhữn, tại liên được tòa đại sứ yêu cầu. Khai sinh hồ sơ, v.v. ...

Phu x̄ Puyit đ̄t m̄p t̄n l̄n VN x̄n đ̄i x̄ūt c̄ōl
v̄ cho b̄īt l̄īn ḡīs k̄o s̄o đ̄t đ̄īo ch̄ūp đ̄t H̄A N̄h
ḡīn & th̄īng, v̄ đ̄ang c̄n m̄īc 00P. I - 10/81. V̄
m̄u n̄y th̄i n̄i đ̄īo c̄i x̄t x̄ūt c̄ūg.
V̄i b̄īt đ̄īo ḡx đ̄īūl ch̄i ḡīs đ̄a đ̄t đ̄īo ch̄i ḡīs c̄
m̄u n̄y đ̄īo n̄n Ph̄u T̄o ȳt nh̄i ch̄īs t̄i đ̄īo l̄c
c̄ūg ch̄īt đ̄īo đ̄īo ḡīp đ̄īo v̄ l̄ūn̄s đ̄īn x̄n
h̄a l̄y ch̄īo ḡx đ̄īn̄g Ph̄u. Ch̄īng t̄i đ̄t t̄i h̄n
1 m̄n n̄y, v̄īt c̄ūg v̄ 5 c̄i đ̄īo ḡīs t̄i đ̄t đ̄īo S̄i
x̄īn h̄n n̄y nh̄i t̄i n̄y c̄ūg ch̄ū đ̄īo h̄n
l̄ī. N̄y đ̄īo ch̄ī ḡīp đ̄īo ch̄īs t̄i v̄īt m̄n̄g
k̄īn ch̄ī h̄īi l̄n̄g c̄i ḡīp đ̄īo ch̄īs t̄i v̄
ḡx đ̄īn̄g Ph̄u T̄o ȳt. Ch̄ī c̄n ḡīp t̄i ḡī x̄n
cho ch̄īs t̄i b̄īt đ̄īo ḡī đ̄īo ch̄ī.
Th̄īn k̄īn c̄n đ̄n ch̄ī nh̄īn, v̄ n̄ng c̄ī đ̄īp
đ̄īo ḡīt ch̄ī n̄ng n̄n ch̄īng t̄i đ̄t h̄īi n̄n, h̄īi
ch̄ī v̄īn̄g Ph̄u đ̄īo.

M̄n̄.

Br̄n̄l
Mȳng v̄īn̄g Br̄n̄l
1018 Ken w̄e St et
Juku K̄l̄e, Florida 33434

T̄i: Ch̄īng t̄i c̄i b̄īt v̄ī h̄n nh̄i, k̄ī v̄īn̄g ḡīp đ̄īo
c̄ū ch̄ī. V̄ī đ̄īn̄g Ph̄u T̄o ȳt ch̄ī h̄īi n̄n.
C̄ī t̄īn ḡī ch̄īng t̄ī x̄ h̄īi ch̄ī ch̄ī l̄n̄g đ̄īo.

INTAKE FORM
MẪU DƠN VỀ LÝ LỊCH
CHO HỒI GIỮ

Hồ sơ hồ tước

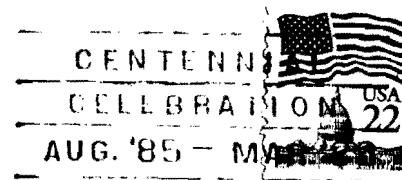
NAME (TÊN) : LE Huu PHUC
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 09 12 39
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)
SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : MALE Female (Nữ):
MARITAL STATUS : Single (Độc thân): Married (Có lập gia đình):
(Tình trạng gia đình)
ADDRESS IN VIETNAM : 88/3B ĐƯỜNG BẾN XE MỚI
(Địa chỉ tại VN) : ẤP HOA KHÁNH THỊ XÃ SADEC SOUTH VIETNAM
POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không): Yes (Có) No (Không)
: If yes (Nếu Có): From (Từ): To (Đến):
PLACE OF RE-EDUCATION: ✓
CAMP (TRẠI TÙ)
PROFESSION (Nghề Nghiệp): BÁC SĨ
EDUCATION IN U.S. : ✓
(DU HỌC TẠI MỸ)
VN ARMY (Quân đội VN): Rank (Cấp bậc): ĐA: ỦY
VN GOVERNMENT : Position (Chức vụ): YSI TRƯỞNG BX SADEC Date (Năm): 4/73
(Trong chính phủ VN)
APPLICATION FOR O.D.P.: Yes (Có): ✓ IV Number (số hồ sơ): 054-355 No (Không)
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: (Số người đi theo): 04
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2
MAILING ADDRESS IN VN: 88/3B ĐƯỜNG BẾN XE MỚI
(Địa chỉ liên lạc tại VN) ẤP HOA KHÁNH THỊ XÃ SADEC SOUTH VIETNAM
NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE :
(Tên, Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo Trờ): NGUYEN THI THUONG
U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ): No (Không): ✓
RELATIONSHIP WITH PRISONER: (Liên hệ với người ở VN): SISTER IN LAW
NAME AND SIGNATURE : NGUYEN THI THUONG
ADDRESS OF INFORMANT : 1018 MONROE STREET
(Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, BT của người điền đơn này) 8 MONROE FL 33934 Nguyen Thi Thuong
DATE : OCT 20 1985

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): 2 LE HUU PHUC
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
1 NGUYEN THI TUYET	10-12-45	WIFE
3 LE THI DUNG	05-17-69	DAUGHTER
4 LE HUU LOC	01-20-73	SON
5 LE HUU THIEN	05-21-76	SON

ADDITIONAL INFORMATION:

Nguyen Vinh Binh



H 1600

425-7232

Mrs. KHUC MINH THO
7813 MARTHAS LANE.
FALL CHURCH, VA. 22043

Vietnam, December 16, 1987

FROM: IV.054355, Nguyen Thi Tuyet
88/3B K3 P2 Ben Xe Moi, Thi Xa Sadec
Dong, Thap - Vietnam

IV.054355

TO: ODP
American Embassy
Box 58
APO San Francisco 96346 - 0001

SUBJECT: Request for RE-CLASSIFICATION

REFERENCE: ODP Letter of 3 July 1986

Dear Sir,

1. Enclosed is a photocopy of my I.171 form signed/approved on 11-1-87 which the INS forwarded to my sponsor:

Madam Nguyen thi Tuong

IN RESPONSE to your request of 3 July 1986

2. I herein also enclose a copy of all pertinent documents from my spouse - Mr LE HUU PHUC - and his official personnel file. These documents will verify that he was, prior to 1975:

- An officer of the RVNAF
- An official of the GVN
- A candidate of the US-sponsored Training Program in Taiwan.
- A close associate of the American MILPHAP Team, VN

3. His case has also been sorted out and placed on the list of Vietnamese Prisoners and US employees (page 3/May 28, 1986) by the Families of Political Prisoners Association.

4. I wish to call your attention on the attached documents that I strongly believe would help your preference classification of my case to enjoy a higher category, and to speed up the issuance of the Letter of Introduction (LOI) for my use. Please forward the LOI to my sponsor, not to my address in Vietnam.

Your favorable consideration of my request will be greatly appreciated.

Sincerely yours,
Nguyen Thi Tuyet

ENCL : (6)

- 1 photocopy RVNAF
- 1 photocopy GVN
- 1 photocopy Passport
- 1 photostat (Taiwan)
- 1 photostat MILPHAP
- 1 sheet of FPPA

Tuyet

Vietnam, December 16, 1987

FROM: IV.054355, Nguyen Thi Tuyet
88/3B K3 P2 Ben Xe Moi, Thi Xa Sadec
Dong Thap - Vietnam

IV.054355

TO: ODP
American Embassy
Box 58
APO San Francisco 96346 - 0001

SUBJECT: Request for RE-CLASSIFICATION

REFERENCE: ODP Letter of 3 July 1986

Dear Sir,

1. Enclosed is a photocopy of my I.171 form signed/approved on 11-4-87 which the INS forwarded to my sponsor:

Madam Nguyen thi Tuong
1619, Nottingham Dr.
Naples, FL. 33942
USA

IN RESPONSE to your request of 3 July 1986

2. I herein also enclose a copy of all pertinent documents from my spouse - Mr LE HUU PHUC - and his official personnel file. These documents will verify that he was, prior to 1975:

- An officer of the RVNAF
- An official of the GVN
- A candidate of the US-sponsored Training Program in Taiwan.
- A close associate of the American MILPHAP Team, VN

3. His case has also been sorted out and placed on the list of Vietnamese Prisoners and US employees (page 3/May 28, 1986) by the Families of Political Prisoners Association.

4. I wish to call your attention on the attached documents that I strongly believe would help your preference classification of my case to enjoy a higher category, and to speed up the issuance of the L or my use. Please forward the LOI to me in Vietnam.

Your
apprecia

If my request will be greatly

Sincerely yours,
Thi Tuyet

ENCL : (6)
- 1 photo
- 1 photo
- 1 photo
- 1 photo
- 1 photo
- 1 sheet

*Chị Tuan
đi đến
đt
3/3/88*

yo

NOTICE OF APPROVAL OF RELATIVE IMMIGRANT VISA PETITION

NAME AND ADDRESS OF PETITIONER

Tuong Thi Nguyen

14/da

NAME OF BENEFICIARY Nguyen, Tuyet T. Nguyen, Phuoc H.	
CLASSIFICATION 203(a)(5)	FILE NO
DATE PETITION FILED 8-13-87	DATE OF APPROVAL OF PETITION 11-4-87

DATE: Nov. 12, 1987

The visa petition you filed has been approved. The beneficiary for whom you filed has been given the appropriate classification. Note the approval gives no assurance that the beneficiary will automatically be found eligible for visa issuance, admission to the United States or adjustment to lawful permanent resident status. Whether the beneficiary gets a visa is decided only when an application is made to a consular officer; whether the beneficiary is admitted or adjusts status in the United States is decided only when an application is made to an immigration officer.

1. ☐ YOUR PETITION TO CLASSIFY THE BENEFICIARY AS AN IMMEDIATE RELATIVE OF A UNITED STATES CITIZEN HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT _____ THIS COMPLETES ALL ACTION BY THIS SERVICE ON THE PETITION. THE UNITED STATES CONSULATE, WHICH IS PART OF THE DEPARTMENT OF STATE, WILL CONTACT THE BENEFICIARY AND GIVE INSTRUCTIONS ABOUT GETTING A VISA. QUESTIONS ABOUT GETTING A VISA SHOULD BE MADE TO THE UNITED STATES CONSUL.
2. ☐ IF YOU BECOME A NATURALIZED CITIZEN OF THE UNITED STATES AND AN IMMIGRANT VISA HAS NOT YET BEEN ISSUED TO THE BENEFICIARY, NOTIFY THIS OFFICE IMMEDIATELY, GIVING THE DATE OF YOUR NATURALIZATION. IF THE PETITION WAS IN BEHALF OF YOUR SON OR DAUGHTER, PLEASE ADVISE WHETHER THAT PERSON IS STILL UNMARRIED. THIS INFORMATION MAY BE HELPFUL TO THE BENEFICIARY IN GETTING A VISA FASTER.
3. ☒ YOUR PETITION FOR PREFERENCE CLASSIFICATION HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT Bangkok. THIS COMPLETES ALL ACTION BY THE SERVICE. THIS SERVICE DOES NOT ISSUE VISAS IN OTHER COUNTRIES. VISAS ARE ISSUED ONLY BY UNITED STATES CONSULS WHO ARE EMPLOYEES OF THE UNITED STATES DEPARTMENT OF STATE. WHEN THE BENEFICIARY'S TURN IS REACHED ON THE VISA WAITING LIST, THE UNITED STATES CONSUL WILL CONTACT THE BENEFICIARY AND GIVE INSTRUCTIONS ABOUT GETTING A VISA. VISAS ARE ISSUED ACCORDING TO THE DATE THE PETITION WAS FILED. QUESTIONS ABOUT GETTING A VISA SHOULD BE ADDRESSED TO THE UNITED STATES CONSUL.
4. ☐ YOUR PETITION SAYS THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. THE ENCLOSED APPLICATION (FORM I-485) SHOULD BE COMPLETED AND SUBMITTED BY THE BENEFICIARY WITHIN 30 DAYS. (IF THE BENEFICIARY PREVIOUSLY SUBMITTED SUCH AN APPLICATION AND HAD IT RETURNED, IT SHOULD BE RESUBMITTED WITHIN 30 DAYS.)
5. ☐ THE BENEFICIARY WILL BE INFORMED OF THE DECISION MADE ON THE PENDING APPLICATION TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT.
6. ☐ THE PETITION SAYS THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. THE BENEFICIARY MAY NOT APPLY TO BECOME A PERMANENT RESIDENT, HOWEVER, UNTIL A VISA NUMBER IS AVAILABLE. INFORMATION ABOUT VISA NUMBERS MAY BE OBTAINED FROM THE UNITED STATES DEPARTMENT OF STATE, BUREAU OF CONSULAR AFFAIRS, WASHINGTON, D.C.
7. ☐ ORIGINAL DOCUMENTS SUBMITTED IN SUPPORT OF YOUR PETITION UNACCOMPANIED BY COPIES HAVE BEEN MADE A PERMANENT PART OF THE PETITION. ANY OTHERS ARE BEING RETURNED WITH THIS FORM.
8. ☐ REMARKS.

VERY TRULY YOURS,

DISTRICT DIRECTOR

H. J. Hazen

Orderly Departure Program
American Embassy
Bangkok, Thailand

DEC 03, 1984

Dear Visa Petitioner:

IV number 54355

- This office has received an approved petition according to your relative(s) status as an Immediate Relative of an American Citizen.

✓ This office has received an approved petition according to your relative(s) preference status.

Persons desiring to immigrate to the United States are, by U.S. Immigration laws, divided into two general categories: (a) those who may enter the United States as permanent residents, without any restriction based on numbers of persons (Immediate Relative Petitions), and (b) those who are restricted by an annual number of persons who may enter as permanent residents (Preference Petitions). Preference Petitions are processed according to Department of State issued "Priority Dates".

The petition we received for your relative(s) is:

- An Immediate Relative Petition which will be reviewed by our office in the near future for ODP processing. You will receive further information concerning ODP requirements and processing once your relative(s) file has been reviewed.

- A _____ Preference Petition with a current or near-current Priority Date which will be reviewed in the near future for ODP processing. You will receive further information concerning ODP requirements and processing once your relative(s) file has been reviewed.

✓ A P5-1 Preference Petition which is not yet near its Priority Date. Our most recent guidance from the Department of State is that Petitions in this category can only be processed if they were filed before 8 MAR 82. When the Petition is near-current it will be reviewed for ODP processing. You will receive further information concerning ODP requirements and processing when your relative(s) file has been reviewed. The processing criteria for the U.S. ODP give special preference for persons having a close involvement with the U.S. Government in Vietnam prior to 1975. Should your relative(s) have claim to such involvement, please notify this office.

Cases that have already been interviewed by UNHCR in Ho Chi Minh City are under constant review by this office. If your relative(s) have been interviewed, their file will be re-reviewed in the near future regardless of the type of Immigrant Visa Petition you have filed. Petitions for persons who have already departed Vietnam will be forwarded to the appropriate U.S. Government office.

The receipt of this Petition is only one step of the ODP Process. Eventual movement from Vietnam is always contingent on the Vietnamese authorities taking favorable action on your relative(s) Exit Permit and allowing your relative(s) access to the U.S. Orderly Departure Program.

In future correspondence concerning this case, please be sure to use the "IV number" listed at the top of this letter. Also advise your relative(s) in Vietnam to use this IV number.

WORKSHEET FOR FILE NUMBER IV 051355

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATES

1. NAME: NGUYEN THI TUYET

1. Name: NGUYEN THI TUYET

2. DOB: (mm/dd/yy) 10/12/45

1. DOB: (mm/dd/yy) / / (DOB)

3. F. DOB: (mm/dd/yy) 10/12/45

1. Address: 3719 GLENLURET AVE.

4. Address in Vietnam:

1. LOS ANGELES, CA 90034

5. 130 CHUONG SON ST, HOA KHANH

1. Telephone (home): / / (Business): / /

6. XA SACH, VIETNAM

1. Category: RES PRA USC

7. ACCOMPANYING RELATIVES

NAME	Sex	DOB	POB	COB	FALES	Documentation				OTHER	
						BC	ACT	MC	ACT		
NGUYEN THI TUYET	F	10 12 45	PA	VN							1.
F. HUU PHUC	M	09 12 37	HU	VN							2.
F. THI DUNG	F	05 17 42	DA	VN							3.
F. HUU LOI	M	01 20 73	SC	VN							4.
F. HUU THIE	M	05 21 76	SD	VN							5.
											6.
											7.
											8.
											9.
											10.
											11.
											12.
											13.
											14.

FOR OFFICIAL USE ONLY

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATES

1. 130 CHUONG SON ST, HOA KHANH

1. 130 CHUONG SON ST, HOA KHANH

OTHER

2. SEX: F

1.

3. DOB: (mm/dd/yy) 10/12/45

1.

4. F. DOB: (mm/dd/yy) 10/12/45

1.

5. Address in Vietnam:

1.

6. 130 CHUONG SON ST, HOA KHANH

1.

VIỆT-NAM CONG-HOA

Saigon, ngày 24 tháng 5 năm 1973.

BỘ Y-TẾ

Số 3476 BYT/NVNN2/QĐ

-oOo-

TỔNG TRƯỞNG Y-TẾ,

Chiếu Sắc-Lệnh số 394-TT/SL ngày 1/9/1969 và các văn-kiện kế tiếp ấn định thành phần Chánh-Phủ;

Chiếu Sắc-Lệnh số 35-YT ngày 19/9/1949 ấn định chức chương Bộ Trưởng Y-Tế;

Chiếu Nghị-Định số 331-PP/ND ngày 23/4/1973 của Bộ Quốc-Phòng biệt phái sang Bộ Y-Tế 30 Quân-Y-Sĩ;

Chiếu Lệnh Truyền-Chuyển số 2494-TTM/TQT/BN/NK/C/K ngày 5/4/1973 của Bộ Tổng Tham-Mưu truyền chuyển 30 Quân-Y-Sĩ sang Bộ Y-Tế;

Chiếu công-văn số 632-BYT/QTTB/YS/BP/C/733 ngày 16/5/1973 của Nha Tổng Giám-Đốc Y-Tế;

Chiếu nhu-cầu công-vụ,

QUYẾT-ĐỊNH :

Điều 1.- Nay cử các Quân-Y-Sĩ có tên dưới đây, biệt phái ngoại ngạch Bộ Y-Tế do Nghị-Định dẫn chiếu, đến giúp việc tại các nhiệm-sở kê sau :

Số TT	Họ và Tên Cấp bậc	Số quân	NHIỆM-SỞ		Chức-vụ
			CŨ	MỚI	
1	Trung-Tá TRINH-CAO-HAI	49/333.145	TYV. Cộng-Hòa	Bảo-Sanh-Viện Tứ-Dũ	Y-Sĩ điều trị
	Trung-Tá HUYNH-VAN-THÉ	53/129.931	-nt-	Sở Y-Vụ Bộ Y-Tế	
3	Thiếu-Tá NGUYỄN-VIỆT-TUNG	53/124.844	QYV Nguyễn-Văn Nhút	BV. Phước-Lễ (Phước-Tuy)	-nt-
4	Thiếu-Tá NGUYỄN-ĐÌNH-PHÁC	54/300.211	Trưởng Bộ-Binh Thủ-Dức	Viện Quốc-Gia Y Tế Công-Cộng	
5	Thiếu-Tá PHAN-VAN-VỸ	56/106.850	QYV Long-Xuyên	TTYTTK Long- Xuyên	-nt-
6	Đại-Úy NGUYỄN-BOI-HOÀN	58/107.154	-nt-	-nt-	-nt-
7	Thiếu-Tá NGUYỄN-VAN-NGHI	59/154.556	QYV Phan-Thành Giện	TTYTTK Cần-Thơ	-nt-
8	Thiếu-Tá TÔN-THẤT-KỲ	53/124.846	BV/TK Bạc-Liêu	Bệnh-Viện Vĩnh Lợi (Bạc-Liêu)	-nt-
9	Đại-Úy NGUYỄN-VAN-HƯƠNG	56/182.304	-nt-	-nt-	-nt-
10	Đại-Úy NGÔ-THẾ-QUÍ	58/102.333	BV/TK Vĩnh- Bình	BV/PH Phúc-Vĩnh (Vĩnh-Bình)	-nt-
11	Đại-Úy HUYNH-GIA-CHINH	55/104.593	BV/TK Ninh- Thuận	BV/PH Phan-Rang (Ninh-Thuận)	-nt-
12	Đại-Úy VÕ-VAN-KỶ	57/182.343	BV/TK Vĩnh- Long	Bệnh-Viện Vĩnh Long	-nt-
13	Đại-Úy TRẦN-VAN-GIA	53/125.260	Liên-Đoàn 74 Quân-Y	Ty Y-Tế Thương Dịch	Phụ-Tá Trưởng Ty
14	Đại-Úy NGUYỄN-HUÂN- TRƯỞNG	55/104.312	Viện Bài-Lạc Ngô-Quyên	Bệnh-Viện Chợ- Quán	Y-Sĩ điều trị

TỜ 2 Quyết-Định số _____/BYT/NVNN2/QĐ
ngày tháng năm 1973.

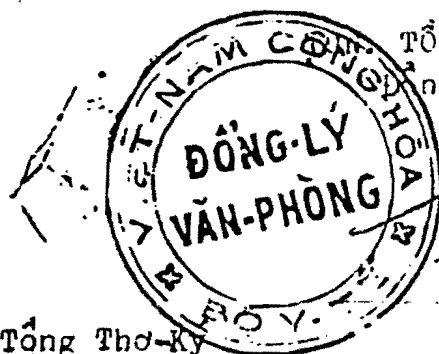
15	Đại-Ủy NGUYỄN-VAN-TRUYỀN	58/104.037	BV/TK Long-An	Bệnh-Viện Tân Y-Sĩ điều trị An (Long-An)	
16	Đại-Ủy PHẠM-THẾ-TRƯỜNG	59/153.754	BV/TK An-Xuyên	BV/PH Quận-Long (An-Xuyên)	-nt-
17	Đại-Ủy NGUYỄN-VAN-LÂM	69/129.321	QV Đoàn-Mạnh Hoạch	BV. Phan-Thiết (Bình-Thuận)	-nt-
16	Đại-Ủy BÙI-HOÀNH	49/140.018	-nt-	-nt-	-nt-
19	Đại-Ủy NGUYỄN-NGỌC-TRẦN	59/161.295	TT.2 Tuyển Mộ Nhập Ngũ	TTYTTK Nha-Trang	-nt-
20	Đại-Ủy NGUYỄN-VAN-ÁNH	58/111.928	Bệnh-Viện 3 Dã-Chiến	TTYTTK Mỹ-Tho	-nt-
21	Đại-Ủy LÊ-VAN-HỒNG	57/182.304	-nt-	-nt-	-nt-
22	Đại-Ủy LÊ-HỮU-PHÚC	59/161.150	BV/TK Sadec	Bệnh-Viện Sadec	-nt-
23	Đại-Ủy TRẦN-DƯƠNG-ĐÔN	58/103.039	BV/TK Vĩnh-Bình	BV/PH Phú-Vinh (Vĩnh-Bình),	-nt-
24	Đại-Ủy NGUYỄN-KHIÊM-ĐÔN	52/700.752	TTHL/Hải-Quân Cam-Ranh	BV Hàm-Tân (Bình-Tuy)	-nt-

Điều 2. - Kể từ ngày đoạn chi tại nhiệm-sở cũ, lương bổng của các đương-sự do ngân-sách Quốc-Gia Bộ Y-Tế (cơ-quan xử dụng) đài thọ.

Điều 3. - Đồng-Lý Văn-Phòng Bộ Y-Tế có nhiệm-vụ thi hành Quyết-Định này./.

Nơi nhận :

- Bộ Quốc-Phòng
- Bộ Tổng Tham-Mưu/Phòng TQT
- Cục Quân-Y
- Trung-Tâm Quản-Trị Trung-Uương
- Nha Tổng Giám-Đốc Công-Vụ
- Nha TGD Ngân-Sách và Ngoại-Viện
- Nha Tổng Giám-Đốc Y-Tế
- Thanh-Trà-Đoàn
- Văn-Phòng Đồng-Lý



TỔNG-TRƯỞNG Y-TẾ CK.

Đồng-Lý Văn-Phòng

Đã. Trần-Văn-Chiến

- Toà Hành-Chánh Phước-Tuy, An-Giang, Phong-Dinh, Bạc-Liêu, Vĩnh-Bình, Ninh-Thuận, Vĩnh-Long, Long-An, An-Xuyên, Bình-Thuận, Khánh-Hòa, Bình-Tướng, Đadec, Bình-Tuy.
- BSV Từ-Dũ, Sở Y-Vụ Bộ Y-Tế, BV Phước-Lê (Phước-Tuy), Viện QHTT Công-Sông, BV.Vĩnh-Lợi (Bạc-Liêu), BV. Phú-Vinh (Vĩnh-Bình), BV. Phước-An (N-Thuận), BV. Vĩnh-Long, Ty Y-Tế Phong-Dinh, BV Chợ-Quận, BV. Tân-Lê (Long-An), BV. Quận-Long (An-Xuyên), BV. Phan-Thiết (B-Thuận), BV. Sadec, BV. Hàm-Tân (Bình-Tuy), TTYTTK : Long-Xuyên, Cần-Thơ, Nha-Trang, Mỹ-Tho "Đề phúc nghị tạo nhận nhiệm-sở"
- Sở Quản-Trị Bệnh-Viện
- Sở Nhân-Viên Chánh Ngạch
- Phòng Thống-Kê
- Hồ-sơ -Lưu
- Sở Ngân-Sách và Kế-Toán
- Sở Thập-Chức
- Phòng Kiểm-Tra Nhân-Lực

PNT/ttt-Ro-

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THÔNG-HÀNH CÔNG-VU

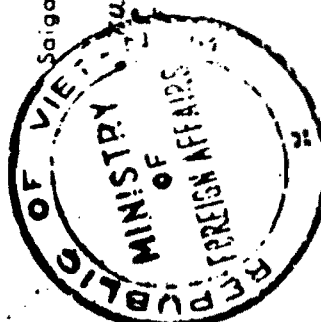
TỔNG-TRƯỞNG NGOẠI-GIAO

Yêu cầu các Văn và Vô quân có phần sẽ duy trì trật tự trên lãnh thổ
requiert les Officiers civils et militaires d'assurer l'ordre et la tranquillité
requires all civil and military authorities in charge of maintaining order
Việt-Nam và nhà chức trách được ủy thác nhiệm vụ tương tự trong
au Viet-Nam et aux autorités qui ont la responsabilité de mener à bien
in Viet-Nam and requests the authorities invested of the same duty
các nước Đồng-Minh và Thân-Hữu đã Ông
les pays Alliés ou Amis de l'Asie du Sud-Est
Allied or Friend countries to let pass freely Mr.

LÊ HỮU PHÚC
Government - Official

được tự do thông-hành và khi cần đến, giúp đỡ và bảo vệ đường-sự
et de lui donner aide et protection et, au cas de besoin
and to afford assistance and protection to me as a person
case of need.

ngày 31 1974
Saigon



CHIẾU-KHẨN
VISAS

03 JUN 1974 KHAN
OFFICIAL
TAN SON NHUT
Ministry of Foreign Affairs
BỘ NGOẠI-GIAO VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

GRATIS Chiếu khản số 16.82/74.
Visa No.

Đã ra khỏi Việt-Nam và trở lại
Good for leaving Viet-Nam and return
trong thời hạn 17 ngày.
Within a period of seventeen days.

Chiếu khản này có hiệu lực đến ngày 17 JUN 1974
This visa is valid for 17 days
từ ngày 17 JUN 1974
From the date of issue
SAIGON, on MAY 31 1974

MINISTER OF FOREIGN AFFAIRS
Director of Consular Affairs

ĐỒ-LAI-KỲ

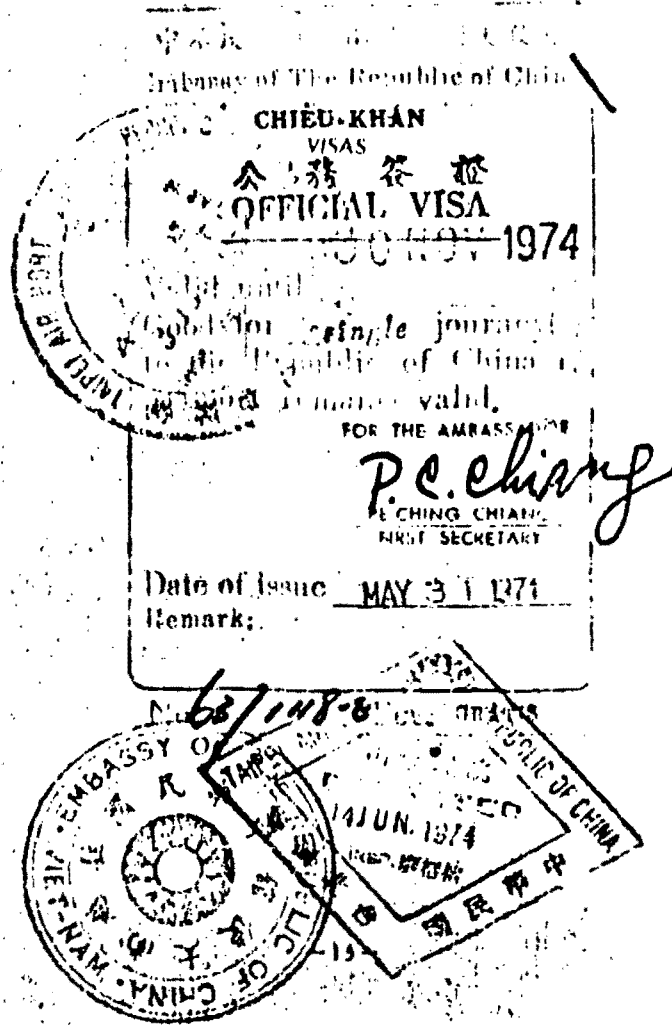
có giá trị đến
valid until

13 JUL 1974

có đưa trẻ cùng đi
accompanying enfants
accompanied by children

Tên và họ Noms et prénoms Names	Tuổi Âge Age

Công-định-hành này có giá trị tại các nước sau đây:
This passport is valid for the following countries:



VIỆT-NAM CÔNG-HÒA
REPUBLIQUE DU VIÊT-NAM
REPUBLIC OF VIET-NAM
THÔNG-HÀNH CÔNG-VU
PASSEPORT DE SERVICE
OFFICIAL PASSPORT

Số 18.067
No

Tên và họ
Nom et prénoms
Name
Mr. LÊ HỮU PHÚC
Ngày sinh
Date de naissance
Date of birth
September 12, 1939
Nơi sinh
Lieu de naissance
Place of birth
SA-ĐÉC

Thông hành công vụ này gồm có 48 trang.
Ce passeport de service contient 48 pages.
This official passport contains 48 pages.

Ảnh của đương sự và của các con cũng đi theo.
Photographie de titulaire et de ses enfants photographiés
des enfants en face passport
Photograph of bearer (and of children if any)



Chữ ký của đương sự.
Signature du titulaire
Signature of bearer

Signature of bearer

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ Y-TẾ
--oOo--

Saigon, ngày 3 tháng 9 năm 1974

Số 4620 -BYT/HV/NN2/QĐ.

TỔNG-TRƯỞNG Y-TẾ,

- Chiếu Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 1-4-1967, tu chỉnh do Luật số 001/74 ngày 22-1-1974;
- Chiếu Sắc-Lệnh số 394-TT/SL ngày 1-9-1959 và các văn-kiện kế tiếp, nhất là Sắc-Lệnh số 130-TT/SL ngày 13-2-1974, ấn định thành phần Chính-Phủ;
- Chiếu Sắc-Lệnh số 35-YT ngày 19-9-1949, ấn định chức chương Bộ-Trưởng Y-Tế; và S.L số 175-SL/YT ngày 23-7-74 v/v tổ chức Bộ Y-Tế
- Chiếu Sắc-Lệnh số 175-NV ngày 23-5-1955 và các văn-kiện kế tiếp, ấn định phụ-cấp chức-vụ, cung cấp bằng hiện vật và hiện kim cho các công-chức và nhân-viên công sở;
- Chiếu Nghị-Định số 354-YT/HC/ND ngày 3-5-1956 và các văn-kiện kế tiếp, xếp hạng các Bệnh-Viện;
- Chiếu Quyết-Định số 3221-BYT/HV/NN2/QĐ ngày 6-7-1970, cử Bác-Sĩ NGUYỄN-VĂN-TRÍ giữ chức-vụ Trưởng-Ty Y-Tế kiêm Quản-Đốc Bệnh-Viện Sadec;
- Chiếu tờ trình số 474-BYT/QTTB/Cl ngày 20-8-1974 của Tổng Nha Y-Tế và phiếu gửi số 1048-BYT/QTTB/Cl/1/1257 ngày 22-8-1974 của Sở Quản-Trị Bệnh-Viện;
- Chiếu nhu-cầu công-vụ,

QUYẾT - ĐỊNH :

ĐIỀU I - Nay cử :

- BS. NGUYỄN-VIỆT-TÙNG, Y-Sĩ Thiểu-Tá biệt phái ngoại ngạch, Y-Sĩ Điều-Trị, tổng sự tại Bệnh-Viện Phổi-Hợp DQY Sadec, giữ chức-vụ Trưởng-Ty Y-Tế Sadec thay thế BS. NGUYỄN-VĂN-TRÍ vừa cáo cử Nghị-Viên Hội-Đồng Tỉnh.

- BS. LÊ-HUU-PHÚC, Y-Sĩ Điều-Trị Khố-uớc, tổng sự tại Bệnh-Viện Sadec, giữ chức-vụ Giám-Đốc Bệnh-Viện này thay thế Bác-Sĩ NGUYỄN-VĂN-TRÍ.

ĐIỀU II - Kể từ ngày thực sự đảm nhiệm chức-vụ kể trên, các đương-sự được hưởng khoản phụ-cấp chức-vụ ấn định theo thể lệ hiện hành, do Ngân-Sách Quốc-Gia (cơ-quan xử dụng) đài thọ.

ĐIỀU III - Phụ-Tá Tổng-Trưởng, Tổng Thư-Ký và Tổng Giám-Đốc Bộ Y-Tế Chiếu nhiệm-vụ thi hành Quyết-Định này.

NOI NHẬN : Phủ Tổng-Ủy Công-Vụ

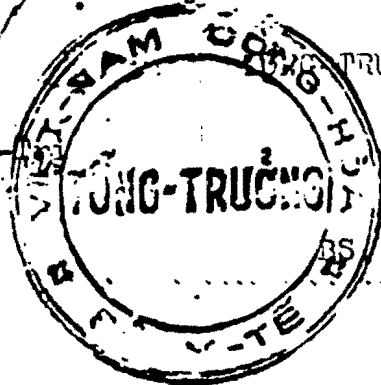
- Nha TGD Ngân-Sách/Ngoại-Viện
- Nha TGD Y-Tế - Nha Tổng Thư-Ký
- Thanh-Tra Đoàn YT - Nha YT Điều-Trị
- Nha Y-Tế C/c - Nha Tiếp-Vận
- Tòa Hành-Chánh Sadec
- Ty Y-Tế Sadec - Bệnh-Viện Sadec

"Để tổng đạt"

- Sở Quản-Trị Bệnh-Viện
- Sở Ngân-Sách và Kế-Toán
- Sở Pháp-Chức - Phòng Thống-Kê
- Sở Nhân-Viên Chính Ngạch
- Phòng Kiểm-Tra Nhân-Lực

.. HỒ-SƠ - Lưu

22/10/74.





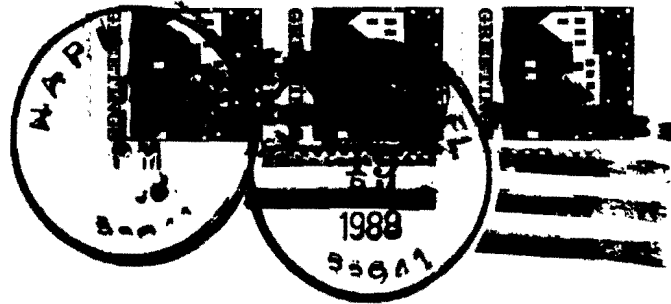
William B. Hardcastle
Pulver School of Medicine
514 Pine Tree Drive, N.E.
Atlanta 5, Georgia



11.2.1971 H. Lien 03 Sân d. Khoa	Pre-op <u>present Cyst</u> Post-op - Accurium 28.6.71 AG au Plus	IV-054355 BS Hardcastle BS Phuc 6 ly Co Van Co Xuyen Co Huong	Exploring Laparotomy <u>Quidat Appendectomy</u>
27.9.70 Nguyen V. U Tân Thới Hưng	9-9-70 H. Lien H. Lien H. Lien	IV-054355 BS. Hard Castle BS. Phuc Co Huong Co Van Co Xuyen Co Thuan	Exploring Laparotomy Cholecystolithotomy Duodenotomy Cholecystectomy
28.1.70 H. Lien	10.7.70 H. Lien	H. Lien	H. Lien
29.1.70 H. Lien	IV-054355 H. Lien H. Lien H. Lien	H. Lien H. Lien H. Lien	H. Lien H. Lien H. Lien

Nguyễn Thị Tường

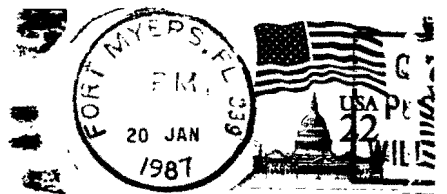
Ms Khue Minh Tho
7813 Marthas lane
Falls Church, VA. 22043



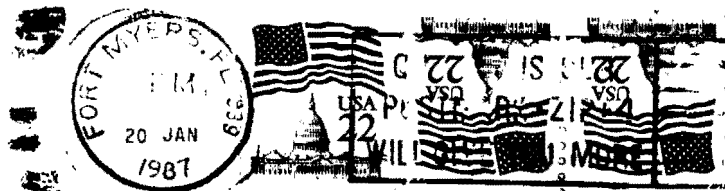
2025

Khuc Minh Tho
President of Families of Vietnamese Political Prison
Po Box 5435

Arlington. VA. 22205.



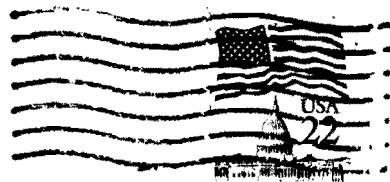
From: T. NGUYEN



Khuc Minh Tho
President of Families of Vietnamese Political Prisoners Association
Po Box 5435

Arlington. VA. 22205 - 0635

Nguyễn Thị Tường



1/15
Hacienda
Lé văn phước

To: Ms K. N. THO
7813 MARTHAS LANE
FALL CHURCH, VA. 22043

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
P.O. Box 5435, Arlington, VA. 22205

Tuomo Kalee ngày 21-8-96

Ky Chi Tho
Hội Tưởng Việt GO EN CT VN

Kính chi,

Em tôi mới vừa ghé qua một ít giấy tờ chứng minh có
lưu việc và liên hệ chắc chắn với nhân viên và cơ quan địa
Kính xin chi vui lòng giúp cho và can thiệp với chúng tôi
ĐOP để cuối xét cho em tôi được hưởng quy chế của
những người có phục vụ và liên hệ với cơ quan địa
phục vụ em tôi mới có hy vọng có ngày thoát khỏi chế
độ CS.

Vi quả thật, sống thời chế độ CS rùng rã trên miền
nam đã đem em tôi và gia đình đến bờ tuyệt vọng.

Tôi không biết tổng cộng bao nhiêu người chi, nên bao dân
có nhà sẽ dễ để kính xin chi rằng hưởng giúp
giúp. Nếu cần có phải chi phí gì, kính xin chi
đứng ngoài, bao tôi bao nhiêu cũng không bằng thoát khỏi
hợp tác CS.

Toàn thể gia đình tôi sẽ mang ơn chi rất nhiều.

Tray kính,

Tặng

Nguyễn Thị Tường

Date 7 - 25 - 1986

From : IV : 054355
NGUYEN THI TUYET

To :

REF : Item 10 and Item 11 (ODP - D 2/84)

Subject : Subjoined Evidences

Sir,

In response to Item 10 and Item 11 ODP - D 2/84, we
herein attached :

- A photograph
 - Four photocopies (see enclosed explanation sheet)
- as concrete evidences of my spouse's close associate with
the Americans prior to April 30, 1975

We sincerely request your favorable consideration of
my case resulted from the above substantial documents.

Thank you,

Faithfully yours,

ENCL : (6)

- A photograph (1)
- 4 photocopies (4)
- An explanation sheet (1)

Tuyet
NGUYEN THI TUYET

Date 7 - 25 1986.

From : IV 054355
NGUYEN THI TUYET

To :

Subject : Remarks on attached documents.

EXPLANATIONS To DOCUMENTS

Followed are explanations with details about the enclosed documents.

1.- The Photograph

Taken on February 11, 1971 when Dr William R. Hardeastle and my husband (Doctor PHUC) were performing a surgical case in the SADEC Hospital, South Vietnam. (See the first photocopy marked NO 1, attached to this picture).

2.- The second photocopy (Marked N2 2)

It showed Dr Hardeastle's hand-written diagnosis in the surgical operative Protocol Record-Book of the Sades Hospital, dated April 22, 1971, in which my husband, Dr Phuc, was also present.

3.- The third Photocopy (Marked N2 3)

It was dated September 9, 1970 also showed the presence of my husband and Dr Hardeastle with his own hand-writing in the Record Book (Photocopy Marked 3).

4.- The fourth Photocopy (Marked N2 4)

The "EXAMEN ANATOMY PATHOLOGY" document also has Dr. Hardeastle's hand-writing.

IV : 054355

PATIENT

DIAGNOSIS

DATE

ANESTHESIA

SURGEONS

Photocopy
NURSES

No 1

OPERATION

Ng. X. X. X.
Ng. X. X. X.

Nyst. de l'oreille
L. R.

11.2.71

Spinal
de l'oreille
cervic.

H. W. needle
H. Phue.

3 D. X.
Ty.

Hyper-tension
(Nyst. d'apex hémorragique)
à la grossesse ? T. X. X. X. X.

50 Ng. X. X. X.

Nyst. de l'oreille

11.2.71

H. W. needle

H. Phue.

3 D. X.

R. X. X. X. X.

IV: 054355

Photocopy No 2
OPERATION

PATIENT

DIAGNOSIS

DATE

ANESTHESIA

SURGEONS

NURSES

112. Gayen Thi Lien
OS
Tan Anh Hoa

Pre-op
mesenteric Cyst
Post-op - Ascariasis

28.6.71 AG in Hmo.

NS Handcastle
NS Thure

6 by
Co Van
Co Anjen
to Huang

Epilontas Supra
Incidental Appendectomy

IV : 054355

Photocopy No 3

PATIENT	DIAGNOSIS	DATE	ANESTHESIA	SURGEONS	NURSES	OPERATION
47 Nguyễn v. U Cần Thơ	Đ. T. A S. C. A	9-9-70	Alfred Uthman et an Thiopental	B. S. Hand Cough B. S. Phuc	C. Thuy C. An C. Thi C. Thon C. Thain	Exploratory laparotomy Cholecystolithotomy Duodenostomy Cholecystectomy
48 Nguyễn v. A	Đ. T. A S. C. A	10-9-70	-	-	J. D. A	Phenacetic acid

INSTITUT PASTEUR DE SAIGON

LABORATOIRE D'HISTOLOGIE

EXAMEN

IV: 054355

photocopy No 4

D'ANATOMIE PATHOLOGIQUE

ANATOMO - PATHOLOGIQUE

INSTITUT PASTEUR

N°

LABORATOIRE ANATOMO fait à la demande du Dr

26-10-70

Sadec

2059

Nom du malade

Age Sexe Nationalité

Résumé de l'observation clinique :

Jaundice
Common Bile duct stone

Operation: Spl. sup
Cholecystectomy
Fistulotomy & sphincterotomy
Cholecystectomy

Diagnostic clinique: Common Bile duct stone

Organe envoyé: Gall Bladder

Biopsie ? - Intervention chirurgicale ? - Autopsie ?

Renseignements sur l'organe ou la tumeur à examiner :

Dimensions:

Schéma :

Consistance:

Poids:

Couleur:

Fixateur: Liquide de Bouin

Date de la fixation:

S- 2059- NGUYEN VAN UT, 70 ans, sexe M. Nationalité V.N.
demandé par le Dr? Sadec Hop.

(Carcinome bile intrahepatique)

Stroma avec signes inflammatoires de type subaiguë
Absence de signes de malignité sur les fragments examinés

Saigon, le 30 Octobre 1970

Dr. Nguyen-Van-Ai

Diagnostic histologique :

Saigon, le

LE CHEF DE LABORATOIRE,

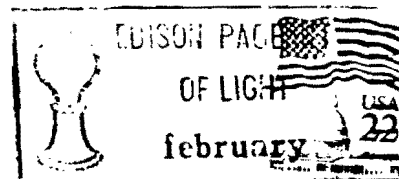
IV: 054855



X Dr WILLIAM R. HARDCASTLE

V Dr LE HUU PHUC

From: Tuong Thi Nguyen
1018 Monroe Street
Immokalee, FL 33934



Computer
dot II
1/31/86

To: Khuc Minh Tho

7813 Marthas Lane

Falls Church, VA 22043

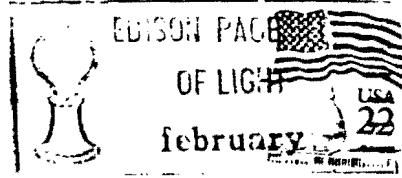
TUONG THI NGUYEN 04-85 1018 MONROE STREET IMMOKALEE, FL 33934		<u>Jan 24th 1986</u> 184
		63-8718/2670
Pay to the order of	Khuc Minh Tho	\$ 100.00
One hundred and 00/100		Dollars
 Florida Federal 072 1300 NORTH 15th STREET IMMOKALEE, FL 33934		
Tiền Trả và ký họ tên		Nguyen Thi Quong

- Tiền Trả — \$ 8.00

- Tiền Computer — \$ 92.00

\$ 100.00

From: Tuong Nguyen
1018 Monroe St.
Immokalee, FL 33934



Computer
dot II.

1/21/86

h/s Bác Sĩ
Lê Hiền Phức

To: Khuc Minh Tho

7813 Marthas Lane

Falls Church, VA 22043

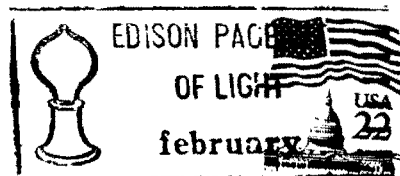
TUONG THI NGUYEN 04-85 1018 MONROE STREET IMMOKALEE, FL 33934		<u>Jan 24th 1986</u> 184
		63-8718/2670
Pay to the order of <u>Khuc Minh Tho</u>		\$ <u>100.00</u>
<u>one hundred and 00/100</u>		Dollars
Florida Federal 072 1300 NORTH 15th STREET IMMOKALEE, FL 33934		
<u>Tuong Thi & Nguyen Huong</u>		<u>Nguyen Huong</u>

Trans — \$ 8.00

Computer — \$ 92.00

\$ 100.00

From: Tuong Nguyen



To: Khuc Minh Tho

7813 Marthas Lane

Falls Church . VA 22043

Saigon, ngày 3 tháng 9 năm 1974

Số 4620 -BYT/NV/NN2/QĐ.

TỔNG-TRƯỞNG Y-TẾ,

- Chiếu Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 1-4-1967, tu chỉnh do Luật số 001/74 ngày 22-1-1974;
- Chiếu Sắc-Lệnh số 394-TT/SL ngày 1-9-1969 và các văn-kiện kế tiếp, nhất là Sắc-Lệnh số 130-TT/SL ngày 18-2-1974, ấn định thành phần Chính-Phủ;
- Chiếu Sắc-Lệnh số 35-YT ngày 19-9-1949, ấn định chức chương Bộ-Trưởng Y-Tế; và S.L số 175-SL/YT ngày 23-7-74 v/v tổ chức Bộ Y-Tế
- Chiếu Sắc-Lệnh số 175-NV ngày 23-5-1955 và các văn-kiện kế tiếp, ấn định phụ-cấp chức-vụ, cung cấp bằng hiện vật và hiện kim cho các công-chức và nhân-viên công sở;
- Chiếu Nghị-Định số 354-YT/HC/NĐ ngày 3-5-1956 và các văn-kiện kế tiếp, xếp hạng các Bệnh-Viện;
- Chiếu Quyết-Định số 3221-BYT/NV/NN2/QĐ ngày 6-7-1970, cử Bác-Sĩ NGUYỄN-VĂN-TRÍ giữ chức-vụ Trưởng-Ty Y-Tế kiêm Quản-Đốc Bệnh-Viện Sadeo;
- Chiếu tờ trình số 474-BYT/QTTB/Cl ngày 20-8-1974 của Tổng Nha Y-Tế và phiếu gửi số 1048-BYT/QTTB/Cl/1/1257 ngày 22-8-1974 của Sở Quản-Trị Bệnh-Viện;
- Chiếu nhu-cầu công-vụ,

QUYẾT - ĐỊNH :

ĐIỀU I - Nay cử :

- BS. NGUYỄN-VIỆT-TÙNG, Y-Sĩ Thiểu-Tá biệt phái ngoại ngạch, Y-Sĩ Điều-Trị, tổng sự tại Bệnh-Viện Phổi-Hợp DQY Sadeo, giữ chức-vụ Trưởng-Ty Y-Tế Sadeo thay thế BS. NGUYỄN-VĂN-TRÍ và các cử Nghị-Viên Hội-Đồng Tỉnh.

- BS. LÊ-HỮU-PHÚC, Y-Sĩ Điều-Trị khố-uớc, tổng sự tại Bệnh-Viện Sadeo, giữ chức-vụ Giám-Đốc Bệnh-Viện này thay thế Bác-Sĩ NGUYỄN-VĂN-TRÍ.

ĐIỀU II - Kể từ ngày thực sự đảm nhiệm chức-vụ kể trên, các đương-sự được hưởng khoản phụ-cấp chức-vụ ấn định theo thể lệ hiện hành, do Ngân-Sách Quốc-Gia (cơ-quan xử dụng) đài thọ.

ĐIỀU III - Phụ-Tá Tổng-Trưởng, Tổng Thư-Ký và Tổng Giám-Đốc Bộ Y-Tế Chiếu nhiệm-vụ thi hành Quyết-Định này.

NOI NHẬN : Phủ Tổng-Ủy Công-Vụ

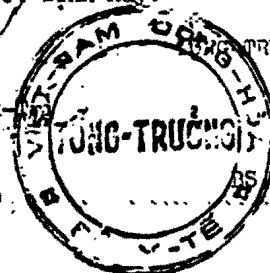
- Nha TGD Ngân-Sách/Ngoại-Viện
- Nha TGD Y-Tế - Nha Tổng Thư-Ký
- Thanh-Tra Đoàn YT - Nha YT Điều-Trị
- Nha Y-Tế C/c - Nha Tiếp-Vận
- Tòa Hành-Chánh Sadeo
- Ty Y-Tế Sadeo - Bệnh-Viện Sadeo

"Để tổng đạt"

- Sở Quản-Trị Bệnh-Viện
- Sở Ngân-Sách và Kế-Toán
- Sở Pháp-Chức - Phòng Thống-Kê
- Sở Nhân-Viên Chính Ngạch
- Phòng Kiểm-Tra Nhân-Lực

Hồ-Bộ - Lưu

Đang/Đo.



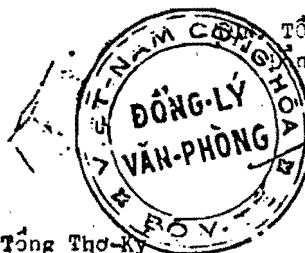
15	Đại-Ủy NGUYỄN-VAN-TRUYỀN	58/104.037	BV/TK Long-An	Bệnh-Viện Tân Y-Sĩ điều trị An (Long-An)	
16	Đại-Ủy PHẠM-THẾ-TRƯỜNG	59/153.754	BV/TK An-Xuyên	BV/PH Quan-Long (An-Xuyên)	-nt-
17	Đại-Ủy NGUYỄN-VAN-LÂM	69/129.321	QV Đoàn-Mạnh Hoạch	BV. Phan-Thiết (Bình-Thuận)	-nt-
18	Đại-Ủy BÙI-HOÀNH	49/140.018	-nt-	-nt-	-nt-
19	Đại-Ủy NGUYỄN-NGỌC-TRẦN	59/161.295	TT.2 Tuyển Mộ Nhập Ngũ	TTYTTK Nha-Trang	-nt-
20	Đại-Ủy NGUYỄN-VAN-ẢNH	58/111.928	Bệnh-Viện 3 Dân-Chiến	TTYTTK Mỹ-Tho	-nt-
21	Đại-Ủy LÊ-VAN-HỒNG	57/182.304	-nt-	-nt-	-nt-
22	Đại-Ủy LÊ-HỮU-PHÚC	59/161.150	BV/TK Sadec	Bệnh-Viện Sadec	-nt-
23	Đại-Ủy TRẦN-DƯƠNG-ĐÔN	58/103.039	BV/TK Vĩnh-Bình	BV/PH Phú-Vinh (Vĩnh-Bình)	-nt-
24	Đại-Ủy NGUYỄN-KHIÊM-ĐÔN	52/700.752	TTHL/Hải-Quân Cam-Ranh	BV Hàm-Tân (Bình-Tuy)	-nt-

Điều 2. - Kể từ ngày đoạn chi tại nhiệm-sở cũ, lương bổng của các đương-sự do ngân-sách Quốc-Gia Bộ Y-Tế (cơ-quan xử dụng) đài thọ.

Điều 3. - Đồng-Lý Văn-Phong Bộ Y-Tế có nhiệm-vụ thi hành Quyết-Định này./.

Nơi nhận :

- Bộ Quốc-Phòng
- Bộ Tổng Tham-Mưu/Phòng TQT
- Cục Quân-Y
- Trung-Tâm Quản-Trị Trung-Uơng
- Nha Tổng Giám-Đốc Công-Vụ
- Nha TGD Ngân-Sách và Ngoại-Viện
- Nha Tổng Giám-Đốc Y-Tế
- Thanh-Tra-Đoàn
- Văn-Thông Đồng-Lý
- Tòa Hành-Chánh Phước-Tuy, An-Giang, Phong-Dinh, Bạc-Liêu, Vĩnh-Bình, Bình-Thuận, Vĩnh-Long, Long-An, An-Xuyên, Bình-Thuận, Khánh-Hòa, Bình-Tướng, Sadec, Bình-Tuy.
- BSV Từ-Dũ, Sở Y-Vụ Bộ Y-Tế, BV Phước-Lễ (Phước-Tuy), Viện QGKT Công-Độc, BV.Vĩnh-Lợi (Bạc-Liêu), BV. Phú-Vinh (Vĩnh-Bình), BV Phước-Hoàng (K-Thuận), BV. Vĩnh-Long, Ty Y-Tế Phong-Dinh, BV Chợ-Quận, BV. Tân-An (Long-An), BV. Quan-Long (An-Xuyên), BV. Phan-Thiết (C-Thuận), BV. Sadec, BV. Hàm-Tân (Bình-Tuy), TTYTTK : Long-Xuyên, Cần-Thơ, Nha-Trang, Mỹ-Tào "Đề phúc nghị cấp nhận nhiệm-sở"
- Sở Quản-Trị Bệnh-Viện
- Sở Nhân-Viên Chánh Ngạch
- Phòng Thống-Kê
- Hồ-sơ
- Sở Ngân-Sách và Kế-Toán
- Sở Thap-Chế
- Phòng Kiểm-Tra Nhân-Lực



TỔNG-TRƯỞNG Y-TẾ CH.
Đồng-Lý Văn-Phong

Đs. Trần-Văn-Khiêm

PNT/ttt-Rc-

TỔNG TƯỚNG Y-TẾ,

Chiếu Sắc-Lệnh số 394-TT/SL ngày 1/9/1969 và các văn-kiện kế tiếp ấn định thành phần Chánh-Phụ;

Chiếu Sắc-Lệnh số 35-YT ngày 19/9/1949 ấn định chức trưởng Bộ Trưởng Y-Tế;

Chiếu Nghị-Dịnh số 331-QP/ND ngày 23/4/1973 của Bộ Quốc-Phòng biệt phái sang Bộ Y-Tế 30 Quân-Y-Sĩ;

Chiếu Lệnh Thuyên-Chuyển số 2494-TTH/TQT/BN/MK/3/K ngày 5/4/1973 của Bộ Tổng Tham-Mưu thuyên chuyển 30 Quân-Y-Sĩ sang Bộ Y-Tế;

Chiếu công-văn số 632-BYT/QTTB/YS/BP/C/733 ngày 16/5/1973 của Nha Tổng Giám-Đốc Y-Tế;

Chiếu nhu-cầu công-vụ,

QUYẾT-DỊNH :

Điều 1.- Nay cử các Quân-Y-Sĩ có tên dưới đây, biệt phái ngạch Bộ Y-Tế do Nghị-Dịnh dẫn chiếu, đến giúp việc tại các nhiệm-sở kế sau :

Số TT	Họ và Tên Cấp bậc	Số quân	NHIỆM-SỞ		Chức-vụ
			CŨ	MỚI	
1	Trung-Tá TRINH-CAO-HẢI	49/333.145	TYT. Cộng-Hoà	Bảo-San-H-Viện TỬ-DŨ	Y-Sĩ điều trị
2	Thiếu-Tá HUỠNG-VĂN-THẾ	53/129.931	-nt-	Sở Y-Vụ Bộ Y-Tế	-nt-
3	Thiếu-Tá NGUYỄN-VIỆT-TUNG	53/124.844	QV Nguyễn-Văn Nhút	BV. Phước-Lễ (Phước-Tuy)	-nt-
4	Thiếu-Tá NGUYỄN-ĐÌNH-PHÁC	54/300.211	Trưởng Bộ-Binh Thủ-Đức	Viện Quốc-Gia Y Tế Công-Cộng	-nt-
5	Thiếu-Tá PHAN-VĂN-VỸ	56/106.850	QV Long-Xuyên	TTTTK Long-Xuyên	-nt-
6	Đại-Úy NGUYỄN-ĐOÀI-HOÀN	58/107.154	-nt-	-nt-	-nt-
7	Thiếu-Tá NGUYỄN-VĂN-NGHI	59/154.556	QV Phan-Thanh Giáo	TTTTK Cần-Thơ	-nt-
8	Thiếu-Tá TÔN-THẤT-KỲ	53/124.846	BV/TK Bạc-Liêu	Bệnh-Viện Vĩnh Lợi (Bạc-Liêu)	-nt-
9	Đại-Úy NGUYỄN-VĂN-HƯỞNG	56/132.304	-nt-	-nt-	-nt-
10	Đại-Úy NGO-THẾ-QUI	56/102.333	BV/TK Vĩnh-Bình	BV/PH Phú-Vinh (Vĩnh-Bình)	-nt-
11	Đại-Úy HUỠNH-GIA-CHINH	55/104.593	BV/TK Ninh-Thượn	BV/PH Phan-Rang (Ninh-Thượn)	-nt-
12	Đại-Úy VŨ-VĂN-KỶ	57/182.343	BV/TK Vĩnh-Long	Bệnh-Viện Vĩnh-Long	-nt-
13	Đại-Úy TRẦN-VĂN-GIA	53/125.260	Liên-Đoàn 74 Quân-Y	Ty Y-Tổ Trung Dinh	Phụ-Tá Trưởng Ty
14	Đại-Úy NGUYỄN-HUÂN-TRƯỜNG	55/104.312	Viện Bại-Lao Ngô-Quyên	Bệnh-Viện Chợ-Quán	Y-Sĩ điều trị

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ Y-TẾ

--oOo--

Saigon, ngày 3 tháng 9 năm 1974

Số 4620 -BYT/NV/NN2/QĐ.

TỔNG-TRƯỞNG Y-TẾ,

- Chiếu Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 1-4-1967, tu chỉnh do Luật số 001/74 ngày 22-1-1974;
- Chiếu Sắc-Lệnh số 394-TT/SL ngày 1-9-1959 và các văn-kiện kế tiếp, nhất là Sắc-Lệnh số 130-TT/SL ngày 18-2-1974, ấn định thành phần Chính-Phủ;
- Chiếu Sắc-Lệnh số 35-YT ngày 19-9-1949, ấn định chức chương Bộ-Trưởng Y-Tế; và S.L số 175-SL/YT ngày 23-7-74 v/v tổ chức Bộ Y-Tế
- Chiếu Sắc-Lệnh số 175-NV ngày 23-5-1955 và các văn-kiện kế tiếp, ấn định phụ-cấp chức-vụ, cung cấp bằng hiện vật và hiện kim cho các công-chức và nhân-viên công sở;
- Chiếu Nghị-Định số 354-YT/HC/NĐ ngày 3-5-1956 và các văn-kiện kế tiếp, xếp hạng các Bệnh-Viện;
- Chiếu Quyết-Định số 3221-BYT/NV/NN2/QĐ ngày 6-7-1970, cử Bác-Sĩ NGUYỄN-VĂN-TRÍ giữ chức-vụ Trưởng-Ty Y-Tế kiêm Quản-Đốc Bệnh-Viện Sadeo;
- Chiếu tờ trình số 474-BYT/QTTB/CI ngày 20-8-1974 của Tổng Nha Y-Tế và phiếu gửi số 1048-BYT/QTTB/CI/1/1257 ngày 22-8-1974 của Sở Quản-Trị Bệnh-Viện;
- Chiếu nhu-cầu công-vụ,

QUYẾT - ĐỊNH :

ĐIỀU I - Nay cử :

- BS. NGUYỄN-VIỆT-TÙNG, Y-Sĩ Thiểu-Tá biệt phái ngoại ngạch, Y-Sĩ Điều-Trị, tổng sự tại Bệnh-Viện Phối-Hợp DQY Sadeo, giữ chức-vụ Trưởng-Ty Y-Tế Sadeo thay thế BS. NGUYỄN-VĂN-TRÍ vừa đắc cử Nghị-Viên Hội-Đồng Tỉnh.

- BS. LÊ-HỮU-PHÚC, Y-Sĩ Điều-Trị khế-ước, tổng sự tại Bệnh-Viện Sadeo, giữ chức-vụ Giám-Đốc Bệnh-Viện này thay thế Bác-Sĩ NGUYỄN-VĂN-TRÍ.

ĐIỀU II - Kể từ ngày thực sự đảm nhiệm chức-vụ kể trên, các đương-sự được hưởng khoản phụ-cấp chức-vụ ấn định theo thể lệ hiện hành, do Ngân-Sách Quốc-Gia (cơ-quan xử dụng) đài thọ.

ĐIỀU III - Phụ-Tá Tổng-Trưởng, Tổng Thư-Ký và Tổng Giám-Đốc Bộ Y-Tế Chiếu nhiệm-vụ thi hành Quyết-Định này.-

NOI NHẬN : Phủ Tổng-Ủy Công-Vụ

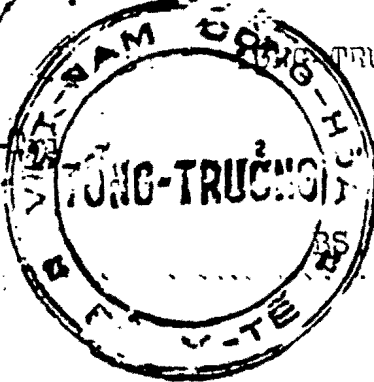
- Nha TGD Ngân-Sách/Ngoại-Viện
- Nha TGD Y-Tế - Nha Tổng Thư-Ký
- Thanh-Tra Đoàn YT - Nha YT Điều-Trị
- Nha Y-Tế C/c - Nha Tiếp-Vận
- Tòa Hành-Chánh Sadeo
- Ty Y-Tế Sadeo - Bệnh-Viện Sadeo

"Để tổng đạt"

- Sở Quản-Trị Bệnh-Viện
- Sở Ngân-Sách và Kế-Toán
- Sở Pháp-Chức - Phòng Thống-Kê
- Sở Nhân-Viên Chính Ngạch
- Phòng Kiểm-Tra Nhân-Lực

"HỒ-SƠ" - LAM

30/09/74.



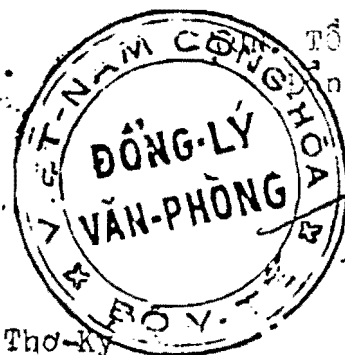
15	Đại-Úy NGUYỄN-VAN-TRUYỀN	58/104.037	BV/TK Long-An	Bệnh-Viện Tân Y-Sĩ điều trị An (Long-An)	
16	Đại-Úy PHẠM-THẾ-TRƯỜNG	59/153.754	BV/TK An-Xuyên	BV/PH Quân-Long (An-Xuyên)	-nt-
17	Đại-Úy NGUYỄN-VAN-LÂM	69/129.321	QV Đoàn-Mạnh Hoạch	BV. Phan-Thiết (Bình-Thuận)	-nt-
18	Đại-Úy BÙI-HOÀNH	49/140.018	-nt-	-nt-	-nt-
19	Đại-Úy NGUYỄN-NGỌC-TRÂN	59/161.295	TT.2 Tuyển Mộ Nhập Ngũ	TTYTTK Nha-Trang	-nt-
20	Đại-Úy NGUYỄN-VAN-ÁNH	58/111.928	Bệnh-Viện 3 Dã-Chiến	TTYTTK Mỹ-Tho	-nt-
21	Đại-Úy LÊ-VAN-HỒNG	57/182.304	-nt-	-nt-	-nt-
22	Đại-Úy LÊ-HỮU-PHÚC	59/161.150	BV/TK Sadec	Bệnh-Viện Sadec	-nt-
23	Đại-Úy TRẦN-DƯƠNG-ĐÔN	58/103.039	BV/TK Vĩnh-Bình	BV/PH Phú-Vinh (Vĩnh-Bình)	-nt-
24	Đại-Úy NGUYỄN-KHIÊM-ĐÔN	52/700.752	TTHL/Hải-Quân Cam-Ranh	BV Hàm-Pân (Bình-Tuy)	-nt-

Điều 2. - Kể từ ngày đoạn chi tại nhiệm-sở cũ, lương bổng của các đương-sự do ngân-sách Quốc-Gia Bộ Y-Tế (cơ-quan xử dụng) đài thọ.

Điều 3. - Đồng-Lý Văn-Phòng Bộ Y-Tế có nhiệm-vụ thi hành quyết-Định này./.

Nơi nhận :

- Bộ Quốc-Phòng
- Bộ Tổng Tham-Mưu/Phòng TQT
- Cục Quân-Y
- Trung-Tâm Quản-Trị Trung-Uương
- Nha Tổng Giám-Đốc Công-Vụ
- Nha TGD Ngân-Sách và Ngoại-Viện
- Nha Tổng Giám-Đốc Y-Tế
- Thanh-Tra-Đoàn
- Văn-Phòng Đồng-Lý
- Tòa Hành-Chánh Phước-Tuy, An-Giang, Phong-Dinh, Bạc-Liêu, Vĩnh-Bình, Bình-Thuận, Vĩnh-Long, Long-An, An-Xuyên, Bình-Thuận, Khánh-Hòa, Bình-Tướng, Badec, Bình-Tuy.
- BSV Tù-Dũ, Sở Y-Vụ Bộ Y-Tế, BV Phước-Lê (Phước-Tuy), Viện QHT Công-Động, BV.Vĩnh-Lợi (Bạc-Liêu), BV. Phú-Vinh (Vĩnh-Bình), BV Phước-Anh (K-Thuận), BV. Vĩnh-Long, Ty Y-Tế Phong-Dinh, BV Chợ-Quận, BV. Tân-An (Long-An), BV. Quân-Long (An-Xuyên), BV. Phan-Thiết (B-Thuận), BV. Sadec, BV. Hàm-Pân (Bình-Tuy), TTYTTK : Long-Xuyên, Cần-Thơ, Nha-Trang, Mỹ-Tho "Đô-phúc" và các địa phương nhận nhiệm-sở"
- Sở Quản-Trị Bệnh-Viện
- Sở Nhân-Viên Chánh Ngạch
- Phòng Thống-Kê
- Hồ-sơ -Lưu
- Sở Ngân-Sách và Kế-Toán
- Sở Thấp-Chế
- Phòng Kiểm-Tra Nhân-Lực



TỔNG-TRƯỞNG Y-TẾ CK.
Đồng-Lý Văn-Phòng

Đs. Trần-Văn-Hoàn

VIỆT-NAM CONG-HOA
BỘ Y-TE
-oOo-

Saigon, ngày 24 tháng 5 năm 1973.
Số 3476 BYT/NVNN2/QĐ

TỔNG TRƯỞNG Y-TẾ,

Chiếu Sắc-Lệnh số 394-TT/SL ngày 1/9/1969 và các văn-kiện kế tiếp ấn định thành phần Chánh-Phủ;

Chiếu Sắc-Lệnh số 35-YT ngày 19/9/1949 ấn định chức trưởng Bộ Trưởng Y-Tế;

Chiếu Nghị-Định số 331-QP/ND ngày 23/4/1973 của Bộ Quốc-Phòng biệt phái sang Bộ Y-Tế 30 Quân-Y-Sĩ;

Chiếu Lệnh Truyền-Chuyển số 2494-TTH/TQT/BN/NN/3/K ngày 5/4/1973 của Bộ Tổng Tham-Mưu truyền chuyển 30 Quân-Y-Sĩ sang Bộ Y-Tế;

Chiếu công-văn số 632-BYT/QTTB/YS/BP/C/733 ngày 16/5/1973 của Nha Tổng Giám-Đốc Y-Tế;

Chiếu nhu-cầu công-vụ,

QUYẾT-ĐỊNH :

Điều 1.- Nay cử các Quân-Y-Sĩ có tên dưới đây, biệt phái ngoại ngạch Bộ Y-Tế do Nghị-Định dẫn chiếu, đến giúp việc tại các nhiệm-sở kê sau :

STT	Số	Họ và Tên Cấp bậc	Số quân	NHIỆM-SỞ		Chức-vụ
				CŨ	MỚI	
1		Trung-Tá TRINH-CAO-HẢI	49/333.145	TYV. Cộng-Hòa	Bảo-Sanh-Viện TỪ-DỪ	Y-Sĩ điều trị
2		Trung-Tá HUỖNH-VAN-THẾ	53/129.931	-nt-	Sở Y-Vụ Bộ Y-Tế	
3		Thiếu-Tá NGUYỄN-VIỆT-TUNG	53/124.844	QYV Nguyễn-Văn Nhút	BV. Phước-Lĩ (Phước-Tuy)	-nt-
4		Thiếu-Tá NGUYỄN-ĐÌNH-PHÁC	54/300.211	Trưởng Bộ-Binh Thủ-Đức	Viện Quốc-Gia Y Tế Công-Cộng	
5		Thiếu-Tá PHAN-VAN-VỸ	56/106.850	QYV Long-Xuyên	TTYTTK Long- Xuyên	-nt-
6		Đại-Úy NGUYỄN-ĐỘI-HOÀN	58/107.154	-nt-	-nt-	-nt-
7		Thiếu-Tá NGUYỄN-VAN-NGHI	59/154.556	QYV Phan-Thanh Giản	TTYTTK Chợ-Thơ	-nt-
8		Thiếu-Tá TÔN-THẤT-KỲ	53/124.846	BV/TK Bạc-Liêu	Bệnh-Viện Vĩnh Lợi (Bạc-Liêu)	-nt-
9		Đại-Úy NGUYỄN-VAN-HƯỜNG	56/132.304	-nt-	-nt-	-nt-
10		Đại-Úy NGÔ-THẾ-QUÍ	56/102.333	BV/TK Vĩnh- Bình	BV/PH Phú-Vinh (Vĩnh-Bình)	-nt-
11		Đại-Úy HUỖNH-GIA-CHÍNH	55/104.593	BV/TK Ninh- Thuận	BV/PH Phan-Rang (Ninh-Thuận)	-nt-
12		Đại-Úy VÕ-VAN-KỶ	57/182.343	BV/TK Vĩnh- Long	Bệnh-Viện Vĩnh Long	-nt-
13		Đại-Úy TRẦN-VAN-GIA	53/125.260	Liên-Đoàn 74 Quân-Y	Ty Y-Tế Trung Dinh	Phụ-Sứ Trưởng Ty
14		Đại-Úy NGUYỄN-HUÂN- TRƯỜNG	55/104.312	Viện Bài-Lạc Ngô-Quyền	Bệnh-Viện Chợ- Quán	Y-Sĩ điều trị

SPONSOR: U.S. THE UNITED STATES

4. Name: ROBERT THE TIGER

-1-002: (caddy) 1-1-68

~~1. Address: 1734 GREENLEAF AVE.~~

I. Telephone (Area): / / (Business):

2-Category: - SEA - FFA - USC

^a The number of subjects who were included in each group was as follows: 10 in the control group; 10 in the low-dose group; 10 in the medium-dose group; 10 in the high-dose group.

FOUO - OFFICIAL USE ONLY

SPOLICE IN THE UNITED STATES

1 10150 408 401 00 101 00 001 000 0000

1/1/81

CONFIDENTIAL - SECURITY INFORMATION

100-443887-1000

...and the fact that the *Journal* is a journal of the American Psychological Association, the largest and most influential organization in the field of psychology, adds to the significance of the work.

1. NAME: NGUYEN THI TUYET

2. DOB: 10/12/45

3. SEX: F

4. ADDRESS: 1339 CLELLAND AVE
LOS ANGELES, CA 90034

5. TELEPHONE: (Home) / / (Business) / /

1. NAME: NGUYEN THI TUYET
2. DOB: (Caddy) / / (CDD)
3. ADDRESS: 1339 CLELLAND AVE
LOS ANGELES, CA 90034
4. TELEPHONE: (Home) / / (Business) / /
5. CATEGORY: REC FRA USC

ACCOMPANYING RELATIVES

NAME	SEX	DOB	COA	COB	FALCON	BC	ECT	MC	PCY	GVN	PHOTO	OTHER
NGUYEN THI TUYET	F	10 12 45	PA	VN								
PHU PHUC	M	09 12 39	MU	VN								
THI CONG	F	05 17 47	CA	VN								
HUU LOI	M	01 20 73	SC	VN								
HUU THIE	M	05 21 78	SO	VN								

PRINCIPAL ALIAS IN VIETNAM

1. PRIORITY: 01/15/1 Rel Sponsor to P1: 50
2. DATE: 11/11/78
3. NAME: NGUYEN THI TUYET
4. DOB: 10/12/45
5. SEX: F
6. ADDRESS: 1339 CLELLAND AVE
LOS ANGELES, CA 90034
7. TELEPHONE: (Home) / / (Business) / /
8. CATEGORY: REC FRA USC

SPONSOR: U.S. THE UNITED STATES

-I HAVE: BUREAU THE YEARS

1. DOE: (caddy) 1/1/1 (C51)

1-ADDRESS: 1739 CLAREMONT AVE.

I LOS ANGELES, CA 90034

I-Telephone (Home): _____/_____/_____(Business): _____

-1-Category: REC, FPA, USC

ACCOMPANYING RELATIVES

Documentation

FORM NO. 104-101 (Rev. 1-77) U.S. GOVERNMENT PRINTING OFFICE: 1977

RESPECTFUL ALYAN TO VISITORS

SECURITY IN THE UNITED STATES

[illegible]

7-10

[illegible]

10-10-68

CONFIDENTIAL

DATE: 11/11/2009 TIME: 11:11



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N. W. • WASHINGTON, D. C. 20005

202/659-8625

Telex: 248393 ATTN: MRS

NEW YORK

APPLICATION FOR FAMILY REUNIFICATION

My name is : NGUYEN THI TUONG

I reside at: 3039 GLENHURST AVE LOS ANGELES CA 90039

I was born on: MAY 7th 1944 in: Kampot (Cambodia)

I arrived in the United States on/in: 01/15/81 from: (country or camp) Thailand

My Alien Registration number is: A-35-110-548

My Naturalization Certificate number is: _____

My Alien Status is: ☐ Parolee ☒ Permanent Resident ☐ U.S. Citizen

I am making this application to request that the following relatives still in Viet Nam be authorized to come to the United States:

NAME	DATE AND PLACE OF BIRTH	RELATIONSHIP	ADDRESS IN VIETNAM
NGUYEN THI TUYET	10/15/45 S. Laos	Sister	88/38 Tran Binh 82 100 AP Hoa Khanh Th. 82 S. Laos
LE HUU PHUC	9/12/39 S. Laos	Brother-in-law	
LE THI DUNG	5/17/49 S. Laos	Niece	
LE HUU LINH	1/22/73 S. Laos	Nephew	
LE HUU THIEN	5/11/70 S. Laos	Nephew	
OFFICIAL SEAL JOHN A. PAGNONE NOTARY PUBLIC - CALIFORNIA LOS ANGELES COUNTY My comm. expires MAR 1, 1984			

3129 Glendale Blvd., Los Angeles, CA 90019

Signature: Nguyen Thi Tuong

Date: 6/16/81

Before me, a Notary Public, on this day personally appeared NGUYEN THI TUONG known to me to be the person whose name is subscribed to the foregoing instrument and acknowledged to me that he/she executed the same for the purposes and consideration therein expressed.

STATE OF California

COUNTY OF Los Angeles

NOTARY PUBLIC John A. Pagnone

My commission expires 3-1-1984

Saigon, ngày 3 tháng 9 năm 1974

Số 4620 -BYT/NV/NN2/QĐ.

TỔNG-TRƯỞNG Y-TẾ,

Chiếu Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 1-4-1967, tu chỉnh do Luật số 001/74 ngày 22-1-1974;

- Chiếu Sắc-Lệnh số 394-TT/SL ngày 1-9-1969 và các văn-kiện kế tiếp, nhất là Sắc-Lệnh số 130-TT/SL ngày 18-2-1974, ấn định thành phần Chính-Phủ;

- Chiếu Sắc-Lệnh số 35-YT ngày 19-9-1949, ấn định chức chương Bộ-Trưởng Y-Tế; và S.L số 175-SL/YT ngày 23-7-74 v/v tổ chức Bộ Y-Tế

- Chiếu Sắc-Lệnh số 175-NV ngày 23-5-1955 và các văn-kiện kế tiếp, ấn định phụ-cấp chức-vụ, cung cấp bằng hiện vật và hiện kim cho các công-chức và nhân-viên công sở;

- Chiếu Nghị-Định số 354-YT/HC/ND ngày 3-5-1956 và các văn-kiện kế tiếp, xếp hạng các Bệnh-Viện;

- Chiếu Quyết-Định số 3221-BYT/NV/NN2/QĐ ngày 6-7-1970, cử Bác-Sĩ NGUYỄN-VAN-TRÍ giữ chức-vụ Trưởng-Ty Y-Tế kiêm Quản-Đốc Bệnh-Viện Sadeo;

- Chiếu tờ trình số 474-BYT/QTTB/CI ngày 20-8-1974 của Tổng Nha Y-Tế và phiếu gửi số 1048-BYT/QTTB/CI/1/1257 ngày 22-8-1974 của Sở Quản-Trị Bệnh-Viện;

- Chiếu nhu-cầu công-vụ,

QUYẾT - ĐỊNH :

ĐIỀU I - Nay cử :

- BS. NGUYỄN-VIỆT-TÙNG, Y-Sĩ Thiểu-Tá biệt phái ngoại ngạch, Y-Sĩ Điều-Trị, tổng sự tại Bệnh-Viện Phối-Hợp DQY Sadeo, giữ chức-vụ Trưởng-Ty Y-Tế Sadeo thay thế BS. NGUYỄN-VAN-TRÍ vừa đắc cử Nghị-Viên Hội-Đồng Tỉnh.

- BS. LÊ-HUU-PHÚC, Y-Sĩ Điều-Trị khế-uớc, tổng sự tại Bệnh-Viện Sadeo, giữ chức-vụ Giám-Đốc Bệnh-Viện này thay thế Bác-Sĩ NGUYỄN-VAN-TRÍ.

ĐIỀU II - Kể từ ngày thực sự đảm nhiệm chức-vụ kể trên, các đương-sự được hưởng khoản phụ-cấp chức-vụ ấn định theo thể lệ hiện hành, do Ngân-Sách Quốc-Gia (cơ-quan xử dụng) đài thọ.

ĐIỀU III - Phụ-Tá Tổng-Trưởng, Tổng Thư-Ký và Tổng Giám-Đốc Bộ Y-Tế Chiếu nhiệm-vụ thi hành Quyết-Định này.-

NOI NHẬN : Phủ Tổng-Ủy Công-Vụ

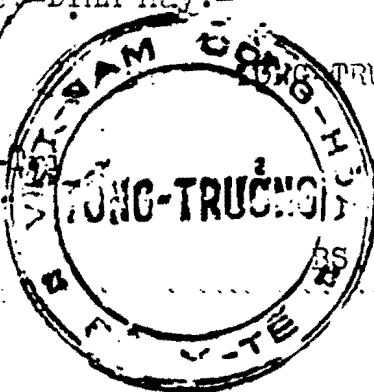
- Nha TGD Ngân-Sách/Ngoại-Viện
- Nha TGD Y-Tế - Nha Tổng Thư-Ký
- Thanh-Tra Đoàn YT - Nha YT Điều-Trị
- Nha Y-Tế C/c - Nha Tiếp-Vận
- Tòa Hành-Chánh Sadeo
- Ty Y-Tế Sadeo - Bệnh-Viện Sadeo

"Để tổng đặt"

- Sở Quản-Trị Bệnh-Viện
- Sở Ngân-Sách và Kế-Toán
- Sở Pháp-Chức - Phòng Thống-Kê
- Sở Nhân-Viên Chính Ngạch
- Phòng Kiểm-Tra Nhân-Lực

Hồ-sơ - Lưu

20/10/74.



TRƯỞNG Y-TẾ
BS Huỳnh-Văn-Huân

TỔNG TRƯỞNG Y-TẾ,

Chiếu Sắc-Lệnh số 394-TT/SL ngày 1/9/1969 và các văn-kiện kế tiếp ấn định thành phần Chánh-Phủ;

Chiếu Sắc-Lệnh số 35-YT ngày 19/9/1949 ấn định chức chương Bộ Trưởng Y-Tế;

Chiếu Nghị-Định số 331-QP/ND ngày 23/4/1973 của Bộ Quốc-Phòng biệt phái sang Bộ Y-Tế 30 Quân-Y-Sĩ;

Chiếu Lệnh Truyền-Chuyển số 2494-TTM/TQT/BN/MN/3/K ngày 5/4/1973 của Bộ Tổng Tham-Mưu truyền chuyển 30 Quân-Y-Sĩ sang Bộ Y-Tế;

Chiếu công-văn số 632-BYT/QTTB/YS/BP/C/733 ngày 16/5/1973 của Nha Tổng Giám-Đốc Y-Tế;

Chiếu nhu-cầu công-vụ,

QUYẾT-ĐỊNH :

Điều 1.- Nay cử các Quân-Y-Sĩ có tên dưới đây, biệt phái ngoại ngạch Bộ Y-Tế do Nghị-Định dẫn chiếu, đến giúp việc tại các nhiệm-sở kể sau :

Số TT	Họ và Tên Cấp bậc	Số quân	NHIỆM-SỞ		Chức-vụ
			CŨ	MỚI	
1	Trung-Tá TRINH-CAO-HAI	49/333.145	TYV. Cộng-Hòa	Bảo-Sanh-Viện TỪ-DŨ	Y-Sĩ điều trị
2	Trung-Tá HUỠNH-VAN-THẾ	53/129.931	-nt-	Sở Y-Vụ Bộ Y-Tế	
3	Thiếu-Tá NGUYỄN-VIỆT-TUNG	53/124.644	QYV Nguyễn-Văn Nhứt	BV. Phước-Lễ (Phước-Tuy)	-nt-
4	Thiếu-Tá NGUYỄN-ĐÌNH-PHÁC	54/300.211	Trưởng Bộ-Binh Thủ-Đức	Viện Quốc-Gia Y Tế Công-Cộng	
5	Thiếu-Tá PHAN-VAN-VỸ	56/106.850	QYV Long-Xuyên	TTYTTK Long- Xuyên	-nt-
6	Đại-Úy NGUYỄN-BOI-HOÀN	58/107.154	-nt-	-nt-	-nt-
7	Thiếu-Tá NGUYỄN-VĂN-NGHI	59/154.556	QYV Phan-Thanh Giáo	TTYTTK Cầu-Tho	-nt-
8	Thiếu-Tá TÔN-THẤT-KỲ	53/124.846	BV/TK Bạc-Liêu	Bệnh-Viện Vĩnh Lợi (Bạc-Liêu)	-nt-
9	Đại-Úy NGUYỄN-VĂN-HƯỞNG	56/182.304	-nt-	-nt-	-nt-
10	Đại-Úy NGÔ-THẾ-QUÍ	58/102.333	BV/TK Vĩnh- Bình	BV/PH Phú-Vinh (Vĩnh-Bình)	-nt-
11	Đại-Úy HUỠNH-GIA-CHÍNH	55/104.593	BV/TK Ninh- Thuận	BV/PH Phan-Rang (Ninh-Thuận)	-nt-
12	Đại-Úy VÕ-VĂN-KỶ	57/182.343	BV/TK Vĩnh- Long	Bệnh-Viện Vĩnh Long	-nt-
13	Đại-Úy	53/125.260	Liên-Đoàn 74	Ty Y-Tổ Phong	Phụ-Tá

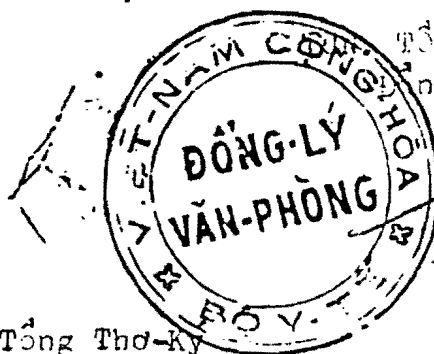
	Đại-Ủy	58/104.037	BV/TK Long-An	Bệnh-Viện Tân Y-Sĩ điều trị	
	NGUYỄN-VAN-TRUYỀN			An (Long-An)	
16	Đại-Ủy	59/153.754	BV/TK An-Xuyên	BV/PH Quân-Long (An-Xuyên)	-nt-
	PHẠM-THẾ-TRƯỜNG				
17	Đại-Ủy	69/129.321	QV Đoàn-Mạnh Hoạch	BV. Phan-Thiết (Bình-Thuận)	-nt-
18	Đại-Ủy	49/140.018	-nt-	-nt-	-nt-
	BÙI-HOÀNH				
19	Đại-Ủy	59/161.295	TT.2 Tuyển Mộ Nhập Ngũ	TTYTTK Nha-Trang	-nt-
20	Đại-Ủy	58/111.928	Bệnh-Viện 3 Dã-Chiến	TTYTTK Mỹ-Tho	-nt-
21	Đại-Ủy	57/182.304	-nt-	-nt-	-nt-
	LÊ-VAN-HỒNG				
22	Đại-Ủy	59/161.150	BV/TK Sadec	Bệnh-Viện Sadec	-nt-
	LÊ-HỮU-PHÚC				
23	Đại-Ủy	58/103.039	BV/TK Vĩnh-Bình	BV/PH Phú-Vinh (Vĩnh-Bình)	-nt-
	TRẦN-DƯƠNG-ĐƠN				
24	Đại-Ủy	52/700.752	TTHL/Hải-Quân Cam-Ranh	BV Hàm-Tân (Bình-Tuy)	-nt-
	NGUYỄN-KHIÊM-ĐƠN				

Điều 2. - Kể từ ngày đoạn chi tại nhiệm-sở cũ, lương bổng của các đương-sự do ngân-sách Quốc-Gia Bộ Y-Tế (cơ-quan xử dụng) đài thọ.

Điều 3. - Đồng-Lý Văn-Phòng Bộ Y-Tế có nhiệm-vụ thi hành Quyết-Định này.//.

Nơi nhận :

- Bộ Quốc-Phòng
- Bộ Tổng Tham-Mưu/Phòng TQT
- Cục Quân-Y
- Trung-Tâm Quản-Trị Trung-Uơng
- Nha Tổng Giám-Đốc Công-Vụ
- Nha TGD Ngân-Sách và Ngoại-Viện
- Nha Tổng Giám-Đốc Y-Tế
- Thanh-Tra-Đoàn
- Văn-Phòng Đồng-Lý
- Tòa Hành-Chánh Phước-Tuy, An-Giang, Phong-Dinh, Bạc-Liêu, Vĩnh-Bình, Ninh-Thuận, Vĩnh-Long, Long-An, An-Xuyên, Bình-Thuận, Khánh-Hòa, Định-Tương, Sadec, Bình-Tuy.
- BSV Từ-Dũ, Sở Y-Vụ Bộ Y-Tế, BV Phước-Lễ (Phước-Tuy), Viện AGH Công-Cộng, BV.Vĩnh-Lợi (Bạc-Liêu), BV. Phú-Vinh (Vĩnh-Bình), BV. Phan-Rang (N-Thuận), BV. Vĩnh-Long, Ty Y-Tế Phong-Dinh, BV Chợ-Quận, BV. Tân-An (Long-An), BV. Quân-Long (An-Xuyên), BV. Phan-Thiết (B-Thuận), BV. Sadec, BV. Hàm-Tân (Bình-Tuy), TTYTTK : Long-Xuyên, Cần-Thơ, Nha-Trang, Mỹ-Tho "Đề phúc nghị tập nhận nhiệm-sở"
- Sở Quản-Li Bệnh-Viện
- Sở Ngân-Sách và Kế-Toán
- Sở Thúc-Chất



Tổng-TRƯỞNG Y-TẾ CH.

Đồng-Lý Văn-Phòng

Đs. Trần-Văn-Nhiều

THE UNITED STATES ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

OFFICE: SIC 1
 DATE: 11/01/82
 PAGE NO. 003

WORKSHEET FOR FILE NUMBER IV 052355

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATES

NAME: NGUYEN THI TUYET

NAME: NGUYEN THI TUYET

DATE: 10/12/45

DOB: (mody) / / (CSE)

DOB: (mody) 10/12/45

Address: 3039 QUELLEST AVE

DOB: in Vietnam:

LOS ANGELES, CA 90034

130 CHUONG SON PHU, AP HOA KHANH,

Telephone (Home): / / (Business): / /

1-XA SATE, VIETNAM

Category: RES FRA USC

ACCOMPANYING RELATIVES

NAME	SEX	DOB	REL	COS	RELATIONSHIP	DOCUMENTATION	OTHER
		MM DD YY				ACT CIV PHOTO	
NGUYEN THI TUYET	F	10 12 45	PL	VN			
E HUU PHUC	M	09 12 37	HU	VN			
E THI LUNG	F	05 17 27	DA	VN			
E HUU LOI	M	01 20 73	SC	VN			
E HUU THINH	M	05 21 76	SC	VN			

OFFICIAL USE ONLY

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATES

DOB: 10/12/45

DOB: 10/12/45

DOB: 10/12/45

DOB: 10/12/45

DOB: 10/12/45

DOB: 10/12/45

DOB: 10/12/45

DOB: 10/12/45

DOB: 10/12/45

DOB: 10/12/45

DOB: 10/12/45

DOB: 10/12/45

TY Y TẾ ĐỒNG THÁP
BỆNH VIỆN SÁDEC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc-lập Tự-do Hạnh-phúc

Y
Số : 56 / 1980 / M.

Sádec, ngày 16 tháng 6 năm 1980

Kính gửi : THƯỜNG TRƯỞNG UBND TỈNH ĐỒNG THÁP

Trích yếu :

V/v : Giải quyết vụ
Lê Phước bị giữ tại
Phòng Công an huyện
Cần Giuộc tỉnh Long
An.

054355

Vừa qua, bác sĩ LÊ HỮU PHÚC của định bị giam giữ tại Phòng Công an huyện Cần Giuộc vì tội định vượt biên. Sau và các đơn được đưa về địa phương. Tôn anh Lê Phước còn bị giam tại đây. Được tin chúng tôi có tài thủ tục đến phòng Công an huyện Cần Giuộc để nhận anh về. Sau 2 lần liên lạc trực tiếp; được biết anh Lê Phước thuộc diện Ty Công an Long An quản lý và giải quyết và muốn nhận về tỉnh phải có ý Công an Đồng Tháp có ý kiến chấp thuận thuận thuận.

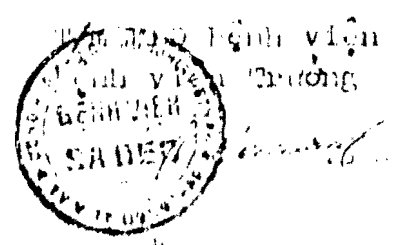
Vậy xin báo cáo đến thường trực UB vận đề trên để xin ý kiến chỉ đạo và giải quyết việc này.

Phòng Công an huyện Cần Giuộc cho biết nếu sự nhất trí của Ty Công an Long An và được sự ý kiến trao đổi với Ty Công an Đồng Tháp thì thuộc Công an sẽ thả do lệnh của Ty Công an Long An.

Vậy xin kính trình UBND tỉnh để giải quyết.-

Kính chào.-

Ký Ty Công an AT
Đang chỉ đạo Tịch UBND với TT/UB
Nhất trí cho BQL vận SÁDEC. Từ Cần Giuộc
Long An - lãnh giải quyết tại vi phạm về
Vấn đề của các ý kiến và làm thủ
tục để Ty Công an Long An cho phép thả về



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Ngày 16/6/80

TM. UBND Tỉnh Đồng Tháp
Chị vận Thủ Tịch



Thường TrƯởng

TAMU KALOE, 1-11-85

Kính Chi,

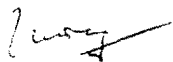
Thưa Chi, tôi xin gửi đến Chi bản
sao hồ sơ bài lãnh của Em tôi và
gia đình. Các giấy tờ affidavit đến
đây nộp đi.

Tình cảnh của Em tôi, cậu Sô và nhân
viên của chính phủ và Công Hòa hiện
tại rất bị chặt và bị đe dọa.

Kính xin Chi có giúp đỡ với tất cả những
gì Chi có thể làm được để giúp
cho Em tôi và gia đình.

Chúng tôi vô cùng cảm tạ và trân
cân Chi.

Kính,



NGUYỄN VĂN TƯỞNG

Anh chị Kèm theo thư này gửi cho chị Thơ
qua địa chỉ:

KHÚC MINH THỎ

7813 MARTHAS LANE

FALLS CHURCH

ARLINGTON VA. 22043 U.S.A.



Sadac, ngày 15/6/85

Chào mến,

Sau quá Thanh Châu không biết thư thăm
Chào được, mong Chỗ thông cảm hoàn cảnh của
Châu mà thư lời cho. Chỗ lúc nào Chỗ cũng ở
cạnh Châu và các bạn bè thân của Chỗ, kể cả
những người bạn không thân thiết nữa. Những hành
động của Chỗ vì sự giúp đỡ tốt đẹp của Chỗ
không bao giờ họ quên đi, kể cả sự giúp đỡ
2 con của Châu lúc ở Thái Lan. Ông trên đó phụ
hộ cho Chỗ được sum họp gia đình đó là điều
hợp tình hợp lý nhất. Con Châu chắc phải chờ thời
gian vì hoàn cảnh của gia đình Châu chắc Chỗ
đã rõ. Chỗ ơi! Châu thật thật nhớ Chỗ giúp
gia đình Bác sĩ Phúc là ân nhân của gia đình
Châu suốt hơn 10 năm qua. Hoàn cảnh vì ý muốn
của gia đình Bác sĩ Phúc giống như chị Thu / chị
Thu đã biết rõ / cho đến hôm nay vẫn chưa được
trả nguyên mong Chỗ tìm cách giúp đỡ cho. Hy vọng
ra đi của chị Thu bạn bè có tên đưa lúc đó
sau hai con sống. Sau đó chị Thu có gửi thư về
cho biết có gặp tất cả bạn bè ra đơn tiếp thật

cảm động và bạn bè được nhắc nhiều nhất là Châu và
Sáu Hải Châu cũng bạn bè Sadec rất xúc động
và nhớ lâu đến nỗi nước mắt. Hiện giờ bạn bè
Sadec Châu thường gặp mặt để tâm sự là chị Lan,
anh Dũng, Lan Anh, Nghiệp

Có lần Châu viết thư gửi cho Chở 6 tháng sau
thư lại trả về Sadec làm Châu buồn quá. Được biết
Chở bận làm việc ngày đêm không thời gian rảnh rỗi
chị Chở bảo tôi nghiệp Chở và thường Chở làm vì
Chở hy sinh cho gia đình cũng bạn bè.

Cảm động hết hen thư sau sẽ viết nhiều. Chả hạn gia
đình Chở vui mạnh. Cho Châu gửi lời thăm tất cả
bạn bè bên đó: gia đình chị Chở, chị Mười, cô F

.....

Chân

Chanh Châu



Sàdec ngày 19/09/85

Thính thưa chị Thơ

Tôi xin tự giới thiệu với chị, tôi là Bái Sĩ Lê Hữu Phước. Chắc có lẽ chị không biết tôi vì lúc tôi đến về làm việc tại Tiểu khu thì chị đã về Sài Gòn rồi, tôi có quen biết nhiều với chị Năm Thu chưa anh. Gần đây tôi gặp các anh em bạn còn lại bên nhà, họ nhắc nhở nhiều về chị và rất cảm động về tâm lòng tốt của chị đối với người đồng hương. Chị Thanh chuẩn có bà tôi viết thư cho chị nhờ chị gúp gùm thương bặt như sau:

Năm 1981 người chị và tôi có gởi giấy báo lãnh về cho gia đình tôi, đến năm 1983 tôi mới được xếp một, nhưng chỗ này đến nay vẫn chưa được giấy xuất cảnh. Có người bảo là chuyển ra đi kiểu đoàn tụ gia đình ngưng lại, nhất là anh em báo lãnh lại càng ít hy vọng lắm.

Tôi thất vọng với chị tôi ở bên nhà như người mù đi đêm không biết đường lối như thế nào. Chị càng thất hồn nhờ chị gúp gùm đưa đi chúng tôi được sớm ra đi.

Tôi gởi theo đây ít giấy tờ hình ảnh. Chị có cần thêm thư gì xin chị nhìn chút thư gởi, chị báo gúp gùm. Chị có tin liên lạc với bà chị và tôi ở địa chỉ:

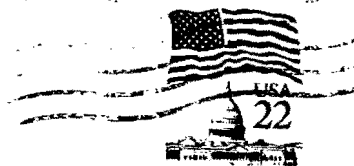
NGUYEN THI TUONG

Gia đình tôi mong chờ sự giúp đỡ của chị và anh chị
nhân nơi đây lòng biết ơn sâu xa của chúng tôi

Thân ái.

Phước

Nguyen Van Binh



Mrs KHUO MINH THO
7813 Marthas Lane
Falls Church, VA. 22043

thứ 4/c bỏ túi
10/12
ODP, card

Immokalee ngày 25.9.85

Kính thưa Ch,

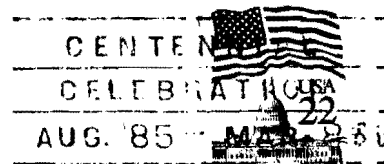
Tôi là Bình anh bạn cột chèo của Phúc, BS ở Sa Aéc.
Tôi có được thẻ của Phúc nên tôi liên lạc với chị
để nhờ hướng dẫn cách thức hoặc gửi thêm đề xin
Form ODP.I-10/81 (bản gốc Letter of Introduction) cho
Phúc và gia đình, vì phải có form này mới xin
thẻ xuất cảnh.
xin chị vui lòng giúp đỡ. Thành thật cảm ơn
chị nhiều.

Kính,

Uch

NGUYỄN VĂN BÌNH

NGUYEN VINH BINH



Ms. KHUC MINH THO
7813 MARTHA ST
FALL CHURCH, VIRGINIA
VA. 22043.

Los Angeles, ngày 15 - 11 - 1985

Chị Thảo mến,

Em tôi B.S. Lê Hữu Phúc 3² binh viên Sa dec
- có nhớ tôi liên-lạc với chị để nhớ
chị cho biết tình-trạng hồ-sơ của
Lê Hữu Phúc xin đoàn tình gia-đình 3² Mỹ.
Em tôi nói chị là người rất tốt và
đã giúp đỡ rất nhiều người đồng hương.
Nó tin tưởng chị sẽ cố-gắng giúp nó và nó
sẽ không bao giờ quên ơn chị. Nó nhớ chị
cho tôi biết hồ-sơ của nó có đầy đủ giấy
tờ-hợp lệ không và đã được em-xét chưa.
Trong tương-hợp thiếu giấy tờ, xin chị làm ơn
chỉ dẫn cho tôi thế-which xin giấy tờ đó.
Chị-phủ-đề-bỏ cho công-viên đó, chị vui lòng
cho tôi biết để tôi hoàn-lai chị.

Rất cảm-ơn chị và mong chờ thư của chị.
Mến, Mến

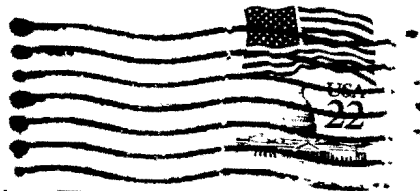
Miss Nguyễn Thanh Nhân

Hồ-sơ

Nguyễn Thị **Thuyết**
Lê Hữu Phúc V (chồng)
Lê Hữu Dung (con)
Lê Hữu Lộc (con)
Lê Hữu Thiện (con)

do Nguyễn Thị Tường đứng
đơn xin.

Miss Nguyen Thanh Nha



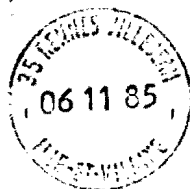
Ms. Khue Minh Thi

7813 MARTHAS LANE

FALLS CHURCH, VA 22043

ARLINGTON

PAR AVION
VIA AIR MAIL
LUFTPOST



TO: Mrs. KHUC MINH THO
F. V. N. P. P. A.
P. O. Box 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
(U.S.A.)

From - NGO TANSU N° 9 FRANCHE COMTE
35000 RENNES (FRANCE)

hình

Bác Sĩ² Lê Hữu Phước



IV. 054355.

NGUYỄN THỊ TUYẾT.

LE HUU PHUC SPOUSE

IV No 054355
Date _____

From : IV No 054355
To : ODP
REF : ODP - A 11/83

Subject : APPEAL FOR HIGH PRIORITY

Dear Sir,

- On behalf of my family here in VN
- For my relatives (sponsors) in the U.S.
- Due to my husband's extremely critical situation.
- And based on the humanitarian acts of your office

I am ⁿ sincerely making this urgent appeal to call on your prompt consideration and acceptance of classifying my case for high priority in the departure list of the United States Government

REASONS :

My husband's close relations with the Americans prior to 1975 and our abortive attempt to escape VN by boat in 1980 have always been the sources of trouble and strict surveillance against my husband and myself for more than a decade now.

I certify the above fact is true and correct by enclosing our release certificates here with.

I also assure the U.S government that we will not become a public charge in the United States of America.

I,
remain

Yours,

ENCL : (2)
- 2 copies of the release
certificates (as evidence)

Tuyet
NGUYỄN THỊ TUYẾT

IV No 054355
Date _____

From : IV No 054355
To : ODP
REF : ODP - A 11/83

Subject : APPEAL FOR HIGH PRIORITY

Dear Sir,

- On behalf of my family here in VN
- For my relatives (sponsors) in the U.S.
- Due to my husband's extremely critical situation.
- And based on the humanitarian acts of your office

I am ⁿ sincerely making this urgent appeal to call on your prompt consideration and acceptance of classifying my case for high priority in the departure list of the United States Government

REASONS :

My husband's close relations with the Americans prior to 1975 and our abortive attempt to escape VN by boat in 1980 have always been the sources of trouble and strict surveillance against my husband and myself for more than a decade now.

I certify the above fact is true and correct by enclosing our release certificates here with.

I also assure the U.S government that we will not become a public charge in the United States of America.

I,

remain

Yours,

ENCL : (2)

- 2 copies of the release certificates (as evidence)

Tuyet
NGUYỄN THỊ TUYẾT

Ủy ban an ninh
Đoàn an ninh
Sở

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

054355

LỆNH THA

Tôi Nguyễn Văn Lân
Chức vụ Phó phòng Công an huyện Cần Giuộc
Căn cứ quyết định miễn tố số 05 ngày 05 tháng 06 năm 1990
đối với bị can Ngô Thị Tuyết, can tội vi phạm
Căn cứ vào pháp luật hiện hành;

RA LỆNH THA

Họ và tên Nguyễn Thị Tuyết Bị danh
Sinh ngày 19 tháng 10 năm 1945
Sinh quán Thủ gia, huyện Cần Giuộc
Trú quán 28/3 B. q. Hoa Khảo thị xã Vĩnh Đức
Nghề nghiệp Nữ T.Đ.
Ông Giám thị trại tạm giam Cần Giuộc
thi hành khi nhận được lệnh này.

Chức vụ
Sở

Lệnh này gửi đến Công Viện trưởng V.K.S.N.D Cần Giuộc
để tường.

ngày 05 tháng 06 năm 1990

T.M. Phó phòng Công an huyện Cần Giuộc

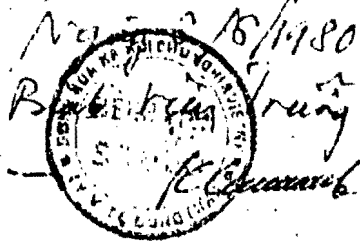
NƠI NHẬN

- Ông Viện trưởng V.K.S.N.D Cần Giuộc để biết
- để báo cáo
- Ông Giám thị trại tạm giam B. q. Hoa Khảo để thi hành
- để biết
- Trưởng bộ phận và trình với
- Tư pháp
- Tư pháp

Nguyễn Văn Lân

Kính Nhân:

Bà Đào Thị Đào: Kính nhân
Chị Nguyễn Thị Tuyết
là vợ Bà Lê Xuân Phước
(cộng tác viên ở Sở Địa chất - Địa chất)
có thể trình cơ quan về đây.



Chức vụ: Giám đốc Sở Địa chất

Chị Lê Thị Đào / CHAT.
Nguyễn Thị Tuyết là vợ Bà
Lê Xuân Phước ngày 03.6.1980

T.H. Bà Lê Thị Đào
Chị Lê Thị Đào

24/1/80

Nguyễn Thị Đào

Ty Công an Long An
Đội Cảnh Sát Quốc gia
Số: 427

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

054355

LỆNH THA

Tôi Nguyễn Văn Lớn

Chức vụ Phó phòng Công an huyện Cần Giuộc

Căn cứ quyết định miễn tố số 15 ngày 05 tháng 06 năm 1975

đối với bị can Nguyễn Thị Tuyết can tội vi phạm

Căn cứ vào pháp luật hiện hành ;

RA LỆNH THA

Họ và tên Nguyễn Thị Tuyết Bị danh

Sinh ngày 19 tháng 10 năm 1951

Sinh quán Sài Gòn - Miền Nam

Trú quán 28/3 B q Hòa Khánh thị xã Vĩnh Đức

Nghề nghiệp Nội T.Đ

Ông Giám thị trại tạm giam Cần Giuộc

thi hành khi nhận được lệnh này.

Lệnh này gửi đến Ông Viện trưởng V.K.S.N.Đ Cần Giuộc

để tường.

Chú ý: Khi nhận
lệnh

ngày 05 tháng 06 năm 1975

TM. Phó phòng Công an
Nguyễn Văn Lớn

NƠI NHẬN

Ông Viện trưởng V.K.S.N.Đ Nguyễn Văn Lớn để biết

để báo cáo

Ông Giám thị trại tạm giam Phạm Văn Tấn để thi hành

để biết

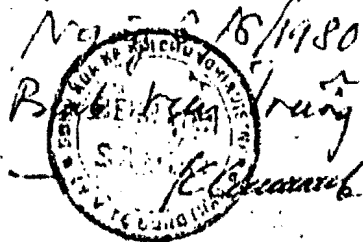
Trưởng vụ dân vụ trình với chính quyền địa phương để thực hiện

Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Lớn

Xuất Nhân:

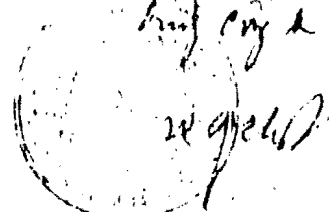
Bé Ngọc B. Sa Đéc. Xuất nhân
Chị Nguyễn Thị Tuyết
là vợ B. Sa Đéc. (Phúc)
(Cộng tác tại B. Sa Đéc. Tỉnh Đồng Tháp)
có thể trình Cơ quan về đây.



Chức vụ: Trưởng Ban An Ninh

Chị út Si 050/CAIX.
Nguyễn Thị Tuyết ở B. Sa Đéc
Cộng tác tại B. Sa Đéc. Ngày 02.6.1980

T.H. B. Sa Đéc. Chị út Si
hàng công & xã



Nguyễn Thị Tuyết

Số : 56 / BVST/30.

Sádec, ngày 16 tháng 6 năm 1980

Trích yếu :

V/v : Giải quyết vụ
P.B. Phúc bị giữ tại
Phòng Công an huyện
Cần Giuộc Tỉnh Long
An.

054355

Kính gửi : THƯỜNG TRƯỞNG UB AN TỈNH DỒNG THÁP

Vừa qua, bác sĩ LÊ HỮU PHÚC cũng gia đình bị giam giữ tại Phòng Công an huyện Cần Giuộc vì tội định vượt biên. Vợ và các con được đưa về địa phương. Còn anh P.B. Phúc còn bị giam tại Cần Giuộc. large tin chúng tôi có làm thủ tục đến Phòng Công an huyện Cần Giuộc để nhận anh về. Sau 2 lần liên hệ trực tiếp; được biết anh P.B. Phúc thuộc diện Ty Công an Long An quản lý và giải quyết và muốn nhận vô tình phải có Ty Công an Đồng Tháp có ý kiến chấp thuận lãnh về.

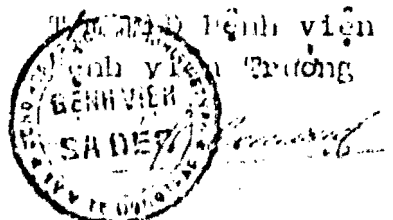
Vậy xin báo cáo đến thường trực UB vấn đề trên để xin ý kiến chỉ đạo và giải quyết việc này.

Phòng Công an huyện Cần Giuộc cho biết nếu sự nhất trí của Ty Công an Long An và được sự ý kiến trao đổi với Ty Công an Đồng Tháp thì thường Công an sẽ thả do lệnh của Ty Công an Long An.

Vậy xin kính trình UB AN Tỉnh để giải quyết.-

Kính chào.-

Kg Ty Công an DT
Đồng chí chủ tịch UBND và TT/UB
Nhất trí cho BCS về SÁDEC, lần đầu tiên
Lay an lãnh gia đình bác sĩ phúc về.
Vậy các địa chỉ kiến sát đơn thư
lưu để Ty an Long An cho phép nhập về



LÀ NGƯỜI VÀI KHOẢNG

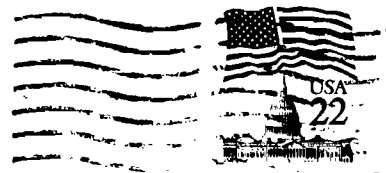
Ngày 16/6/80

TM. UBND Tỉnh Đồng Tháp
Ủy viên Thủ tục



Thủ tục

nguyen thi Tung



Ms. Khat Minh Tho.
Families of Vietnamese
Political Prisoners Assoc.
PO. Box 5435
Arlington, VA 22205.

u



5/23/86

Kính Chị Thảo,

Xin gửi đến Chị đơn của Em tôi và
bản sao lệnh thả của Phúc và Tuyết

Xin Chị vui lòng giúp giùm cho
Em tôi

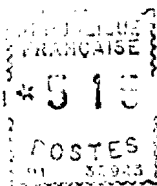
Xin cảm ơn Chị rất nhiều.

Kính

Tuấn

PAR AVION

VIA AIR MAIL



Mrs. KHUỖ MINH THỎ
7813 Marthas Lane
Falls Church VA 22043
ARLINGTON (USA)

NGO FANSU NO 9, Rue de Franche Comté 35000 Rennes (Fr)

LE
12
1997

Rennes, ngày 14 thg 1 năm 86

Kính gửi Bà Thỏ,

Trước hết, xin thưa với Bà, tôi là NGỒ
TÂN SỬ, anh rể của bác sĩ Lê hữu Phúc, hiện
ngụ tại Pháp, có cháu hồ sơ em Phúc (là
em rể của M^{me} Tường, M.D.), kính nhờ
Bà giúp đỡ cho em & tôi L.O.I có số I.V
và VEVL do Bangkok cấp, để mời có
thể trình cho V.C, xin cứu xét xuất cảnh.

Năm nay là năm gây nhứt về phía
V.C. đòi giấy nhập kết hôn có, họ mới
tiếp tục cứu xét cho xuất cảnh, mở
mãn cho năm 1986; trái lại từ thg
4 năm 1985, vì có mặc kệ, họ cắt
vào góc, không đồng ý lấy lời, thậm
chí họ trả lời "không có tu hơn tu héo
gì cả, về đi, chờ... vì Mỹ và VN chưa
ban giao".

Kính gửi theo đây theo lời Phúc, về
Bà, giấy lương và cấp bằng hành nghề
của NGỒ THỊ TƯỜNG, để bố túc.

Tôi có nhận được thư Đình + Tường, 2
vợ chồng viết cho tôi hôm Tết tây, vừa
qua, nói có làm rờn Bà và theo dõi
việc xin giấy nhập nơi trên - phần
tôi chưa được hân hạnh - tuy nhiên
được nghe nói Bà là người đồng
hương, với bên vợ tôi, rất tốt, do
đó Bà thư lỗi cho tôi việc trường
đặt viết thư ngay Bà, có tánh cách

người thôn gia đình.

Gia đình tôi có phúc, nhờ Trời được rời khỏi VN tất cả trọn vẹn 10 người qua Pháp (trừ 1 qua Canada theo bên chồng) được gần 6 tháng nay, toàn tu với con gái. Nhìn lại, tôi nghĩ cho gia đình Phúc (5 người) còn phải ket khổ tâm với VC càng ngày càng xuống dốc và bóc lột dân 1 cách tàn nhẫn; nếu trời chảy ít ra cũng "hai năm xười tôi 3 năm", mới thoát, trên đất tự do!

Tóm lại, bên Mỹ thì có hai vợ chồng em Tường và phần tôi ở Pháp làm trạm liên lạc thư từ cho mau chóng, kính xin Bà giúp đỡ cho em Phúc.

Một lần nữa, tôi xin đa tạ Bà và kính chúc Ông Bà cùng buổi quỳên, một năm mới nhiều sức khỏe và hạnh phúc


NGÔ TẤN SĨ²
Nº 9, Rue de Franchu Comte
35000 Rennes
(France)



State of Florida

Department of Professional Regulation
Board of Medical Examiners

No 45419

This Certifies that

Thi Tuong Nguyen, M.D.

has fulfilled the requirements of Chapter 458, Florida Statutes, governing the practice of
medicine and is hereby certified to practice

Medicine

in the State of Florida.

In Witness Whereof, we have hereunto subscribed our names and affixed the Seal of the Board of
Medical Examiners this 9th day of November A.D., 19 84

Bob Graham

Governor of Florida

Richard J. Fenster, M.D.

Chairman

J. Darrell E. Stearns

Vice-Chairman

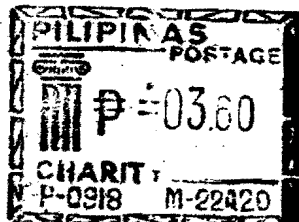
FROM: LY-MINH-

BV-#10707-BLDG-1019J+I.

P.R.-P.C. P.O. Box 7635 MIA.

MORONG - BATAAN.

PHILIPPINES



TO MRS= KHUOC MINH-THO-

7813-MARTHAS-LANE.

FALL CHURCH VA 22043.

ARLINGTON-

U.S.A.

VIA AIR MAIL

Kính thưa Cô Kiều Minh Thảo -

12-31-85. Philippines.

Thưa kính xin cô Thảo thư lời về sự đau đớn của tôi, và tôi
xin từ giới thiệu từ tên Lý Minh, tiệm Lữ Nam, trước giờ phòng, tôi
bán hàng sên ở dưới chợ, gần cầu nhà thờ, em chú Nguyễn, tiệm Huế
Hùng liên, cũng bán hàng sên, Tà nhà lòng chợ Sadec, buôn bán quen
với Cầu Bấy tiệm chính Minh, anh anh Đức, tiệm Di Long, gần cầu
Sát Sadec, ----- Tôi bạn anh Bắc Sĩ Phúc, (Lê Hữu Phúc), trước
anh từng từ tại bệnh viện Sadec, khi tôi sắp rời Việt Nam, anh
Phúc có thư tôi trao lời cũng cô, Mong cô vui lòng viên tình người
cũng từ từ quê hương, giúp đỡ anh xin giấy giới thiệu "LOI" hay "WIENE",
giấy này cho Nhập Cảnh Hoa Kỳ của Thái Đồn Mỹ ở Đài Loan, hay ở
"Washington" cấp cho đó, để bỏ túi vào hồ sơ, vì anh còn thiếu hồ sơ
ấy. ----- Kính thưa cô, khi tôi còn ở Việt Nam, chúng tôi có ryle lên dưới
cô phát thanh trên đài "VOA", cô rất đồng tình, và thường khuyên anh em si
quan còn lại tại tại VN, cô rất thông cảm nỗi đau khổ của bao anh
em còn vất vả trên tay bao tàn, và được biết cô sẵn sàng giúp đỡ
anh em vượt lên tục, để ~~hơn~~ hoàn thành thư tục, vì vậy tôi mới
dám mạo muội kính thư, mong cô vui lòng quảng đại và thông cảm
nỗi đau lòng trông chờ của anh Phúc bạn tôi, và giúp cho anh
được giấy giới thiệu "LOI" để bỏ túi vào hồ sơ.

Tôi là bạn, được bạn tin cậy giao phó từ việc, cứ tưởng mình
được đi thẳng qua Mỹ, nên đã hứa với anh là tôi sẵn sàng tiếp tay
với anh, nào ngờ tôi phải qua thủ tục tân lực sinh vật và ryle
vượt 6 tháng, không lẽ vì vậy để mất lòng tin của bạn, nên tôi
trần trong kính thư cũng cô, mong cô viên tình cũng quê hương
từ từ mà giúp giùm, Tôi nguyện ghi ơn suốt đời, một lần nữa
tôi thành khẩn xin cô giúp giùm bạn tôi, và từ suốt đời tôi không
quên ơn cô. Kính chào cô.

T.B: 11-29-85. tôi có gửi kính thư

cô 1 lá thư, & biết cô có nhận

được chưa.

Minh

Lý Minh

(anh chú Nguyễn)

Dec 16th, 1985.

Kính gửi :

Bà KHUOC MINH THO

Hội trưởng hội Gia đình Tự Nhân Chính Trị V.N
P.O Box 5435

Arlington - VA - 22205.

Kính Bà,

Xin Bà vui lòng can thiệp với ODP ở
Bangkok Thailand cho gia đình Em tôi là
NGUYEN THI TUYET và LE HUU PHUC và ba
con, số IV là 054355 để được cấp
VEWL number hay Letter of introduction.

Tôi xin gửi bà bản sao bức thư tôi
gửi cho tòa đại sứ Mỹ ở Bangkok.

Xin thành thật cảm ơn Bà.

Kính.

Nguyen Thi Duong

December 16th 5

Request for assistance.

- From : - NGUYEN THI TUONG on behalf of NGUYEN
THI TUYET and her husband LE HUU PHUC
IV # 054355

- To : ME Director
ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE
131 SOI TIENG SIANG
SOUTH SATHORN ROAD
BANGKOK - 10120 - THAILAND

Subject: Request for the VEWL number or a letter of
introduction.

Dear Sir,

I am writing you asking for an issuance of
the VEWL number or a letter of introduction for my
sister NGUYEN THE TUYET, her husband LE HUU PHU,
her 3 children all under IV # 054355

(Served) My brother in law LE HUU PHUC being:
- a former physician captain in the ARVN
- a medical director of Sacke Hospital
- a trainee in a US sponsored program abroad
in Taiwan in 1974

- a close collaborator with US medical advisors
particularly Mr William R. Hardecastle, former US medical
advisor at the IVth strategic zone in Can Tho

He has been the subject of persecution and
hardship from the Vietnamese Communists to the

limit that leads him and his family to escape VN at any price. As a result of his twice unsuccessful tentatives of escape he has been jailed for 6 or 12 months. Since then he has been under more restricted surveillance by the Communists.

Actually I have many reasons that his life might be endangered.

For the sake of my relative's life, I am calling your assistance in issuing a VEW number or a letter of introduction which enable my relatives to get a visa of exit from the government of Vietnam.

In waiting for your favorable response, I wish to express to you all my gratefulness

Sincerely yours

Nguyen Huu Truong

From: NGUYEN THI TUONG

To: Hình gửi Bà Khuê minh Thở
Hội trưởng hội Gia đình Tự Nhân Chính Trị VN
PO Box 5435.
Arlington . VA . 22205.



Soke 19.9.85.

Chị Cánh + Chị Thanh mến,

Lâu quá Châu không viết thư thăm gia đình chị Phụng và các bạn. Mong chị Cánh + Chị Thanh + các bạn thông cảm cho Châu, vì hoàn cảnh Châu quá đông đúc và bận rộn trong cuộc sống hằng ngày chứ không phải Châu quên các bạn đâu. Lúc trước Châu đã có vài lần viết thư thăm vì cảm ơn việc Chị Thanh giúp đỡ Phụng + Thanh những thư bị hoàn trả lại vì không thấy địa chỉ. Châu đọc thư của chị Cánh cũng biết Chị Thanh qua bên bên việc ngày đầu tiên giúp đỡ cho gia đình và bạn bè. Mỗi lần bạn bè thăm ở Sodec có dịp họp mặt vào những ngày cuối tuần, thời nghỉ, đây tháng đầu năm thì chị Cánh + Chị Thanh + các bạn cũ, đi cùng như Chị Thanh giới thiệu bạn bè quen biết nhau với mọi người. Mặc dù chị Cánh và Chị Thanh ít viết thư cho Châu nhưng lúc nào Châu cũng theo dõi tin tức của gia đình chị Cánh và Chị Thanh qua tin con và bạn bè ở Sodec. Hiện nay gia đình chị Cánh + Chị Thanh + các bạn bên ấy có mạnh giỏi không? Sinh hoạt như thế nào? Gia đình Châu và các bạn thăm ở Sodec cuộc sống vẫn bình thường và luôn hướng về các bạn.

Chị Thu và chị em nhà BS Đức không? Còn lâu BS
là ăn nhậu cùng gia đình Châu. Như chị Thu đã biết
hoàn cảnh của BS cũng sống như chị Thu lúc trước những
đến nay vẫn chưa được tái ngộ. Gia đình BS buồn
lắm lắm Châu không chịu nổi nên bỏ trốn mang em Thu
và chị giúp đỡ để BS được tái ngộ như gia đình
các bạn cũng sống càng tốt thì ăn này Châu không bao
giờ quên. Châu đã viết vài lá thư nhờ giúp đỡ cho gia
đình BS mà không biết em Thu + chị có nhận được không?

Thật mong ai giúp đỡ của các bạn. Riêng Châu thì phải
chờ thời gian. Chị ơi! Chúng mình cũng tuổi, cũng hoàn
cảnh sao chị quên rồi, Châu trốn phục phở đã vượt
qua mọi sự buồn khổ, còn Châu không chỉ cần đơn đánh
chụp nhậu mọi sự buồn lo, phải nhớ xa con, xa bạn, lo
gia đình. Châu sống không có niềm vui, ít ai để tâm sự
với chị Lang....

Đi hàng trăm gia đình em Thu + chị + em Mười
cùng các bạn bên ấy. Chắc hẳn em các bạn nhất
định nghĩ vọng và hạnh phúc. Hẹn thư sau sẽ tâm sự

Thân
Chị

Chanh Châu.

Sadec . . . 10 - 10 - 85.

Thính thưa chị Thỏ.

Tôi xin tự giới thiệu tôi là bác sĩ Lê Hữu Phước
chắc có lẽ chị không biết tôi vì lúc tôi đến về làm
việc ở Triều Khu Sadec thì chị đã về Sàigòn rồi.
Tôi có quen nhiều với chị Năm Thu, các anh bạn bên
nhà nhậu nhớ nhiều về chị, họ rất cảm động về
tâm lòng tốt của chị Anh Lâm và chị Thanh Châu (Thúy và
cứ bảo tôi viết thư cho chị, tôi ngại ngại quá, nhưng
cuối cùng mao mướn viết thư này nhờ chị giúp đỡ:

Tháng 6.82. người chị vợ tôi có gởi 1 giấy báo mất
nhưng đến tháng 8.83 tôi mới được nộp vào, tháng 10.84
giấy tờ được đưa ra. Hà Nội đi xét. Theo lệ thường
tôi đã 6 tháng sau là có giấy xuất cảnh. Nhưng đến nay
vẫn không thấy, tôi hỏi thăm thì được biết sang năm 86
họ chỉ giải quyết cho những ai đã có "LOI" hay "VEWL"
Tôi gởi theo đây các giấy tờ và liên lạc. Nhờ chị xin
họ đừng đòi giấy tờ để tôi được sớm ra đi.

Thỏ từ xin chị gởi về cho chị.

Mrs NGUYỄN THỊ TƯỜNG

U.S.A.

hoặc địa chỉ NGÔ - TÂN - SỬ

C/O. NG. DINH BACH NGA.

8^e etage N°9 Franche Comté

35.000 Rennes F

FRANCE

Gia đình tôi rất mong chị đi giúp đỡ các chị
và xin chị nhận nơi đây lòng biết ơn sâu xa của tôi.
Kính chào chị.

LÊ - HỮU - PHƯỚC

Ảnh của đương-sự và của các con cùng đi theo.

*Photographie du titulaire et, le cas échéant, photographes
des enfants qui l'accompagnent.*

Photograph of bearer (and of children if any).



Chữ ký của đương-sự.

Signature du titulaire.

Signature of bearer.

9

A handwritten signature in dark ink, consisting of a stylized 'P' followed by a horizontal stroke.

CHIẾU-KHẨN
VISAS

ĐI
DEPARTURE
03 JUN 1974 KHAN
VISAS
OFFICIAL
TAN SON NHUT AIRPORT SAIGON
Ministry of Foreign Affairs
BỘ NGOẠI-GIAO VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

GRATIS Chiếu khản số 1682/74
Visa No.

Đã ra khỏi Việt-Nam và trở lại
Good for leaving Viet-Nam and return
Trong thời hạn 17 ngày
Within a period of *seventeen days*

Chiếu khản này có hiệu lực từ ngày 14 JUN 74
This visa is valid for *seven* days
Kể từ ngày 14 JUN 74
From the date of issue
SAIGON, on MAY 31 1974

MINISTER OF FOREIGN AFFAIRS
Director of Consular Affairs

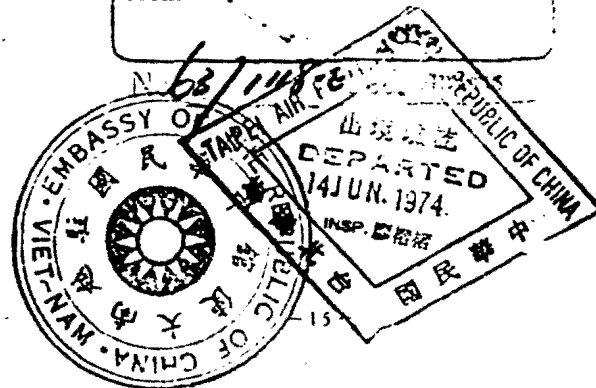
REPUBLIC OF VIETNAM
MINISTRY OF
FOREIGN AFFAIRS

ĐỒ-LAI-KỲ

CHIỀU-KHÂN
VISAS

中華民國駐越南共和國大使館
Embassy of The Republic of China

REPUBLIC OF CHINA
CHIỀU-KHÂN
VISAS
GENERAL VISA
30 NOV 1974
Valid until
single journey (4)
to the Republic of China
remains valid.
FOR THE AMBASSADOR
P.C. Chiang
PECHING CHIANG
FIRST SECRETARY
Date of issue MAY 31 1974
Remark:



VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

THÔNG-HÀNH CÔNG-VU

TỔNG-TRƯỞNG NGOẠI-GIAO

Le Ministre des Affaires Étrangères

The Minister of Foreign Affairs

yêu cầu các Văn và Võ quan có phận sự duy-trì trật-tự trên lãnh-thò
requiert les Officiers civils et militaires chargés de maintenir l'ordre
requires all civil and military authorities in charge of maintaining order

Việt-Nam và nhà chức trách được ủy-thác nhiệm vụ tương-tự trong
au Viet-Nam et prie les autorités investies de la même mission dans
in Viet-Nam and requests the authorities invested of the same duty in

các nước Đồng-Minh và Thân-Hữu đờ..... Ông.....
les pays Alliés ou Amis de laisser librement passer
Allied or Friend countries to let pass freely..... Mr.

LÊ HỮU PHÚC

Government Official

được tự do thông-hành và khi cần đến, giúp đỡ và bảo vệ đương-sự.
et de lui donner aide et protection en cas de besoin
and to afford assistance and protection to the above named person in
case of need.



Saigon { ngày
le
on MAY 31 1974

Tổng-Trưởng Ngoại-Giao,
Le Ministre des Affaires Étrangères
The Minister of Foreign Affairs

THE DIRECTOR OF CONSULAR AFFAIRS

ĐỖ-LAI-KỶ

có giá trị đến
valable jusqu'au
valid until

19 JUL 1974

Sở Thông-hành này có giá trị tại các nước sau đây:
Ce passeport est délivré pour les pays ci-après:
This passport is valid for the following countries:

Republic of China i. f. la

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA

RÉPUBLIQUE DU VIÊT-NAM

REPUBLIC OF VIÊT - NAM

THÔNG-HÀNH CÔNG-VỤ

PASSEPORT DE SERVICE

OFFICIAL PASSPORT

Số 18.067

No

Tên và họ

Nom et prénoms

Name

Mr. LÊ HỮU PHÚC

Ngày sinh

Date de naissance

Date of birth

September 12, 1939

Nơi sinh

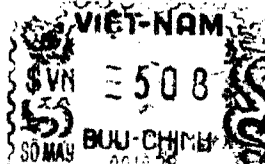
Lieu de naissance

Place of birth

SA-ĐÉC

Thông hành công vụ này gồm có 48 trang.
Ce passeport de service contient 48 pages.
This official passport contains 48 pages.

om LE HAI THUC
18/3/85 Ben xe mo
3 P. Th. x. Sadee
x. Dong Thap. V.N.



**PHAT RIENG
EXPRES**

**MAI RAY
PAR AVION**

To

KHUC MINH THO

F.V.N. P.P.A.

P.O. Box 5435

ARLINGTON, VA 22205-063A

U.S.A.

Sadec ngày 10. 10. 85.

Kính thưa chị Thơ.

Tôi xin tự giới thiệu, tôi là Bái Bử Lê Hữu Phước, chắc có lẽ chị không biết tôi. Vì lúc tôi dồn về làm việc ở Tiểu khu Sadec. Tôi chị đã về Saigon rồi. Tôi có quen nhiều với chị Năm Thìn, các ông bạn bên nhà nhỏ nhỏ nhiều về chị, họ rất cảm động về tấm lòng tốt của chị. Ông lân vào chị Thanh Châu (Thư vu) cũ báo tôi viết thư cho chị, tôi ngại ngại quá, nhưng cuối cùng tôi mạo muội viết thư này nhờ chị gúp đỡ.

Tháng 6. 82. người chị vợ tôi có gởi, gởi báo lẻ, nhưng đến tháng 8. 83 tôi mới được nộp vào, tháng 10. 84. gởi được chưa 12 tờ rồi đi hết. Theo lệ thường tôi đi 6 thấy sau là có gởi xuất của. Nhưng đến nay vẫn không thấy, tôi hỏi thăm thì được biết sang năm 86. họ chủ quyết cho những ai đã có L.O.I. (letter of introduction) hay VEWL. (visa entry working list). Tôi gởi theo đây cái gởi tờ và như cũ. Nhờ chị xin họ đưa tôi gởi đi để tôi được đến 12 đi. Thư thì xin chị liên lạc với anh chị.

Mrs. NGUYỄN . THI . TƯỜNG

U.S.A. v
Hoàn trả chị : NGỒ TÂN SỞ.

Khi nhận được c/o NA DINH BACH. NGA.

Sẽ chuyển về 8: étage N° 9. Franche Comté.

VN. rất là 35.000 Rennes. France.

Gia đình tôi rất mong chờ tin gúp đỡ của chị và xin chị nhận báo đây lòng biết ơn sâu xa của tôi.

Kính chào chị.

(xin chị thư tôi nên chị nhận được như thư gởi sau vì tôi H. thất lạc)



LÊ HỮU PHƯỚC

CHIẾU-KHẨN
VISAS

- 10 -

DEPART
03 JUN 1974
VISAS
OFFICIAL
BAN SON NHUT AIRPORT - SAIGON

Ministry of Foreign Affairs
BỘ NGOẠI-GIAO VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

GRATIS Chiếu khản số 1682/74
Visa No.

Đã ra khỏi Việt-Nam và trở lại
Good for leaving Viet-Nam and return
Trong thời hạn 17 ngày
Within a period of *seventeen days*

Chiếu khản này chỉ hiệu lực 14 JUN 1974 ngày
This visa is valid for *Seven* days

Kể từ ngày 14 JUN 1974
From the date of issue
SAIGON, on MAY 9 1974

MINISTER OF FOREIGN AFFAIRS
The Director of Consular Affairs

REPUBLIC OF VIETNAM
MINISTRY OF
FOREIGN AFFAIRS

- 11 -

BỘ-LAI-KỲ

Ảnh của đương-sự và của các con cùng đi theo.

*Photographie du titulaire et, le cas échéant, photographes
des enfants qui l'accompagnent*

Photograph of bearer (and of children if any).



Chữ ký của đương-sự.

Signature du titulaire.

Signature of bearer.

[Handwritten signature]

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

THÔNG-HÀNH CÔNG-VỤ

TỔNG-TRƯỞNG NGOẠI-GIAO

Le Ministre des Affaires Étrangères
The Minister of Foreign Affairs

2 - yêu cầu các Văn và Võ quân có phận sự duy-trì trật-lự trên lãnh-thò
requiert les Officiers civils et militaires chargés de maintenir l'ordre
requires all civil and military authorities in charge of maintaining order

Việt-Nam và nhà chức trách được ủy-thác nhiệm vụ tương-tợ trong
au Viet-Nam et prie les autorités investies de la même mission dans
in Viet-Nam and requests the authorities invested of the same duty in

các nước Đồng-Minh và Thân-Hữu đờ
les pays Alliés ou Amis de laisser librement passer
Allied or Friend countries to let pass freely

Ông

Mr.

LÊ HỮU PHÚC

Government Official

được tự do thông-hành và khi cần-đến, giúp đỡ và bảo vệ đương-sự.
et de lui donner aide et protection en cas de besoin
and to afford assistance and protection to the above named person in
case of need.



Saigon { ngày
le
on

MAY 31 1974

Tổng-Trưởng Ngoại-Giao,
Le Ministre des Affaires Étrangères
The Minister of Foreign Affairs

THE DIRECTOR OF CONSULAR AFFAIRS

BỒ-LAI-KỶ

có giá trị đến
valable jusqu'au
valid until

13 JUL 1974

Sở Thông-hành này có giá trị tại các nước sau đây:
Ce passeport est délivré pour les pays ci-après;
This passport is valid for the following countries:

Republic of China, P. R.

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA
RÉPUBLIQUE DU VIÊT-NAM
REPUBLIC OF VIET-NAM

THÔNG-HÀNH CÔNG-VỤ

PASSEPORT DE SERVICE
OFFICIAL PASSPORT

Số 18.067
No

Tên và họ

Nom et prénoms

Name

Mr. LÊ HỮU PHÚC

Ngày sinh

Date de naissance

Date of birth

September 12, 1939

Nơi sinh

Lieu de naissance

Place of birth

SA-ĐÉC

Thông hành công vụ này gồm có 48 trang.
Ce passeport de service contient 48 pages.
This official passport contains 48 pages.

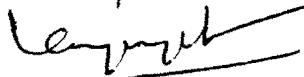
Sátte, ngày 19 tháng 9 năm 1981

Kính gửi,

Lần qua không được được đi với chú,
thước gửi thì rất hay chú mong được rút
tho² không keli' trong lần này, là biết như,

Đi đến PS/PC và đi trước, cũng như anh em
và là bạn đi tham với gia đình tôi, kính
nhớ chú giúp cho thước uống như tôi.

Kính gửi giúp tôi, cần chú kính chúc
chú và gia đình luôn luôn khỏe mạnh,
kính thư,

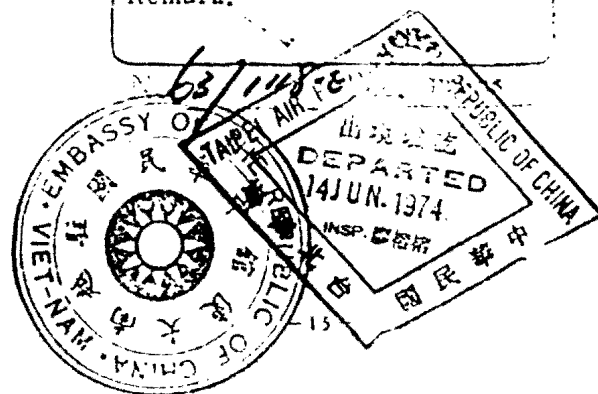


Nguyễn Thế Văn

CHIỀU-KHÂN
VISAS

中華民國駐越南共和國大使館
Embassy of The Republic of China

REPUBLIC OF CHINA
VISAS
CHIỀU-KHÂN
FINAL VISA
30 NOV 1974
Single journey ()
to the Republic of China
remains valid.
FOR THE AMBASSADOR
P. C. Chiang
PE CHING CHIANG
FIRST SECRETARY
Date of Issue MAY 2 1974
Remark:



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ Y-TẾ

---oOo---

Saigon, ngày 3 tháng 9 năm 1974

Số 4620 -BYT/NV/NN2/QĐ.

TỔNG-TRƯỞNG Y-TẾ,

- Chiếu Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 1-4-1967, tu chỉnh do Luật số 001/74 ngày 22-1-1974;
- Chiếu Sắc-Lệnh số 394-TT/SL ngày 1-9-1969 và các văn-kiện kế tiếp, nhất là Sắc-Lệnh số 130-TT/SL ngày 18-2-1974, ấn định thành phần Chính-Phủ
- Chiếu Sắc-Lệnh số 35-YT ngày 19-9-1949, ấn định chức chương Bộ-Trưởng Y-Tổ; và S.L số 175-SL/YT ngày 23-7-74 v/v tổ chức Bộ Y-Tế
- Chiếu Sắc-Lệnh số 175-NV ngày 23-5-1955 và các văn-kiện kế tiếp, ấn định phụ-cấp chức-vụ, cung cấp bằng hiện vật và hiện kim cho các công-chức và nhân-viên công sở;
- Chiếu Nghị-Định số 354-YT/HC/NĐ ngày 3-5-1956 và các văn-kiện kế tiếp, xếp hạng các Bệnh-Viện;
- Chiếu Quyết-Định số 3221-BYT/NV/NN2/QĐ ngày 6-7-1970, cử Bác-Sĩ NGUYỄN-VĂN-TRÍ giữ chức-vụ Trưởng-Ty Y-Tế kiêm Quản-Đốc Bệnh-Viện Sadeo;
- Chiếu tờ trình số 474-BYT/QTTB/Cl ngày 20-8-1974 của Tổng Nha Y-Tế và phiếu gửi số 1048-BYT/QTTB/Cl/1/1257 ngày 22-8-1974 của Sở Quản-Trị Bệnh-Viện;
- Chiếu nhu-cầu công-vụ,

QUYẾT - ĐỊNH :ĐIỀU I - Nay cử :

- BS. NGUYỄN-VIỆT-TÙNG, Y-Sĩ Thiếu-Tá biệt phái ngoại ngạch, Y-Sĩ Điều-Trị, tổng sự tại Bệnh-Viện Phối-Hợp DQY Sadeo, giữ chức-vụ Trưởng-Ty Y-Tổ Sadeo thay thế BS. NGUYỄN-VĂN-TRÍ vừa đặc cử Nghị-Viên Hội-Đồng Tỉnh.

- BS. LÊ-HUU-PHÚC, Y-Sĩ Điều-Trị khế-uớc, tổng sự tại Bệnh-Viện Sadeo, giữ chức-vụ Giám-Đốc Bệnh-Viện này thay thế Bác-Sĩ NGUYỄN-VĂN-TRÍ.

ĐIỀU II - Kể từ ngày thực sự đảm nhiệm chức-vụ kể trên, các đương-sự được hưởng khoản phụ-cấp/ chức-vụ ấn định theo thể lệ hiện hành, do Ngân-Sách Quốc-Gia (cơ-quan xử dụng) đài thọ.

ĐIỀU III - Phụ-Tá Tổng-Trưởng, Tổng Thư-Ký và Tổng Giám-Đốc Bộ Y-Tổ Chiếu nhiệm-vụ thi hành Quyết-Định này.

HỘI NHẬP : Phủ Tổng-Ủy Công-Vụ

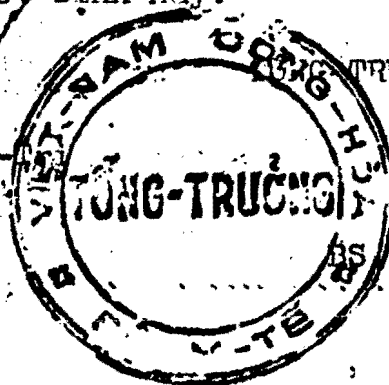
- Nha TGD Ngân-Sách/Ngoại-Viện
- Nha TGD Y-Tổ - Nha Tổng Thư-Ký
- Thanh-Tra Đoàn YT - Nha YT Điều-Trị
- Nha Y-Tổ C/c - Nha Tiếp-Vận
- Tòa Hành-Chánh Sadeo
- Ty Y-Tổ Sadeo - Bệnh-Viện Sadeo

"Đã tổng đạt"

- Sở Quản-Trị Bệnh-Viện
- Sở Ngân-Sách và Kế-Toán
- Sở Pháp-Chó - Phòng Thống-Kê
- Sở Nhân-Viên Chính Ngạch
- Phòng Kiểm-Tra Nhân-Lực

HỒ-SƠ - LƯU

MA/NS/20.



Huỳnh-Văn-Huân